

**ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC KẠN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ**



**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN NA RÌ
(1975 - 2015)**



LLCT

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN NÀ RÌ
(1975-2015)**

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

LIBRARY

1100 S. MICHIGAN AVE.

**ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC KẠN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ**

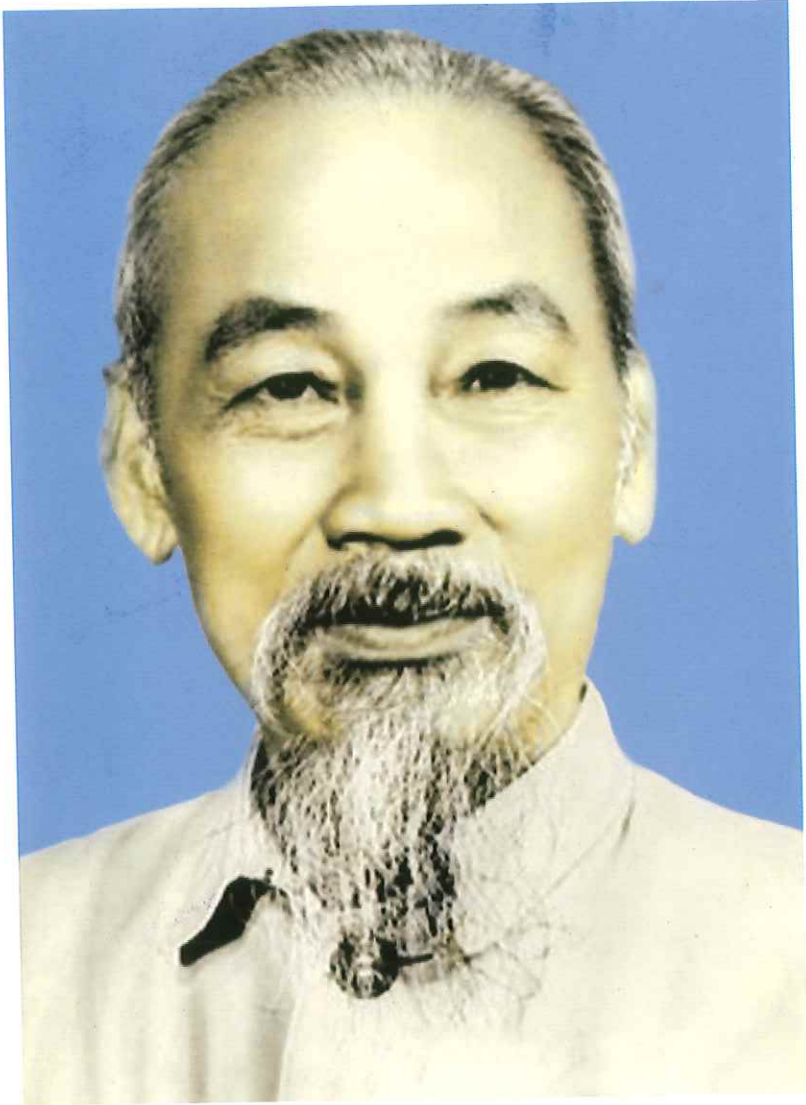
**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ
(1975-2015)**

Năm 2019

ĐẢNG BỘ HUYỆN NẠI RI
TỈNH SÓC TRĂNG

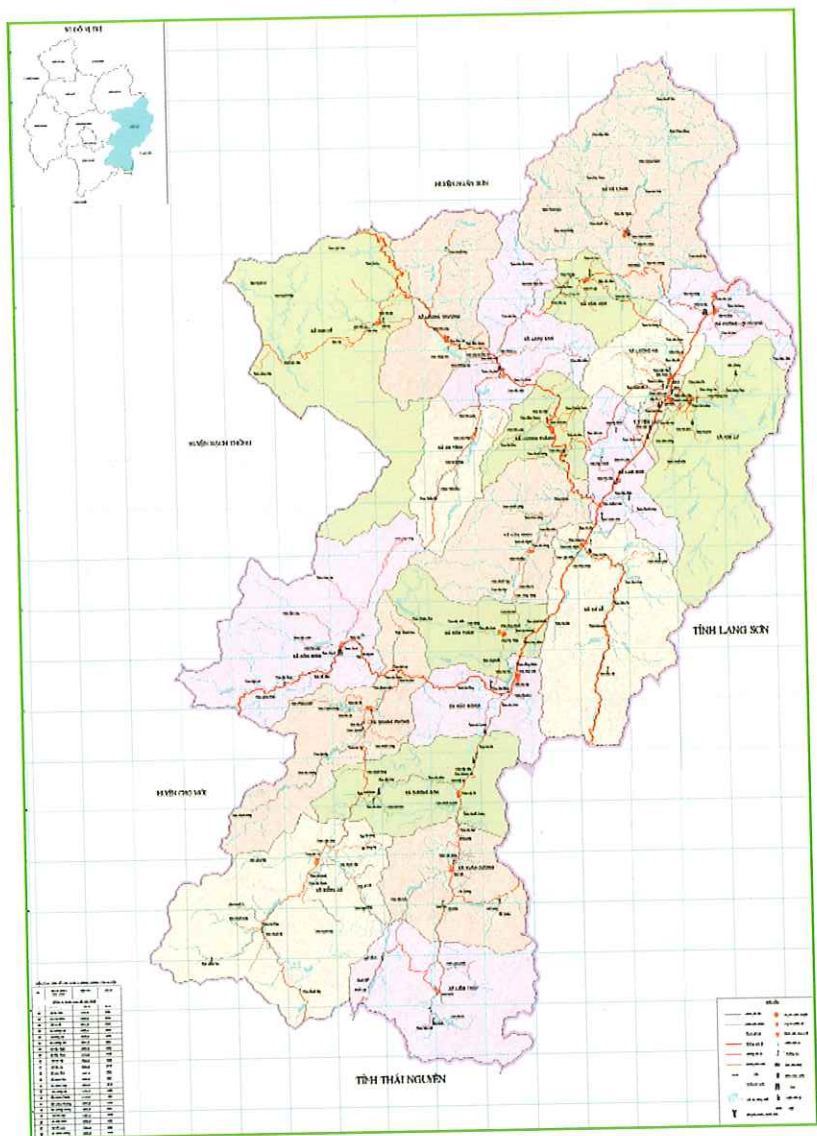
ĐẢNG BỘ HUYỆN NẠI RI
TỈNH SÓC TRĂNG
(1975-2015)

Tháng 10 năm 2015



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA





Bản đồ hành chính huyện Na Rì



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Chung Thị Biển

Bí thư Huyện ủy - Trưởng ban

Nông Đức Chiến

Nguyên PBT TT HU - Phó Trưởng ban

Hoàng Văn Vĩnh

Phó Bí thư TT HU - Phó Trưởng ban

Dương Hữu Bường

Nguyên Chủ tịch UBND huyện - Phó Trưởng ban

Nông Văn Nguyên

Chủ tịch UBND huyện - Phó Trưởng ban

Lương Văn Hiệu

Nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy

- Phó Trưởng ban Thường trực

Hoàng Đình Nga

Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy

- Phó Trưởng ban Thường trực

BAN SƯU TẦM, THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU

Lương Văn Hiệu

Nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo HU - Trưởng bộ phận

Hoàng Đình Nga

Trưởng Ban Tuyên giáo HU - Trưởng bộ phận

Long Thị Thịnh

Phó Trưởng BTG HU - Thành viên

Lý Khánh Minh

Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy - Thành viên

Triệu Thị Hoàng

Chuyên viên Ban Tuyên giáo HU - Thành viên

Trương Thị Huyền Trang

Chuyên viên Ban Tuyên giáo HU - Thành viên

Nguyễn Quang Khôi

Nguyên Phó Trưởng BTG Tỉnh ủy - Thành viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Thạc sĩ Lịch sử: **Nguyễn Thanh Hải**

Thạc sĩ Lịch sử: **Đoàn Văn Trường**

Thạc sĩ Lịch sử: **Lý Đình Hoan**

Cố vấn khoa học: **PGS.TS. Phạm Xuân Mỹ**

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 7/4/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc tăng cường và nâng cao chất lượng sưu tầm, biên soạn Lịch sử Đảng; Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/1/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng tại Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì nhiệm kỳ 2015-2020 ban hành quyết định về việc tổ chức sưu tầm, biên soạn và xuất bản cuốn sách “Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì (1975-2015)”.

Cuốn sách “Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì (1975-2015)” được biên soạn công phu, nghiêm túc, dựng lại một cách trung thực, khách quan 40 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ huyện trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cuốn sách ghi lại những kết quả đạt được và mặt còn hạn chế của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Na Rì trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Cuốn sách vừa là tài liệu góp phần giáo dục truyền thống lịch sử cho các thế hệ cán bộ, đảng

viên và nhân dân trong huyện, vừa là tài liệu nghiên cứu đúc rút kinh nghiệm cho các cấp ủy Đảng và chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội trong các giai đoạn tiếp theo.

Nhân dịp cuốn sách xuất bản, Ban Chỉ đạo biên soạn trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo sát sao của Ban Thường vụ Huyện ủy; ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí là lãnh đạo chủ chốt của huyện đương nhiệm và tiền nhiệm, sự hỗ trợ tích cực của các cấp, các ngành và giúp đỡ của nhân dân. Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, sự phối hợp, tư vấn chuyên môn của đơn vị tư vấn đã giúp chúng tôi hoàn thành công trình này.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu, biên soạn nhưng do nguồn tư liệu lưu trữ bị thất lạc, các nhân chứng lịch sử người còn người mất nên cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân và bạn đọc gần xa để những lần xuất bản sau, cuốn sách được bổ sung đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ

Bí thư

CHUNG THỊ BIÊN

Chương I

ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, BẢO VỆ TỔ QUỐC, BƯỚC ĐẦU TIÊN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-1996)

I. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1980)

Đại thắng mùa xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh đã kết thúc 21 năm kháng chiến trường kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới: thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất, cùng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bước vào giai đoạn mới, Đảng bộ và nhân dân huyện Na Rì đứng trước những thuận lợi và khó khăn khác nhau. Thuận lợi căn bản nhất là đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, tạo nền tảng quan trọng để khôi phục và phát triển kinh tế; trải qua 21 năm chiến tranh “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”, đội ngũ cán bộ

đảng viên được thử thách, rèn luyện và trưởng thành; nhân dân có truyền thống cách mạng, luôn tin tưởng vào đường lối, chính sách lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó còn tồn tại nhiều khó khăn: Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu; sản xuất chủ yếu mang tính chất nhỏ lẻ, manh mún, tự cung tự cấp với cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn; lao động thủ công, năng suất thấp; cơ chế quản lý kinh tế vẫn tổ chức thực hiện theo chế độ bao cấp; không có hệ thống điện lưới quốc gia, cầu đường hư hỏng... là những trở ngại lớn đến sự phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân trong giai đoạn này.

Từ ngày 03 đến ngày 07/8/1975, hòa chung không khí phấn khởi mừng đất nước thống nhất, Đảng bộ huyện Na Rì tổ chức Đại hội lần thứ VII, nhiệm kỳ 1975-1977. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trong 10 năm (1965-1975) cùng miền Bắc thực hiện nhiệm vụ hậu phương kháng chiến. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1975-1977 là: Tập trung khôi phục và phát triển kinh tế, trong đó ưu tiên cho phát triển nông nghiệp; cải tổ lại hoạt động của các hợp tác xã để tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân; bên cạnh đó kiện toàn bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 23 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 8 đồng chí; đồng chí Nông Văn Ngự được bầu

giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lâm Văn Nông được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Đinh Như Toàn được bầu giữ chức vụ Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Đầu năm 1976, thực hiện Chỉ thị 228-CT/TW ngày 3/1/1976 của Bộ Chính trị về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Na Rì đã phát động nhiều phong trào thi đua sản xuất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội để nhân dân hiểu rõ được ý nghĩa quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử. Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thống nhất chính thức diễn ra, đông đảo nhân dân Na Rì nô nức tham gia thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ thiêng liêng của công dân. Kết thúc cuộc bầu cử, trên địa bàn huyện đã có 90% số cử tri đi bỏ phiếu, tiêu biểu là các xã Côn Minh, Hữu Thác, Lương Thượng và Cư Lễ.

Sau cuộc bầu cử, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (Quốc hội khóa VI) họp kỳ họp thứ nhất tại Hà Nội. Quốc hội tuyên bố nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương đã khẳng định. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lấy Hà Nội làm thủ đô, đồng thời đổi Ủy ban hành chính các cấp thành Ủy ban nhân dân các cấp. Theo đó, Ủy ban hành chính huyện Na Rì đổi là Ủy ban nhân dân huyện Na Rì.

Để tăng cường lực lượng sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, nâng cao tổng sản phẩm nông - lâm nghiệp, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của người lao động, ngày 05/4/1976, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 61-CP “Về cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”. Trên cơ sở đó, ngày 08/6/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Nghị quyết số 46-NQ/BT “Về tiếp tục thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở”. Mục đích của cuộc vận động là nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phong trào sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các huyện cần củng cố, cải tiến công tác quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng quy mô các hợp tác xã, xây dựng các hợp tác xã có quy mô toàn xã, hợp nhất các hợp tác xã có quy mô nhỏ, tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm và nguyên liệu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Thực hiện Nghị quyết 61 của Hội đồng chính phủ và Nghị quyết 46 của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy đã đề ra phương hướng củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp; tập trung cán bộ giúp đỡ các hợp tác xã thanh quyết toán khóa sổ; tiến hành hợp nhất một số hợp tác xã quy mô nhỏ thành hợp tác xã lớn; thu hồi ruộng đất ngoài 5% đưa vào sản xuất, kinh doanh; lấy xã Lương

Hạ làm điểm tổ chức lại sản xuất và hai xã phụ điểm là Cư Lễ và Hữu Thác.

Sau gần 1 năm thực hiện, đến cuối năm 1976 toàn huyện tiến hành hợp nhất được 1 hợp tác xã quy mô thôn (Đồng Tiến và Cộng Lực), 1 hợp tác xã quy mô xã (Lương Thượng), tổ chức được 1 hợp tác xã chăn nuôi ở Lương Thành và khôi phục được hợp tác xã Khuổi Táy (Liêm Thủy). Cuối năm 1976, toàn huyện có 66 hợp tác xã, trong đó có 4 hợp tác xã định canh định cư, 1 hợp tác xã trồng cây chè và cây công nghiệp vùng thấp. Số hộ nông dân vào làm ăn tập thể là 2.383 hộ (chiếm 94,7% tổng số hộ nông dân)¹. Đầu năm 1977, huyện tổ chức được thêm 3 hợp tác xã quy mô toàn xã: Lương Hạ, Hảo Nghĩa, Hữu Thác. Cuối năm 1977, toàn huyện có 64 hợp tác xã với 2.515 hộ, chiếm 97,4% tổng số hộ nông dân (tăng 2,7% so với năm 1976); trong đó, có 1 hợp tác xã vận tải thô sơ, 1 hợp tác xã chuyên sản xuất cây công nghiệp và 1 hợp tác xã định canh định cư cho đồng bào Dao. Các hợp tác xã này được Nhà nước cấp gạo theo kỳ hợp đồng sản phẩm². Về quản lý ruộng đất, thực hiện Nghị quyết 33-NQ/BT và Nghị quyết 36-NQ/BT của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy đã chỉ đạo các xã tiến hành thu hồi ruộng đất, đất bãi bị chiếm dụng ngoài ruộng 5% của xã viên để đưa vào hợp tác xã quản lý và

1. Trích Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Huyện ủy Na Rì tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII, ngày 29/10/1977, tr. 9.

2. Trích Báo cáo Tổng kết công tác năm 1977, ngày 27/01/1978, tr. 6-7.

kinh doanh. Theo đó, có 20/21 xã đã tiến hành thu hồi được 50,6ha ruộng, 10ha đất bãi bằng, trong đó hợp tác xã Bản Pò (Lương Hạ) thu hồi được 8,5ha đưa vào sản xuất có hiệu quả, chấm dứt tình trạng xã viên làm ăn riêng lẻ¹.

Cùng với công tác củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ phát triển kinh tế được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện. Xác định vụ mùa (chủ yếu là lúa mùa) là vụ sản xuất chính của huyện, Huyện ủy đã có nhiều cố gắng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất song do nhiều khó khăn, từ năm 1975-1977, sản xuất vụ mùa có chiều hướng giảm. Vụ mùa năm 1975, toàn huyện cấy được 1.807ha các giống lúa mới như Nông nghiệp 5, Nông nghiệp 8, Trân châu lùn, Bao thai lùn, năng suất bình quân đạt xấp xỉ 29 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 5.226 tấn (vượt kế hoạch 3%). Đến năm 1976, tình trạng hạn hán kéo dài đã gây ra nhiều khó khăn trong sản xuất, toàn huyện chỉ cấy được 1.471ha, tổng sản lượng được 3.198 tấn².

Đến vụ mùa năm 1977, để đảm bảo thực hiện thắng lợi chiến dịch vụ mùa thắng lớn với các mục tiêu cấy hết diện tích, đúng mật độ, phân bón 8 tấn/ha, năng suất 30 tạ/ha, Huyện ủy tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy cơ sở, các hợp tác xã. Song

1. Trích Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Huyện ủy Na Rì tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII, ngày 29/10/1977, tr. 10.

2. Trích Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Huyện ủy Na Rì tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII, ngày 29/10/1977, tr. 5-6.

tình trạng hạn hán kéo dài tiếp tục gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng cho sản xuất. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo thực hiện kết hợp nhiều biện pháp chống hạn như: Phát động phong trào làm thủy lợi sâu rộng ở các xã; xây dựng mới nhiều công trình thủy lợi: Ao Khuổi Khoang (Hảo Nghĩa), nương Béo Kèo (Lương Thành), nương Nà Khang (Ân Tình), đập Cốc Pái (Côn Minh), nương Hát Lài (Lam Sơn), ao Hua Kiều (Kim Lư), cải tạo 375 nương, 135 đập, 75 máng, làm mới 5 cọn nước¹; chủ động gieo thêm mạ mới để bổ sung mạ cũ bị chết; những chân ruộng cao không có nước để cấy lúa chuyển sang trồng màu để đảm bảo cấy hết diện tích; phân công cán bộ các ngành ở huyện xuống giúp đỡ các cơ sở chỉ đạo làm mùa... Tuy có nhiều cố gắng nhưng kết quả vụ mùa năm 1977 không đạt hiệu quả. Toàn huyện cấy được 1.723,217ha (mất trắng 473,47ha), năng suất bình quân 22,62 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 2.827 tấn (giảm 11,6% so với vụ mùa năm 1976)².

Đối với lúa xuân, trước đây các hợp tác xã có tiến hành sản xuất nhưng do thời tiết rét kéo dài, năng suất thu hoạch thấp nên nhiều hợp tác xã bỏ để tập trung trồng cây hoa màu vụ xuân. Tuy nhiên, trước tình trạng năng suất lúa mùa giảm, nhu cầu lương thực được đặt ra cấp bách hơn nên từ năm 1977, Huyện ủy chỉ đạo tái sản xuất lúa xuân trở lại. Chuẩn bị cho vụ sản xuất vụ

1. Trích Báo cáo Tổng kết công tác năm 1977, ngày 27/01/1978, tr. 5.

2. Trích Báo cáo Tổng kết công tác năm 1977, ngày 27/01/1978, tr. 3.

xuân 1977, từ cuối năm 1976, Ban Thường vụ Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức hội nghị với các xã, các ngành chức năng để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất với quyết tâm cao nhất. Đồng thời để các cơ sở xây dựng chỉ tiêu theo phương hướng của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn do thời tiết khắc nghiệt kéo dài không đủ nước để cày bừa, công tác lãnh đạo ở một số cơ sở thiếu quyết tâm, xây dựng chỉ tiêu nhưng không thực hiện, nên kết quả sản xuất vụ đông xuân đạt kết quả thấp. Qua tổng kết, toàn huyện mới cấy được 73,1/130ha (bằng 56% kế hoạch), năng suất bình quân đạt 16 tạ/ha, một số cơ sở như Lạng San, Ân Tình, Văn Minh đạt năng suất cao hơn, bình quân khoảng 21 tạ/ha, tổng sản lượng thu hoạch được 117,441 tấn¹.

Bên cạnh cây lúa, Huyện ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ sở đa dạng hóa cơ cấu cây trồng trong sản xuất bằng các giống cây trồng như ngô, sắn, dong riềng, đậu tương để tăng thêm nguồn lương thực... và đạt được những kết quả tích cực bước đầu. Năm 1976, toàn huyện trồng được: 993ha ngô, năng suất đạt từ 8-9 tạ/ha; sắn 13ha; dong riềng 39ha... Đến năm 1977, diện tích trồng ngô tăng lên 1.080 ha, năng suất bình quân đạt 11,65 tạ/ha; diện tích sắn tăng lên 300ha; dong riềng giảm xuống 27,33ha.

1. Trích *Báo cáo số 00-BC/NR Tổng kết công tác năm 1977*, ngày 27/01/1978, tr. 1.

Hoạt động chăn nuôi được Huyện ủy chú trọng chỉ đạo phát triển số lượng và nâng cao chất lượng vật nuôi. Thời gian này, tất cả các hợp tác xã đã có đàn trâu tập thể và bước đầu đẩy mạnh chăn nuôi trâu sinh sản. Năm 1976, huyện đã tổ chức được một hợp tác xã chăn nuôi trâu sinh sản ở Phiêng Cuôn (xã Lương Thành) với 50 con (đến năm 1977 tăng lên 58 con), năm 1977, tổ chức được thêm hợp tác xã Hợp Nhất (Hữu Thác) với 60 con. Số lượng đàn trâu cũng tăng đều qua các năm. Năm 1976, toàn huyện có 9.403 con trâu, tăng 3% so với năm 1975, đến năm 1977, đàn trâu tăng lên 9.547 con và có thêm 204 con bò¹. Tuy vậy, việc chăn nuôi trâu, bò vẫn còn nhiều hạn chế, tình trạng thả rông trâu vẫn còn phổ biến, công tác tiêm phòng thú y, đảm bảo vệ sinh chưa được coi trọng và hệ thống chuồng trại chưa được kiên cố hóa. Đàn lợn chủ yếu chăn nuôi theo hộ gia đình với trên 8.200 con, bình quân mỗi hộ nuôi trên 3 con lợn. Tuy nhiên, sinh trưởng chậm vì giống chưa tốt. Năm 1976, huyện đã giúp đỡ hợp tác xã Bản Pjây (Cư Lễ) và hợp tác xã Bình Minh (Lương Hạ) xây dựng các trại lợn nái, nhập thêm giống lợn Móng Cái về để cải tạo tầm vóc đàn lợn.

Cùng với phong trào lao động sản xuất của nhân dân, Huyện ủy cũng chỉ đạo ngành thương nghiệp và các hợp tác xã mua bán khắc phục khó khăn về kho chứa, phương tiện vận chuyển, đẩy mạnh hoạt động lưu

1. Trích Báo cáo số 00-BC/NR Tổng kết công tác năm 1977, ngày 27/01/1978, tr. 5.

thông, phân phối phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện. Phòng Thương nghiệp huyện đã có cố gắng trong việc quản lý thị trường, sắp xếp đăng kí kinh doanh may mặc. Cửa hàng thương nghiệp được học tập quán triệt Nghị quyết 49-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng nên tinh thần phục vụ nhân dân được nâng cao, các mặt hàng chủ lực để phục vụ nhu cầu của nhân dân như muối, dầu, vải, thuốc Lào... luôn được đảm bảo đủ số lượng. Hợp tác xã mua bán của huyện hợp nhất với trạm thực phẩm nên nhiệm vụ tăng thêm, thực hiện việc thu mua nông, lâm sản và thực phẩm tươi sống, đồng thời kiêm cả kinh doanh phục vụ ăn uống và quản lý các cửa hàng xã. Tính đến cuối năm 1976, hàng mua vào của hợp tác xã huyện đạt 143.226 đồng và bán ra là 165.816 đồng bằng xấp xỉ 100 con trâu. Mạng lưới hợp tác xã mua bán ở cơ sở phát triển chậm, mới có 5 xã xây dựng được, trong đó, các xã Côn Minh, Quang Phong, Vũ Loan hoạt động khá hơn cả.

Từ ngày 27/10 đến ngày 02/11/1977, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII (nhiệm kỳ 1977-1979) được tổ chức. Đại hội đã tổng kết những thành tích đạt được trong ba năm 1975-1977, nhận định tuy còn gặp nhiều khó khăn như thiên tai xảy ra thường xuyên, cơ sở vật chất còn thiếu và yếu, nhưng Đảng bộ và nhân dân Na Rì đã giành được nhiều kết quả tích cực, sản xuất nông nghiệp cơ bản ổn định, đời sống nông dân được nâng lên, năng lực hoạt động của chính quyền, đội ngũ cán bộ, đảng viên đảm bảo yêu cầu trong thời kỳ cách mạng

mới. Đại hội chỉ ra những thiếu sót còn tồn tại là sản xuất vụ xuân chưa được chú trọng, việc đưa hợp tác xã lên quy mô sản xuất lớn còn chậm và chưa đồng bộ, phong trào xây dựng nếp sống mới chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức.

Trên cơ sở phân tích đó, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ chung cho nhiệm kỳ 1977-1979 là:

1. Ra sức phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp toàn diện mạnh mẽ, vững chắc theo hướng tổ chức lại sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp địa phương nhằm phục vụ nông nghiệp và góp phần vào việc phát triển kinh tế chung.

2. Để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trước mắt cần phấn đấu thành lập một đội xây dựng cơ bản từ 100-150 người để đảm nhiệm những công trình xây dựng của huyện; Phát triển mạnh mẽ đường giao thông, củng cố hệ thống bưu điện phúc lợi công cộng như trường học, trụ sở, trạm xá...

3. Thực hiện công tác lưu thông phân phối, đẩy mạnh thu mua hàng hóa địa phương và xuất khẩu, phấn đấu tăng thu, giảm chi; nâng cao chất lượng hoạt động của ngành giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao; khoa học kỹ thuật phục vụ 3 mục tiêu cách mạng.

4. Phát huy hiệu lực của chính quyền chỉ đạo quản lý kinh tế, văn hóa, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, tăng cường công tác quân sự địa phương; Phát động cao trào cách mạng sôi nổi, mạnh mẽ, liên tục, đều khắp; phát huy quyền làm chủ tập thể của

quần chúng nhân dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1977-1979 gồm 25 đồng chí. Ban Chấp hành tiến hành bầu Ban Thường vụ; đồng chí Nông Văn Ngự giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy; hai đồng chí đồng chí Lâm Văn Nông và Nông Văn Thụ giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy.

Huyện ủy bước vào lãnh đạo nhân dân thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ trong hoàn cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn. Biên giới phía Tây Nam tiếp tục căng thẳng bởi những cuộc tấn công của quân Pôn Pốt - Iêng xari; đất nước tiếp tục bị cấm vận; sản xuất nông nghiệp tiến hành theo quy mô hợp tác xã toàn xã đã bắt đầu có những dấu hiệu yếu kém, không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; tình trạng thiếu vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất diễn ra ngày một khó khăn. Trong bối cảnh đó, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương, các ban, ngành chức năng, các hợp tác xã phát huy và tận dụng tối đa các điều kiện về con người, tự nhiên của địa phương để đẩy mạnh các mặt công tác.

Tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất, năm 1979, thực hiện Nghị quyết số 8-NQ/BT của Tỉnh ủy Bắc Thái về thu hồi ruộng 5% đưa vào sản xuất tập thể, Huyện ủy chỉ đạo quyết liệt các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương nghiêm túc thực hiện chủ trương nhằm củng cố thêm quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tránh tư tưởng

rã đám, làm ăn riêng lẻ, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, công tác định canh, định cư tiếp tục được triển khai nhằm đưa bộ phận đông bào người Dao vào con đường làm ăn tập thể. Năm 1980, huyện tiến hành đưa số người Dao xuống sống và lao động xen ghép vào các hợp tác xã ở Kim Lư và Lương Hạ.

Phong trào hợp tác xã bước đầu được củng cố đã thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển. Bước vào vụ đông xuân 1977-1978, nhằm xây dựng tinh thần quyết tâm cao, Huyện ủy triệu tập hội nghị cán bộ lãnh đạo gồm Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ủy ban nhân dân huyện, thủ trưởng, phó các cơ quan trên địa bàn huyện, các đồng chí lãnh đạo các xã để quán triệt tinh thần nghị quyết của tỉnh và đề ra chỉ tiêu cho các xã. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, sự kiên quyết của các cấp ủy, chính quyền địa phương, kết thúc vụ xuân, đã có 19/21 xã tiến hành cấy lúa xuân với chủ yếu là giống Trăn Châu lùn. Diện tích gieo cấy đạt 175ha, năng suất là 16 tạ/ha, có nhiều xã đạt năng suất 17-18 tạ/ha như Dương Sơn, Hữu Thác, Quang Phong, Văn Minh, Cư Lễ, Lương Hạ. Đến vụ xuân năm 1979, huyện có 20/21 xã cấy lúa xuân với diện tích tăng lên là 194ha. Tốc độ phát triển của diện tích lúa xuân đã khẳng định được vị trí của vụ lúa này trong cơ cấu sản xuất mùa vụ ở địa bàn, giúp nông dân trong huyện thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích canh tác và đảm bảo nhu cầu lương thực trong những tháng giáp hạt.

Trong sản xuất nông nghiệp, Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo công tác củng cố phong trào xây dựng hợp tác xã. Đến hết năm 1979, toàn huyện có 55 hợp tác xã với 8 hợp tác xã có quy mô toàn xã. Số hộ nông dân tham gia hợp tác xã có 2.591 hộ, chiếm 94% tổng số hộ nông dân. Về tổ chức lại sản xuất, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ, các hợp tác xã quy mô toàn xã đã xây dựng đề án kinh tế và đi vào thực hiện, điển hình như: Hợp tác xã Hảo Nghĩa, Kim Lư, Cường Lợi, Hữu Thác, đặc biệt hợp tác xã toàn xã tại xã Hảo Nghĩa và Kim Lư đã hình thành được một số đội chuyên làm ngói và thủy lợi thường xuyên. Tuy vậy, so với yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/HĐBT, huyện Na Rì vẫn chưa đạt yêu cầu về củng cố hợp tác xã, cụ thể như khâu quản lý của một số hợp tác xã còn yếu kém do trình độ cán bộ có hạn; ý thức làm chủ tập thể của quần chúng chưa cao; tình trạng “rong công phóng điểm” còn diễn ra thường xuyên. Ngoài ra nhiều hợp tác xã hàng năm chưa làm tốt công tác quyết toán, ảnh hưởng đến tinh thần của xã viên.

Trong khi lúa xuân có bước phát triển mới, sản xuất vụ mùa trong 2 năm (1978-1979) diễn ra thuận lợi bởi tình hình thời tiết tốt, mưa đều nên diện tích canh tác được mở rộng. Ngay từ đầu các vụ lúa, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo hợp tác xã làm tốt các khâu làm đất, gieo mạ, phân bón, thủy lợi và sức kéo.....nên hầu hết các xã đều cấy kịp thời vụ, các giống lúa mới như Nông nghiệp 8, Nông nghiệp 5, Bao Thai lùn được

đưa vào cây đại trà. Phong trào làm phân xanh, phân chuồng, phân rác để bón kết hợp với phân hóa học diễn ra sôi nổi và rộng khắp. Nhiều xã có phong trào làm phân xanh và bón phân tốt như Hảo Nghĩa, Cự Lễ, Ân Tình, Đồng Xá, Dương Sơn với trên 10 tấn/ha. Đặc biệt xã Dương Sơn ngoài làm phân tốt còn làm vôi bón cho ruộng để khử chua, tăng độ phì của đất nên năng suất tăng lên rõ rệt. Bình quân phân bón (phân chuồng) toàn huyện đạt 5,5 tấn/ha.

Cùng với đó, để thúc đẩy hơn nữa sản xuất nông nghiệp, công tác thủy lợi cũng được chú trọng nhằm đảm bảo nguồn nước tưới. Trong 3 năm (1977-1980), huyện đã huy động 40.127 ngày công của nhân dân để đào đắp 26.680m³ đất đá, khai thác 419m³ gỗ để hoàn thành 6 công trình thủy lợi là Hua Kiều, Púng Lúm, Bó Vai, Kéo Coi, Thôm Moong; đắp các hồ chứa nước nhỏ ở Kim Lư, Cự Lễ, Hảo Nghĩa; xây mới 355 cái mương, 258 phai, đập để giữ nước và cung cấp nước tưới cho các cánh đồng. Kết quả, năm 1978, toàn huyện cây được 1.750ha, năng suất bình quân 24 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 4.200 tấn (tăng 1.333 tấn so với năm 1977). Đến năm 1979, toàn huyện cây được 1.890ha, năng suất 23,2 tạ và sản lượng đạt 4.374 tấn, tăng hơn so với năm 1978 và đạt các chỉ tiêu do huyện đề ra. Bên cạnh cây lúa, trồng ngô đã trở thành tập quán hàng năm của nhân dân địa phương, nhất là vụ ngô xuân. Năm 1978, toàn huyện trồng được 1.200ha với năng suất đạt bình quân 15 tạ/ha, nhiều nơi đạt cao hơn như Hảo Nghĩa, Cự Lễ,

Ân Tình. Đến năm 1979, do ảnh hưởng của chiến tranh và thiên tai lũ lụt khiến nhân dân không an tâm sản xuất nên diện tích canh tác, năng suất, sản lượng có chiều hướng suy giảm.

Hoạt động chăn nuôi được Huyện ủy chú trọng và có bước tăng trưởng nhanh so với thời kỳ trước. Cuối năm 1979, toàn huyện có 11.103 con trâu, đàn bò có 107 con và đàn lợn có 10.449 con. Chăn nuôi trâu, bò chủ yếu phát triển ở các trại nuôi tập thể của các hợp tác xã với mục đích vừa nuôi sinh sản, vừa cày kéo và lấy phân bón. Một số gia đình xã viên có chăn nuôi trâu, bò riêng nhưng chế độ công điểm chưa có sự thống nhất nên tốc độ phát triển chậm. Việc chăn nuôi lợn thì chủ yếu do các hộ gia đình xã viên đảm nhiệm, chăn nuôi tập thể vẫn còn chậm phát triển. Các hợp tác xã Bản Pjây, Lương Hạ xây dựng được 2 trại lợn nái để cải tạo đàn nhưng điều kiện cơ sở vật chất không đảm bảo, giống còn ít và người chăn nuôi thiếu kinh nghiệm nên kết quả sản xuất không đạt hiệu quả cao. Các con vật nuôi khác như ngựa, dê tiếp tục phát triển, đặc biệt là nuôi cá thả ao diễn ra mạnh ở các xã Kim Lư, Cường Lợi, Dương Sơn, đem lại nguồn thu ổn định cho hợp tác xã và người dân.

Là một huyện miền núi, lâm nghiệp là một thế mạnh trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Song do chưa tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp từ cấp cơ sở nên chưa phát huy được thế mạnh của nghề rừng. Một số lớn diện tích rừng bị tàn phá do tập quán canh tác

của người dân vẫn chưa được trồng mới. Công tác trồng rừng diễn ra chậm chạp do lâm trường quốc doanh chưa được thành lập. Năm 1978, toàn huyện mới trồng được 21,7ha. Đến năm 1979, huyện thành lập thêm hai đội lâm nghiệp nên diện tích trồng tăng thêm được 12,7ha. Đi đôi với việc trồng rừng là công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Các đội lâm nghiệp quốc doanh ở Khau Ngăm (Cường Lợi) và Khuổi Nằn (Lương Hạ) đã tổ chức khoanh nuôi được trên 800ha.

Nhận thức rõ được vị trí quan trọng của ngành giao thông vận tải trong công cuộc phục vụ sản xuất, đời sống và củng cố quốc phòng, Huyện ủy đã lãnh đạo cấp ủy cơ sở tập trung đẩy mạnh cải tạo đường giao thông và mở nhiều con đường mới trên khắp địa bàn huyện. Phong trào làm đường nông thôn diễn ra sôi nổi. Trong năm 1978, toàn huyện huy động 3.068 lượt người tham gia làm được 35.552 công, đào đắp 30.000m³ đất đá các loại để xây dựng xong tuyến đường Hảo Nghĩa - Xuân Dương dài 12km, tu sửa 20km đường nội xã, hoàn thành 2 cầu treo Hảo Nghĩa và Tà Pìn dài 100m. Cũng trong năm này, 2 xã Dương Sơn và Lương Thành đạt thành tích cao trong phong trào làm đường giao thông, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Sang đầu năm 1980, huyện huy động 9.678 ngày công lao động và hoàn thành được 50% khối lượng tuyến đường Yên Lạc - Vũ Loan. Bên cạnh các tuyến đường do Huyện ủy lãnh đạo nhân dân xây dựng, trên địa bàn huyện cũng có một số tuyến đường được lực lượng vũ trang xây dựng

để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng của đất nước. Cuối năm 1978, Sư đoàn 473 mở tuyến đường từ Yên Lạc (Na Rì) đến đỉnh Đèo Giàng (xã Lãng Ngâm, huyện Ngân Sơn). Đầu năm 1979, Đảng và Nhà nước cho xây dựng tuyến đường 279 từ Bình Gia (Lạng Sơn) qua Na Rì sang Ngân Sơn, qua đó, nâng tổng số xã trong huyện có đường ô tô chạy qua trên 10 xã. Trung đoàn 546 (Sư đoàn 473) đóng quân tại xã Lạng San sau khi mở đường công vụ hoàn thành, trong năm 1980 giúp xã Kim Hỷ, Ân Tình, Lương Thành mở đường vào đến trung tâm xã, mỗi xã có 3km đường công vụ. Nhân dân địa phương góp công vụ bạt ta luy, đào mương. Hệ thống giao thông được nâng cấp và mở rộng đã đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân và nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa các địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Hoạt động của ngành thương nghiệp về cơ bản đảm bảo được thông suốt, lưu thông phân phối các mặt hàng cơ bản phục vụ đời sống nhân dân như: Dầu, muối, vải theo đúng chỉ tiêu, định lượng quy định. Tuy nhiên vào một số thời điểm, cửa hàng bách hóa còn thiếu các mặt hàng phân phối, gây ra nhiều khó khăn cho đời sống nhân dân. Năm 1979, tổng giá trị mua vào của ngành thương nghiệp được 1.087.197 đồng, bán ra đạt 1,126 triệu đồng. Cuối năm 1979, huyện thành lập Công ty thương nghiệp để thống nhất kinh doanh mua hàng và bán hàng lương thực, thực phẩm, việc tổ chức được tiến hành tốt nên hoạt động bước đầu đã phát huy được chức

năng quản lý kinh doanh. Công tác thu mua lương thực, thực phẩm có nhiều cố gắng nhưng do nhiều điều kiện khách quan và chủ quan mà khối lượng không ổn định qua từng năm. Năm 1978, toàn huyện đóng thuế nông nghiệp và bán cho Nhà nước được 611 tấn lương thực (gấp 1,5 lần so với năm 1977) và 30 tấn thịt lợn hơi (tăng 9 tấn). Đến năm 1979, do ảnh hưởng của chiến tranh biên giới và thiên tai nên vụ ngô xuân mất mùa, trong khi đó chăn nuôi chưa phát triển mạnh, giá lợn nghia vụ lại thấp hơn giá thị trường, các chế độ khuyến khích thu mua chưa có tác dụng nên việc thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, huyện không đạt chỉ tiêu. Để bù đắp lại, huyện tiến hành mua 18 tấn trâu thịt và vận động nhân dân bán gia cầm nhằm cung cấp cho bộ đội, đồng thời thu mua 1 tấn dong riêng để bán cho tỉnh.

Sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện tiếp tục được Huyện ủy đẩy mạnh nhằm nâng cao trình độ nhận thức, văn hóa của người dân trong giai đoạn cách mạng mới. Hệ thống giáo dục các cấp phát triển rộng khắp, hầu hết các hợp tác xã, các xóm đều có lớp học vỡ lòng, tất cả các xã xây dựng được trường phổ thông cấp I, II, các xóm hẻo lánh của đồng bào người Dao đã có lớp học cấp I để phục vụ nhu cầu của các em học sinh. Năm học 1978-1979, tổng số học sinh từ lớp vỡ lòng đến cấp II có 6.771 em (tăng 571 em so với năm học trước), trường cấp III có 9 lớp học với 404 học sinh, tỷ lệ tốt nghiệp là 70/71 em, đạt cao nhất từ trước đến

nay. Tuy vậy, ngành giáo dục thời kỳ này còn có một số hạn chế như chất lượng giáo dục chưa cao, cơ sở vật chất thiếu thốn, việc giáo dục tư tưởng, đạo đức cho học sinh còn hạn chế, các lớp bổ túc không được mở rộng do số lượng học sinh suy giảm. Công tác y tế trong 2 năm được chú trọng vào việc phòng bệnh và chữa bệnh. Bệnh viện huyện tập trung vào công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế và tăng cường cơ sở vật chất để phục vụ người bệnh tốt hơn. Số lượng giường bệnh được bổ sung hàng tháng để đảm bảo không có bệnh nhân nào phải nằm ghép để điều trị. Đối với tuyến y tế cơ sở, tất cả 19 trạm xá trong toàn huyện được xây dựng mới, lợp ngói kiên cố, hoạt động y tế được củng cố thường xuyên với đội ngũ gồm 21 y sỹ, 25 y tá và nữ hộ sinh. Tinh thần phục vụ của cán bộ y tế luôn luôn chuẩn mực và gương mẫu mặc dù có những khó khăn trong đời sống và điều kiện công tác.

Công tác văn hóa thông tin hướng các hoạt động vào nhiệm vụ tuyên truyền các đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động thực hiện nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Ngành đã chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ cho các đội thông tin lưu động để nâng cao trình độ tuyên truyền. Do đó, hoạt động văn hóa của huyện có nhiều mặt tiến bộ, việc thực hiện nếp sống mới trong việc tang, việc cưới có nhiều kết quả tốt, đám tang được tổ chức giản dị, trang nghiêm; đám cưới được tổ chức đơn giản và ấm cúng.

Sau nhiều hành động gây hấn từ trước, đầu năm 1979, Trung Quốc huy động 60 vạn quân tấn công toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, tỉnh Bắc Thái trở thành hậu phương trực tiếp cho mặt trận Cao Bằng và Lạng Sơn. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Na Rì đã làm tốt vai trò của hậu phương kháng chiến, chi viện hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, hàng trăm chiến sĩ cho các mặt trận, đồng thời giải quyết tốt công tác ổn định cuộc sống cho đồng bào di tản cư. Để tránh thương vong do cuộc chiến gây ra, hàng ngàn đồng bào các dân tộc sống ở khu vực biên giới đã sơ tán về các tỉnh phía Nam, trong đó huyện Na Rì trực tiếp nhận một lượng khá lớn nhân khẩu. Trong đợt sơ tán này, có 462 hộ dân với 2.703 nhân khẩu đến Na Rì, trong đó phần lớn là người già và trẻ em với tình cảnh hết sức đáng thương, có người chỉ còn bộ quần áo trên mình, có người chỉ còn một nắm gạo để ăn.

Trước tình hình trên, Huyện ủy lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Hậu phương gồm 12 người do đồng chí Ủy viên thư ký Ủy ban làm Trưởng ban với nhiệm vụ lên kế hoạch tiếp đón và giúp đỡ đồng bào sơ tán ổn định cuộc sống. Với tinh thần tương thân tương ái, nhân dân các dân tộc đã chung tay góp sức dựng mới 150 căn nhà cho đồng bào sơ tán, ủng hộ 5.279kg lương thực và bán 8.181,13kg gạo, thóc, ngô. Cùng với sự giúp đỡ về nhà ở, lương thực, nhân dân Na Rì còn giúp đỡ từ tấm chăn, cái chiếu, cái bát đến

sách vở cho các em học tập, nhiều hộ sẵn sàng đón cả một gia đình sơ tán về nhà mình ăn, ở. Không chỉ ủng hộ, giúp đỡ đồng bào sơ tán đến địa phương, hưởng ứng chiến dịch ủng hộ đồng bào Cao Bằng do tỉnh Bắc Thái phát động, nhân dân Na Rì tiếp tục ủng hộ được 10.165kg thóc, ngô giống, 10.836 đồng tiền mặt, 9.302 mét phiếu vải và bán 231 con trâu kéo cày. Các xã, đơn vị có phong trào ủng hộ điển hình như: Cường Lợi, Lương Hạ, Xuân Dương, Kim Lư, Vũ Loan, Lam Sơn, Cư Lễ, cơ quan huyện ủy¹.

Song song với việc ổn định cuộc sống cho đồng bào tản cư, công tác quân sự - an ninh được Huyện ủy triển khai nghiêm túc nhằm sẵn sàng ứng phó với tình hình chiến sự đang diễn ra. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về việc thành lập Ban Chỉ huy quân sự thống nhất từ huyện đến xã nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận quân sự trong tình hình đất nước có chiến tranh, huyện đã tiến hành thành lập Ban Chỉ huy quân sự thống nhất huyện do đồng chí Bí thư Huyện ủy là Chính trị viên và đồng chí Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự làm Chỉ huy trưởng. Đồng thời, huyện cũng tổ chức các cụm chiến đấu và thành lập Ban Chỉ huy cụm do các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành làm chính trị viên.

1. Huyện ủy Na Rì, *Báo cáo số 03-HU/BC Tổng kết công tác năm 1979*, ngày 01/01/1980, tr. 14.

Đối với công tác tổ chức lực lượng, các đơn vị dân quân tự vệ của các cơ quan và các xã được củng cố về tổ chức, biên chế với tổng số quân 3.000 người (chiếm 13% dân số huyện). Tiểu đoàn bộ đội địa phương của huyện cũng được thành lập, nhanh chóng ổn định tổ chức, biên chế, vũ khí trang bị đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và chi viện khi cần thiết. Cùng với đó, huyện đã huy động 2.012 người kết hợp với lực lượng chi viện của tỉnh xây dựng 3 phòng tuyến của huyện. Sau hơn 1 tháng không quân ngại khó khăn đã đào đắp được 14.736,12m³ đất đá, 16.738,9m giao thông hào và 1.422 hầm, hố, ụ súng chiến đấu các loại. Ngoài phòng tuyến của huyện, các xã căn cứ vào địa hình, tình hình của địch xây dựng các trận địa phòng không, trực chiến của xã. Các đơn vị được huy động đi xây dựng phòng tuyến đã khắc phục khó khăn, trở ngại, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có tiểu đoàn cụm Nam của huyện. Đại đội 3 (của xã Dương Sơn, Hảo Nghĩa, Hữu Thác) được tỉnh tặng thưởng cờ luân lưu¹.

Công tác phục vụ chiến đấu được triển khai thực hiện khẩn trương, nghiêm túc. Ở các xã thành lập tổ giao thông đặc biệt đảm bảo giao thông liên lạc thông suốt và nhanh nhất. Huyện huy động được hàng nghìn lượt người tham gia vận chuyển hơn 4 tấn vũ khí, đạn dược các loại cho huyện Thạch An (Cao Bằng); chuyển nhiều

1. Huyện ủy Na Rì, Báo cáo số 03-HU/BC Tổng kết công tác năm 1979, ngày 01/01/1980, tr. 9-10.

trang thiết bị, lương thực, thực phẩm cho bộ đội đóng tại địa phương. Huấn luyện cấp cứu phòng không cho 300 vệ sinh viên ở các hợp tác xã, cơ quan, ở các trạm xá xã đều có chuẩn bị cáng thương, ván thọt, giường phòng không¹.

Trước hành động của Trung Quốc, công tác tuyển quân được đặt ra khẩn trương, bức thiết hơn bao giờ hết, đây vừa là nghĩa vụ thiêng liêng vừa là trách nhiệm cao cả. Trong 2 năm, toàn huyện đã tuyển được 237 thanh niên lên đường nhập ngũ chiến đấu, nêu cao truyền thống cách mạng bất khuất của quê hương. Trong thời gian này, huyện Na Rì cũng được tiếp nhận một số đơn vị của Sư đoàn Công binh 473 về đóng quân trên địa bàn. Huyện ủy đã phát động cuộc vận động “quân với dân một ý chí”, kêu gọi nhân dân ủng hộ lương thực, thực phẩm và chỗ ở cho bộ đội để họ yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công tác an ninh chính trị được chú trọng, đặc biệt trong bối cảnh Trung Quốc tăng cường chống phá ta trên mọi mặt. Với sự kiện vận động người Hoa hồi quốc đã gây xáo trộn đến tình hình chính trị - xã hội trong huyện. Những người gốc Hoa trên địa bàn huyện hoang mang, dao động khi xảy ra chiến sự ở biên giới, họ rất sợ bị trả thù và tìm cách đi về nước. Trước tình hình đó, Huyện ủy tiến hành nhiều đợt tuyên truyền nêu rõ chủ

1. Huyện ủy Na Rì, *Báo cáo số 03-HU/BC Tổng kết công tác năm 1979*, ngày 01/01/1980, tr. 9.

trương, chính sách của Đảng để họ nắm rõ, đồng thời vận động nhân dân các dân tộc nêu cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ bộ phận người Hoa trong cuộc sống và sản xuất. Do đó, số người Hoa đã ổn định tâm lý, yên tâm sinh sống và làm ăn, tuyệt đối chấp hành đúng chính sách của Nhà nước nên không xảy ra vụ bạo loạn hay chống đối nào. Lực lượng công an huyện được củng cố và thường xuyên tuần tra phát hiện kẻ gian lai vãng ở địa phương để chống gián điệp, biệt kích. Lực lượng công an cũng kết hợp với quân sự hợp thành lực lượng sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược.

Công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng được coi trọng. Trong hai năm 1978-1979, những diễn biến phức tạp của tình hình đất nước cũng như tại địa phương đã tác động trực tiếp đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc. Trước tình hình đó, Huyện ủy đã cho mở nhiều lớp sinh hoạt chính trị phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đến đội ngũ đảng viên nhằm khơi dậy tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực, tự cường, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết tương trợ trong nội bộ Đảng và quần chúng cách mạng. Qua đó làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy được trách nhiệm và nhiệm vụ của mình đồng thời tin tưởng tuyệt đối vào đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ được củng cố về mọi mặt.

Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao năng lực của tổ chức Đảng theo tinh thần Nghị quyết 23-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và các nghị quyết của Tỉnh ủy gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương đã đưa phần lớn đảng viên về đúng vị trí, vai trò và nhiệm vụ của mình. Chế độ sinh hoạt ở Đảng bộ huyện, Đảng bộ, Chi bộ cơ sở đi vào nề nếp; cán bộ đảng viên được giao nhiệm vụ luôn hoàn thành tốt, ít có trường hợp từ chối thoái thác nhiệm vụ; tình trạng mâu thuẫn, mất đoàn kết ở một số cơ sở được giải quyết triệt để. Công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng được thực hiện nghiêm túc theo Chỉ thị 72-CT/TW của Trung ương Đảng. Trong 2 năm, Đảng bộ huyện thi hành kỷ luật 20 đảng viên, khai trừ 5 đảng viên không đủ tư cách, giữ gìn sự trong sạch của tổ chức Đảng.

Công tác phát triển đảng viên có nhiều chuyển biến, đảm bảo được chất lượng và đúng quy định của Trung ương Đảng. Trong 2 năm, Đảng bộ huyện đã kết nạp được 58 đảng viên mới với độ tuổi trung bình là 28, có đủ thành phần dân tộc. Đội ngũ đảng viên này có trình độ văn hóa từ cấp 2 trở lên, là nguồn bổ sung cán bộ quan trọng cho toàn Đảng bộ huyện.

Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, Huyện ủy chú trọng công tác xây dựng và phát triển các đoàn thể quần chúng như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân tập thể... làm nòng cốt trong các phong trào để thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, Nhà

nước, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện hoạt động tích cực để tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nổi bật là việc giáo dục tình hình, nhiệm vụ mới cho các dân tộc Hoa và Dao, làm cho họ hiểu rõ hơn đường lối đúng đắn của Đảng ta và thấy được âm mưu thâm độc của kẻ địch. Đoàn Thanh niên được củng cố và kiện toàn, đã phát động các phong trào thi đua sản xuất làm phân, cấy đúng kỹ thuật lời cuốn đông đảo thanh niên tham gia. Hội Phụ nữ có cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới với 1.510 hội viên đăng kí và 220 gia đình được công nhận đủ tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới. Hội Nông dân tập thể tuy mới thành lập nhưng đã tích cực đi sâu vào quần chúng để nắm nguyện vọng và kiểm tra việc thi hành Điều lệ Hợp tác xã, việc thực hiện làm chủ về kinh tế hợp tác xã.

Từ ngày 27-29/01/1980, Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ IX (nhiệm kỳ 1980-1982) được tổ chức. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trong nhiệm kỳ trước. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định phương hướng và nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới, trọng tâm là “Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ lúa mùa mở rộng diện tích cây lương thực, đảm bảo tự túc lương thực để phát huy nghề rừng, chăn nuôi, cây công nghiệp (thuốc lá, đậu tương, lạc). Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 29 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí, đồng chí Nông Văn Ngự được bầu giữ

chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lâm Văn Nông, đồng chí Nông Văn Thụ được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy.

Năm 1980 là năm cuối của Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 2. Để hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch 5 năm, trên cơ sở các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, Ban Thường vụ Huyện ủy tăng cường vai trò lãnh đạo trên các mặt công tác cụ thể, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống nhân dân. Từ thực tiễn cây lúa là cây lương thực chính, chủ đạo, Huyện ủy tập trung chỉ đạo sát sao, chặt chẽ các hợp tác xã tập trung thâm canh, tăng vụ, thực hiện cơ cấu giống hợp lý, tăng cường công tác thủy lợi để chủ động nhu cầu tưới tiêu, hạn chế sự khắc nghiệt của thời tiết... Nhờ đó, phong trào lao động diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Vụ lúa xuân, toàn huyện cấy được 149,7ha (giảm 44ha so với năm 1979, đạt 50% kế hoạch), năng suất 16 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 239,52 tấn. Lúa mùa, toàn huyện cấy được 1.860,7ha, năng suất 23,9 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 4.447 tấn. Bên cạnh cây lúa, trong năm, các xã trồng được 908ha ngô; sắn 220ha; đỗ tương 44,5ha¹... Nhìn chung, trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, với sự chỉ đạo, lãnh đạo tập trung, sát sao của Huyện ủy, sản xuất nông nghiệp của huyện đạt được sự phát triển căn bản qua các năm. Tuy nhiên nếu so với giai đoạn trước, năng

1. Trích Báo cáo số 26-BC/HU Tổng kết năm 1980, ngày 31/12/1980.

suất và sản lượng lương thực giảm sút, các chỉ tiêu kế hoạch không đạt được, đời sống nhân dân tiếp tục gặp khó khăn.

Những khó khăn ngành nông nghiệp huyện Na Rì gặp phải, bên cạnh yếu tố thời tiết khắc nghiệt thì nguyên nhân chủ yếu là do mô hình hợp tác xã nông nghiệp không phù hợp với đặc điểm sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quyền lợi của người lao động không gắn với kết quả sản xuất cuối cùng nên không tạo được động lực phát triển; sự tăng cường về quy mô, mức độ tập thể hóa càng làm cho mô hình hợp tác xã rơi vào khủng hoảng toàn diện, sản xuất giảm sút. Đây cũng là thực trạng chung của ngành nông nghiệp nước ta lúc bấy giờ. Cuộc khủng hoảng trên mặt trận nông nghiệp đặt những yêu cầu cấp bách buộc Đảng ta phải có đổi sách giải quyết kịp thời để tiếp tục đưa đất nước phát triển đi lên.

Sau hơn 5 năm kể từ sau ngày đất nước thống nhất (1975-1980), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Đảng bộ huyện Na Rì đã lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Trong phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ huyện tiếp tục lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng hợp tác xã theo hướng sản xuất lớn, tích cực phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm để ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Các mặt công tác cụ thể như văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng Đảng,

chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng đạt được những kết quả cơ bản. Trong bảo vệ Tổ quốc, phát huy vai trò tích cực, chủ động Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân tích cực chuẩn bị, sẵn sàng chiến đấu và tham gia phục vụ chiến đấu; làm tốt công tác đón tiếp đồng bào di tản trong cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, do các nguyên nhân chủ quan, khách quan, Đảng bộ và nhân dân huyện Na Rì cũng gặp không ít khó khăn, trở ngại: Chưa phát huy hết vai trò của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nhiều chỉ tiêu phát triển không đạt được mục tiêu, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân khó khăn... Những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại vừa là những điều kiện thuận lợi vừa là trở ngại cho Đảng bộ và nhân dân huyện trong giai đoạn phát triển về sau.

II. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN CHỈ THỊ KHOÁN 100, BƯỚC ĐẦU ĐỔI MỚI QUẢN LÝ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (1981-1985)

Trước cuộc khủng hoảng toàn diện, sâu sắc trong nông nghiệp, để khắc phục tình trạng trên, làm cho sản xuất “bung ra”, ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Chỉ thị đã nêu rõ mục đích thực hiện cơ chế khoán mới là: Bảo đảm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh

tế trên cơ sở lôi cuốn được mọi người hăng hái lao động, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất; củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn; không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống xã viên¹.

Chỉ thị 100-CT/TW có ý nghĩa quan trọng trong việc mở đường thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Chỉ thị được đánh giá là cột mốc đầu tiên, bước đột phá táo bạo vào mô hình hợp tác hóa, tập thể hóa nông nghiệp ở nước ta và mở ra khả năng cho phép hộ gia đình được làm chủ một số khâu sản xuất, sử dụng đất đai, tài nguyên; có quyền tiêu thụ sản phẩm làm ra khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Các hợp tác xã từ chỗ là tổ chức hành chính kinh tế chuyển mạnh sang hình thức kinh doanh tổng hợp, là cơ sở cho những bước đổi mới để thoát khỏi tình trạng bế tắc và khủng hoảng quan hệ sản xuất ở nông thôn.

Thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 16/6/1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Chỉ thị 06-CT/BT về phương hướng, chủ trương khoán sản phẩm trong thời gian tới, trong đó nêu rõ:

1. Tất cả các hợp tác xã dù áp dụng hình thức khoán việc hay khoán sản phẩm đều phải không ngừng nâng cao cải tiến và hoàn chỉnh công tác khoán.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 26.

2. Khoán sản phẩm phải gắn liền với việc củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất ở nông thôn.

3. Chủ trương khoán sản phẩm theo hướng:

Đối với vùng trung du: Các huyện, thành thị đã có nhiều hợp tác xã khoán sản phẩm phải tập trung uốn nắn những sai sót, lệch lạc trong thời gian qua; chỉ đạo chặt chẽ các hợp tác xã khoán sản phẩm một phần diện tích mở rộng khoán toàn bộ diện tích; các hợp tác xã chưa khoán nay đi vào khoán đúng nguyên tắc và khoán toàn bộ diện tích ngay từ đầu. Các huyện mới có một số hợp tác xã thực hiện khoán phải kịp thời rút kinh nghiệm để tiếp tục mở rộng khoán sản phẩm ra toàn huyện.

Đối với vùng núi: Các huyện đã làm thí điểm khoán sản phẩm nay kịp thời rút kinh nghiệm cho mở ra toàn bộ diện tích; các huyện chưa làm thí điểm thì khẩn trương chỉ đạo điểm rồi mở rộng diện khoán sản phẩm. Chống tư tưởng chần chừ, ngại khó; bố trí cán bộ nắm chắc các điểm để đưa phong trào từng bước đi lên.

Thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 06-CT/BT của Tỉnh ủy Bắc Thái, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã triệu tập cuộc họp gồm các đồng chí trong Ban Thường vụ, lãnh đạo các xã và Chủ nhiệm Ban Quản trị các hợp tác xã trong toàn huyện để phổ biến chủ trương và hướng dẫn việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Ban Chấp hành quyết định thực hiện thí điểm khoán tại 3 hợp tác xã là Hoa Lư (xã Vũ Loan), Bản Pò (xã Lương Hạ) và Khuổi Pjo (xã Lương Thành) cùng với

2 đội sản xuất của huyện để lấy kinh nghiệm nhân ra diện rộng¹.

Để hỗ trợ cho các xã tổ chức khoán thí điểm, Huyện ủy thường xuyên cử cán bộ xuống tận các hợp tác xã phổ biến và hướng dẫn việc khoán theo đúng chủ trương của Trung ương Đảng. Cấp ủy các xã Vũ Loan, Lương Thành, Lương Hạ lãnh đạo các Ban Quản trị hợp tác xã thống kê lại số lượng ruộng đất, công cụ sản xuất và trâu, bò, kiện toàn lại đội ngũ cán bộ, củng cố công tác sổ sách quyết toán để tiến hành khoán “5 khâu 3 việc”² cho xã viên. Tuy nhiên, do lần đầu thực hiện nên các Ban Quản trị còn lúng túng trong việc điều hành, tổ chức sản xuất, bình xét năng suất, sản lượng, xã viên chưa hoàn toàn tin tưởng vào cơ chế mới nên kết quả đạt được không cao. Nhưng Huyện ủy đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu và tiếp tục lãnh đạo triển khai việc khoán sản phẩm mở rộng đến các hợp tác xã Nà Khưa, Nà Nưa (xã Cường Lợi), Nà Pjet (xã Văn Minh) và Bản Cháng (xã Kim Lư).

Đến vụ mùa năm 1982, cơ chế khoán mới đã được triển khai trên quy mô toàn huyện với 55/67 hợp tác xã tham gia. Huyện ủy lãnh đạo cấp ủy cơ sở và các Ban Quản trị lên kế hoạch sản xuất hợp lý, đảm bảo

1. Trích Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động và nâng cao hoàn thiện trong năm tới, tr. 1.

2. Hợp tác xã đảm nhiệm 5 khâu là: Thủy lợi, phân bón, giống, làm đất, bảo vệ thực vật. Xã viên đảm nhiệm 3 khâu: Cây trồng, chăm sóc và thu hoạch.

về các mặt phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật cho mùa vụ, đồng thời vận động nhân dân tiến hành tu sửa và xây mới hệ thống mương, phai để tưới cho những khoảnh ruộng khô hạn, tích cực phục hóa đất đai bỏ hoang để mở rộng diện tích canh tác, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật để tăng năng suất cây trồng. Cơ chế khoán mới đã bước đầu giải phóng sức sản xuất của nông dân, tạo ra khí thế sản xuất sôi nổi trên các cánh đồng nên toàn bộ các hợp tác xã trong huyện đã cấy xong trước tiết Lập thu 10 ngày (sớm hơn vụ mùa trước 20 ngày), các biện pháp kỹ thuật như bón phân, làm cỏ, cày bừa có những tiến bộ rõ rệt. Kết quả, toàn huyện đã cấy được 1.844,71ha lúa, sản lượng đạt 5.163 tấn (tăng 1.281 tấn so với năm 1981), năng suất là 28 tạ/ha (tăng 6,7 tạ so với năm 1981)¹.

Cùng với khoán cây lúa, Huyện ủy bước đầu lãnh đạo triển khai việc khoán thí điểm trong chăn nuôi ở Hợp tác xã hợp nhất xã Côn Minh. Song song với đó, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo cấp ủy cơ sở và chính quyền các xã khuyến khích hộ xã viên chăn nuôi trâu bò riêng và chuẩn bị điều kiện để tổ chức khoán mở rộng trong chăn nuôi. Nhờ thực hiện khoán sản phẩm, khoán chăn nuôi và giá cả tăng lên đã phát huy tác dụng kích thích chăn nuôi phát triển. Năm 1982, tổng đàn trâu, bò của huyện là 9.674 con, tăng 307 con so với năm 1981. Các xã Dương Sơn, Liêm Thủy, Xuân Dương, Đồng Xá,

1. Trích Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 10, ngày 19/12/1982, tr. 2.

Lương Thành... là những xã có tỷ lệ đàn trâu trên nhân khẩu cao nhất¹.

Năm 1981, toàn huyện có 7 hợp tác xã thực hiện chính sách khoán, đến năm 1982, số hợp tác xã thực hiện khoán tăng lên 47/54 hợp tác xã. Huyện ủy tiếp tục chú trọng đến hoàn thiện quan hệ sản xuất, củng cố các hợp tác xã yếu kém như: điều chỉnh lại quy mô các hợp tác xã ở Lương Hạ, Cường Lợi, Văn Học; chỉ đạo đưa toàn bộ người Dao ở xã Kim Lư vào hợp tác xã để ổn định cuộc sống cho đồng bào... Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã ở một số xã như Liêm Thủy, Xuân Dương, Đông Xá còn yếu, nhiều hộ vẫn cương quyết xin ra khỏi tập thể².

Từ ngày 18-21/11/1982, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện họp phiên cuối cùng để đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp và phong trào hợp tác xã trong 2 năm 1981-1982 và phương hướng sửa khoán sản phẩm cho phù hợp với tình hình của địa phương. Ban Chấp hành đánh giá trong 2 năm qua, việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã được tiến hành một cách nghiêm túc và cầu thị, bước đầu khơi gợi được tinh thần lao động cho nông dân, năng suất và sản lượng cây trồng tăng, chăn nuôi phát triển, lực lượng lao động được huy động cao, đất

1. Trích Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 10, ngày 19/12/1982, tr. 4.

2. Trích Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 10, ngày 19/12/1982, tr. 10.

đai được sử dụng tốt; một số hợp tác xã yếu kém ở Đồng Xá, Xuân Dương đã vươn lên hoạt động tốt, các hợp tác xã khác được củng cố và phát triển ổn định; đời sống của người dân từng bước được nâng lên, tin tưởng vào đường lối làm ăn tập thể của Nhà nước, không có hộ xã viên nào xin ra khỏi hợp tác xã trong cả 2 năm. Tuy vậy, việc khoán sản phẩm vẫn còn bộc lộ nhiều thiếu sót do sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, các ngành thiếu chặt chẽ, không thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; Năng lực quản lý của một số Ban Quản trị còn yếu, chưa lên được kế hoạch sản xuất hàng năm, chưa thấy hết trách nhiệm trong điều hành khâu và người lao động trong quá trình sản xuất; Nhiều hợp tác xã tổ chức khoán sản phẩm không đúng theo tinh thần Chỉ thị 100-CT/TW, thậm chí còn để xảy ra tình trạng “khoán trắng”; việc khoán sản phẩm mới chỉ dừng lại ở cây lúa và chăn nuôi, mà chưa áp dụng được với cây vụ màu; Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước còn chưa tốt ở một số hợp tác xã.

Trên cơ sở phân tích những thành tích đạt được và hạn chế còn tồn tại, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ra Nghị quyết số 07-NQ/HU về việc hoàn thiện khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp, trong đó nhấn mạnh đến các giải pháp để sửa khoán sản phẩm nhằm củng cố các hợp tác xã, tập trung tại một số điểm chính:

1. Các cấp ủy Đảng phải thực hiện đúng theo tinh thần của Chỉ thị 100-CT/TW, tiến hành tổng kết, kiểm tra từng hợp tác xã để phân loại. Những hợp tác xã làm

sai nhiều, nhất là dễ xảy ra tình trạng tranh chấp ruộng đất ông cha thì cần phải giải quyết triệt để. Những hợp tác xã khoán thấp hơn thực tế, không đúng hướng dẫn của Ủy ban nông nghiệp huyện thì phải khoán lại, lấy sản lượng bình quân 3 năm tăng thêm 5-10% để giao khoán, đảm bảo công bằng, dân chủ, đảm bảo 3 lợi ích.

2. Các hợp tác xã phải xây dựng kế hoạch sản xuất toàn diện, tổ chức khoán cả trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng. Giao ruộng đất phải theo lao động quy đổi của ngành trồng trọt, còn các lao động khác thì giao một phần để tăng thu nhập cho gia đình, không được giao ruộng đất theo nhân khẩu. Khi giao cần chiếu cố gia đình neo đơn, gia đình đông con, gia đình cán bộ, gia đình bộ đội, thương binh liệt sỹ. Đối với đất rừng, các hợp tác xã cũng có kế hoạch giao từng bước cho từng hộ gia đình theo kế hoạch của kiểm lâm để bảo vệ rừng, tu bổ, trồng rừng nhằm tận dụng hết lao động mở thêm nghề phụ.

3. Các hợp tác xã phải xây dựng được phương án phân chia, phân phối theo hướng dẫn của Ủy ban nông nghiệp huyện. Những hợp tác xã nào khó khăn do còn nhiều sai sót không ký được giao kèo, không điều hòa công điểm, không điều hành các khâu công việc được thì phải tạm thời huy động 40% tổng sản lượng giao khoán theo kế hoạch nộp vào cho hợp tác xã.

4. Ủy ban nông nghiệp huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn cách phân chia, phân phối đúng theo Quyết định 400-CP ngày 05/01/1979 của Hội đồng Chính

phủ, Thông tư 08 BNN/TT ngày 5/5/1980 của Bộ Nông nghiệp, cử cán bộ trực tiếp xuống các hợp tác xã để tổng kết khoán và sửa khoán đối với hợp tác xã. Tổ chức xem xét lại quy mô hợp tác xã, đội sản xuất để điều chỉnh cho phù hợp, tránh tình trạng xé lẻ hợp tác xã hoặc đội sản xuất không cần thiết. Tổ chức thanh quyết toán khóa sổ, chuyển sổ đúng quy định và đảm bảo thời gian theo kế hoạch chung toàn tỉnh.

Tại hội nghị, Ban Chấp hành chỉ đạo các cấp ủy Đảng phải theo sát các hợp tác xã, phải làm cho từng cán bộ, đảng viên thấy được tầm quan trọng và cấp thiết của việc sửa khoán. Tránh tình trạng ngại khó, ngại khổ, tư tưởng chần chừ, do dự, thiếu tích cực hoặc buông lỏng cho Ban Quản trị. Thời gian sửa khoán phải làm ngay từ vụ đông xuân 1982-1983. Từng chi bộ phải lấy nhiệm vụ cấp bách trên gắn với việc xây dựng đảng vững mạnh. Người chịu trách nhiệm trước phong trào hợp tác xã là các đồng chí Bí thư chi, đảng bộ, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các đồng chí Chủ nhiệm hợp tác xã.

Thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát thẻ đảng viên, đến cuối năm 1981, huyện có 41/41 cơ sở Đảng được phát thẻ đảng viên với 1.190 đảng viên nhận thẻ. Đến ngày 30/10/1982, đã có 1.126/1.292 đảng viên chính thức (có mặt) được nhận thẻ Đảng, đạt 87,15%. Thông qua công tác phát thẻ đảng viên, Huyện ủy tiến hành kiểm tra đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Chất lượng đảng viên được nâng lên, đại bộ phận các

đồng chí có tinh thần tiên phong gương mẫu trong công việc. Tổng kết công tác phát thể Đảng: có 95,97% đảng viên xếp loại đủ tư cách, trong đó có 51,61% đảng viên tiên phong gương mẫu; có 3,17% đảng viên không đủ tư cách và chờ xem xét đưa ra khỏi Đảng. Tính chung trong 2 năm (1981-1982) đã phát hiện 68 trường hợp vi phạm kỷ luật, tiến hành kỷ luật cảnh cáo 32 trường hợp và đưa ra khỏi Đảng 36 trường hợp.

Thực hiện Chỉ thị số 02-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đại hội đợt 2 của các cấp ủy Đảng được tiến hành từ cơ sở lên, từ ngày 16-19/12/1982, Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ X (nhiệm kỳ 1983-1986) được tổ chức. Đại hội nhận định: Trong 3 năm qua, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Na Rì vượt qua nhiều khó khăn thử thách để đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, trong đó trọng tâm là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được giữ vững, việc khoán sản phẩm được thực hiện nghiêm túc; tuy nhiên huyện cũng gặp nhiều khó khăn như việc triển khai Chỉ thị 100-CT/TW vẫn còn chậm và nhiều sai sót, để xảy ra tình trạng “khoán trắng”, công tác xây dựng Đảng còn có nhiều mặt thực hiện chưa tốt. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể trong nhiệm kỳ 1983-1986, trọng tâm là công tác sửa sai khoán sản phẩm trong nông nghiệp nhằm củng cố phong trào hợp tác xã, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng để nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 27 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí; đồng chí Nông Văn Ngự được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lâm Văn Việt được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy.

Sau Đại hội, Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo công tác sửa sai khoán sản phẩm ở các hợp tác xã. Vụ đông xuân 1982-1983, toàn bộ 67 hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm với tổng số hộ nông dân tham gia là 2.934/3.213, 1.862ha ruộng đất và 9.694 con trâu. Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy các xã và các hợp tác xã làm tốt công tác lên kế hoạch và định mức phân chia hợp lý để việc khoán sản phẩm cho hộ xã viên đạt hiệu quả cao nhất, đặc biệt cấp ủy các xã phải thực sự theo sát các hợp tác xã để tránh xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý, dễ dẫn đến tình trạng “khoán trắng”. Đồng thời, Huyện ủy cử các đoàn cán bộ xuống tăng cường ở cơ sở để hướng dẫn các Ban Quản trị khoán đúng theo tinh thần Chỉ thị 100-CT/TW. Do vậy, công tác khoán sản phẩm đã có sự tiến bộ hơn giai đoạn trước. Cùng với đó, công tác thúc đẩy trồng lúa vụ xuân cũng đạt được những kết quả khả quan, 11/21 xã đã tổ chức cấy trồng, trong đó có những xã trở thành tập quán và đạt năng suất cao như Cư Lễ, Văn Minh, Hữu Thác và Hảo Nghĩa. Các loại cây trồng khác như ngô, đỗ tương được triển khai trên diện rộng và đạt một số kết quả tích cực ở các điểm như xã Ân Tình và Hảo Nghĩa trồng được 4,1ha đỗ tương cho năng suất cao.

Tuy vậy, do tập quán canh tác với quan niệm “lúa xuân không được ăn” vẫn còn ảnh hưởng nặng nề nên đa phần hộ nông dân không mặn mà với vụ xuân, dẫn đến việc các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và Ban Quản trị hợp tác xã thiếu trách nhiệm trong việc đôn đốc sản xuất, buông lỏng khâu quản lý lao động, lên kế hoạch sản xuất và không tạo ra được các phong trào lao động sản xuất sôi nổi. Hơn nữa, thời tiết diễn biến không thuận lợi, hết rét đậm đầu mùa lại đến hạn hán khiến ruộng đất nứt nẻ, cây trồng không phát triển được, ảnh hưởng đến tinh thần lao động của xã viên.

Bước vào sản xuất vụ mùa, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành nghị quyết tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất vụ mùa thắng lợi, đồng thời phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành xuống từng xã và hợp tác xã để phối hợp chỉ đạo. Vì vậy, việc xuống đồng cấy lúa đạt kết quả tốt với trên 70% diện tích cấy đúng thời hạn của mùa vụ. Trong quá trình chăm sóc cây lúa, các hợp tác xã đã tiến hành phân công lại lao động để vừa có lao động gieo trồng, vừa chăm sóc cây đã gieo trồng, do đó năng suất bình quân đạt khá, với 29,8 tạ/ha. Tuy nhiên, nhìn trên mặt bằng chung, sản xuất nông nghiệp của huyện có nhiều mặt hạn chế như: Chưa tạo ra được mô hình lúa cao sản, năng suất lúa ở nhiều xã còn thấp; vấn đề áp dụng khoa học kỹ thuật chưa sâu rộng và phổ biến, nhiều nơi không dùng phân đạm, có nơi còn cấy chay; việc triển khai chỉ đạo sản xuất ở nhiều hợp tác xã không có kế hoạch cụ thể mà mang tính tự phát nên

không đạt được hiệu quả cao. Là vụ mùa thứ 2 tiến hành khoán nhưng nhiều hợp tác xã vẫn tiến hành khoán sai, được sự giúp đỡ của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện nhưng vẫn chây ỳ, sửa khoán chậm, thậm chí còn không làm được kèo thu nộp sản phẩm dẫn đến việc phong trào xây dựng hợp tác xã có chiều hướng suy giảm.

Trước tình hình sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, ngày 15/11/1984, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì ra Nghị quyết số 53-NQ/HU về việc tiếp tục hoàn chỉnh công tác khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đánh giá tình hình triển khai Chỉ thị 100-CT/TW trên địa bàn trong thời gian qua, Nghị quyết đã nêu bật các giải pháp đề củng cố việc khoán sản phẩm trong thời gian tới, trọng tâm là:

1. Toàn bộ các hợp tác xã đều phải chấn chỉnh lại các định mức lao động; tiêu chuẩn tính công sản lượng giao khoán cho phù hợp với từng địa phương; chấn chỉnh lại việc giao ruộng đất, chỉ giao ruộng đất cho người lao động trông trọt; mạnh dạn đầu tư khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất và sản lượng.

2. Trong các khâu công việc: Khâu làm đất, cấy, gieo mạ, chăm sóc, thu hoạch giao cho xã viên; khâu giống, phân bón, phòng trừ sâu bệnh, nước tưới thì hợp tác xã đảm nhiệm. Hợp tác xã điều hành chặt chẽ các khâu theo kế hoạch.

3. Về khoán đồi rừng: Từng hợp tác xã phải có kế hoạch giao đất giao rừng cho nhóm lao động để quản lý

và chăm sóc. Đối với các ngành nghề: Gạch ngói, vôi, làm mộc thì phân định mức cụ thể các khâu công việc từ đầu đến sản phẩm cuối cùng rồi khoán cho nhóm hoặc lao động để sản xuất.

4. Từng hợp tác xã phải xây dựng được nội quy thu nộp sản phẩm, những điều khoản nội quy phải được đại hội xã viên thông qua. Phải làm tốt việc phân phối thu nhập của hợp tác xã. Tiến hành hạch toán theo từng cây, con, ngành nghề, tính toán giá trị ngày công kế hoạch và mức lãi theo từng ngành chung của hợp tác xã, bảo đảm sản xuất kinh doanh có lãi để tái sản xuất mở rộng.

Để công tác sửa những sai sót trong khoán sản phẩm đạt kết quả tốt, các hợp tác xã, đội sản xuất hoặc tổ sản xuất độc lập cần sơ kết kiểm điểm công tác khoán sản phẩm trong đơn vị mình 3 năm qua, đối chiếu với Chỉ thị 100-CT/TW để thấy được những sai sót mà tìm biện pháp sửa, đồng thời phải quán triệt lại Chỉ thị 100-CT/TW, Quyết định 154-QĐ/HĐBT, Quyết định 310-QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái để nắm vững mục đích, nguyên tắc nội dung cơ bản của việc khoán sản phẩm đối với cây lúa, cây ngô, gia súc, ngành nghề.

Đợt củng cố lần này thể hiện quyết tâm chính trị cao của Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì, bởi vậy 100% các hợp tác xã tổ chức khoán sản phẩm đã có những tiến bộ nhất định, định mức phân chia lao động và kế hoạch sản xuất được xây dựng một cách hợp lý; việc tổ chức khoán trong lâm nghiệp và chăn nuôi được thực hiện tốt, đảm bảo lợi ích giữa 3 bên Nhà nước - hợp tác xã - xã viên; duy chỉ còn vấn đề kê động sản phẩm là

chưa được giải quyết dứt điểm. Phong trào hợp tác xã được củng cố nên sản xuất đi vào ổn định hơn. Mặc dù không đạt yêu cầu như kế hoạch đề ra (do thời tiết khắc nghiệt nên diện tích gieo cấy suy giảm) nhưng cơ bản đảm bảo được nhu cầu lương thực của người dân. Tính riêng năm 1985, diện tích lúa mùa của huyện đạt 1.867ha, năng suất là 29,27 tạ/ha; đỗ tương đạt 18ha, ngô 1.211ha với sản lượng 1.223 tấn. Tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn huyện đạt 8.259 tấn. Lúa cao sản năng suất đạt 40 tạ/ha. Đàn trâu, bò, lợn tăng từ 10%-20% so với năm 1984.

Cùng với phát triển trồng trọt, ngành chăn nuôi của huyện được chú trọng và có những bước tăng trưởng nhanh. Nhận thức rõ vị trí và thế mạnh về chăn nuôi của một huyện miền núi, Huyện ủy lãnh đạo các cấp, các ngành quan tâm phát triển đồng thời cả tập thể và hộ gia đình để đảm bảo sức kéo, phân bón và tăng thu nhập cho xã viên. Sau 3 năm (1980-1982) có chiều hướng sụt giảm, Huyện ủy lãnh, chỉ đạo cấp ủy cơ sở tăng cường tuyên truyền cho nhân dân thấy rõ lợi ích của chăn nuôi, đồng thời đề ra chế độ công điểm hợp lý để kích thích phát triển. Đàn trâu được duy trì trong hai khu vực tập thể và gia đình, đặc biệt là ý thức sử dụng và chăm sóc được nâng cao, các xã Côn Minh, Văn Minh, Hữu Thác đề ra được nội quy về chăm sóc và sử dụng trâu phổ biến cho nhân dân. Tính đến cuối năm 1985, đàn trâu có 12.667 con, tăng 26,7% so với năm 1982, trong đó có 71% số hộ xã viên nuôi riêng. Đối với đàn bò, Ban Thường vụ

Huyện ủy quyết định cho thành lập trại bò tập thể của huyện với 62 con, đồng thời củng cố các trại chăn nuôi tập thể của cơ quan Ngân hàng, Công an và khuyến khích hộ gia đình nhận nuôi riêng, nâng tổng số đàn bò lên 300 con năm 1985. Đàn lợn được tăng cường các giống lợn lai kinh tế cao, cuối năm 1985, huyện đã nhập 33 con lợn Móng Cái và 2 con đực giống cho các xã Hảo Nghĩa, Lương Hạ, Kim Lư, Cường Lợi để cải tạo đàn lợn. Tuy có dịch bệnh làm chết nhiều nhưng cơ bản đàn lợn vẫn tăng, năm 1985, tổng đàn có 15.500 con, tăng 3.430 so với năm 1984. Ngoài ra, nhân dân trong huyện cũng nuôi thêm ngựa, dê và gia cầm để cải thiện đời sống.

Sản xuất lâm nghiệp có bước tiến mới so với thời kỳ trước, việc sử dụng và bảo vệ đất rừng bước đầu có chuyển biến tốt. Lâm trường quốc doanh có nhiều cố gắng trong công tác khai thác, tu bổ rừng và cung cấp đủ giống, cây con cho các hợp tác xã nhằm đạt được mục tiêu, kế hoạch của Nhà nước giao. Từ năm 1983-1985, bình quân mỗi năm khai thác 1.000m³ gỗ tròn, 500 tấn nguyên liệu giấy, trồng tập trung 47ha rừng, tăng nhanh so với thời kỳ 1981-1982. Công tác giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và hộ xã viên quản lý, sử dụng đạt khá. Trong 3 năm, huyện đã tiến hành giao ở 10/22 xã, thị trấn gồm 20.883ha cho hợp tác xã quản lý và 23.358ha cho hộ xã viên. Tại các xã Côn Minh, Văn Minh, Hữu Thác, do làm tốt công tác này nên ý thức bảo vệ và sử dụng đất rừng của nhân dân được nâng cao, tổ chức khai thác rừng có kế hoạch và chấm dứt được tình trạng phát

rừng làm nương rẫy. Công tác định canh định cư bước đầu phát huy hiệu quả góp phần thiết thực vào việc bảo vệ rừng. Trong 3 năm (1983-1985), huyện đã vận động hạ sơn được 32,7% số hộ người Dao, đồng thời xây dựng được 3 hợp tác xã ở Đồng Xá, Lam Sơn, Lương Hạ để bà con đi vào con đường làm ăn tập thể, giúp đồng bào thay đổi tập quán sản xuất, ổn định đời sống.

Hoạt động sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có phần suy giảm. Xí nghiệp cơ điện của huyện gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu và thiết bị máy móc thiếu thốn nên chỉ tổ chức khai thác được than củi để duy trì hoạt động và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Phương hướng sản xuất còn nhiều vướng mắc, các ngành nghề mới như mộc, chế biến thực phẩm chậm được triển khai do thiếu vốn và công nhân kỹ thuật. Việc gia công sản xuất vật liệu xây dựng gạch, vôi chưa đạt được hiệu quả cao. Xí nghiệp khai thác vàng V1 sau một thời gian hoạt động thua lỗ nên đã đóng cửa vào năm 1985.

Các ngành tài chính, ngân hàng từng bước được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ hơn. Phát huy chức năng và nhiệm vụ về quản lý thu chi ngân sách, các ngành đã thực hiện tốt việc quản lý tiền tệ, đẩy mạnh công tác tín dụng và đầu tư vốn cho vay ngắn và dài hạn nhằm phát triển kinh tế, xây dựng cơ bản và cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Riêng vận động tiết kiệm vào ngân hàng Nhà nước năm 1985 có số dư đạt 1,4 triệu đồng (tăng tích lũy 1,2 triệu đồng), bình quân số dư 61 đồng/người...

Chỉ tiêu thu mua lương thực thực phẩm trong 3 năm (1983-1985) đạt 2.765 tấn (tăng 12,5% so với giai đoạn trước). Thu mua trâu cày giao cho tỉnh đạt 952 con, đạt 152% kế hoạch, thu mua hàng xuất khẩu 1985 đạt bình quân 0,85 đô la/người. Những mặt hàng thiết yếu như muối ăn, dầu thắp, vải mặc cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân.

Ngành giao thông thủy lợi, xây dựng cơ bản có nhiều chuyển biến tích cực. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, hàng năm, Huyện ủy lãnh, chỉ đạo các cấp ủy cơ sở vận động nhân dân tăng cường hoạt động duy tu, bảo dưỡng hệ thống cầu, đường, thủy lợi hiện có, đồng thời xây dựng mới các tuyến đường, đập, mương để phục vụ cho nhu cầu của đời sống và sản xuất. Trong 3 năm (1983-1985), huyện đã huy động tổng cộng 25.000 ngày công của nhân dân để hoàn thành nhiều công trình quan trọng. Trong đó, các xã Hảo Nghĩa, Xuân Dương, Lương Hạ đã vận động nhân dân sửa chữa và xây mới được nhiều tuyến đường, xã Vũ Loan xây dựng mới được tuyến đường nối với xã Cường Lợi dài 2km, xã Lạng San xây dựng được phai Khuổi Slúng, Tát Slung, xã Cường Lợi xây dựng được đập Nà Nưa. Đặc biệt, xã Văn Minh dưới sự lãnh đạo quyết liệt của cấp ủy Đảng đã hoàn thành công trình đập Pác Ban - thủy điện nhỏ đầu tiên của huyện và xây dựng được 4km đường ô tô nội xã chỉ trong thời gian ngắn. Trong xây dựng cơ bản, được sự hỗ trợ của tỉnh về kinh phí, huyện đã đầu tư xây dựng khu nhà bệnh viện, trụ sở

Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và hệ thống trường học với nguồn nguyên, vật liệu được huy động phần lớn tại địa phương.

Trong công tác văn hóa xã hội, Huyện ủy bám sát phương hướng Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ huyện để tiếp tục lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực: giáo dục, văn hóa, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, y tế, thể dục - thể thao, xây dựng nếp sống mới. Đây cũng là những mặt quan trọng trong công cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa do Đại hội IV của Đảng đề ra. Sự nghiệp giáo dục của huyện được duy trì và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tuy còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất nhưng đội ngũ giáo viên được tăng cường và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nên chất lượng giảng dạy được nâng cao, hiệu quả giáo dục vẫn được đảm bảo. Hàng năm, trên địa bàn huyện trung bình có 6.000 học sinh cấp I, II và 500 học sinh cấp III, đồng thời huyện còn mở một lớp bổ túc cho 41 học viên chủ yếu là cán bộ, binh quân cứ 4 người dân là có 1 người đi học. Tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp từ lớp 1 đến lớp 7 đạt 88%, tỷ lệ tốt nghiệp trung học đạt 94%. Đến hết năm 1984, đã có 12 xã được công nhận phổ cập cấp I¹. Ngành y tế có nhiều cố gắng trong công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Bệnh viện huyện tích cực nâng cao chất lượng chuyên môn, phục vụ, duy trì và củng cố thường xuyên công tác quản lý lao động, đảm bảo chế

1. Văn Học, Vũ Loan, Cường Lợi, Kim Hỷ, Lương Thượng, Lạng San, Lam Sơn, Hào Nghĩa, Hữu Thác, Xuân Dương và Văn Minh.

độ trực ban, một số bệnh hiểm nghèo đã cứu chữa được, tạo được niềm tin trong nhân dân. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được duy trì thường xuyên, một số trạm xá xã hoạt động tốt như Xuân Dương, Hảo Nghĩa. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đạt hiệu quả khá đã đưa tỷ lệ sinh từ 2,7% giảm xuống còn 2,01%. Bên cạnh đó, Ban Bảo vệ bà mẹ trẻ em ở các xã được củng cố, những xã chưa có đều được thành lập để đẩy mạnh hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe cho chị em phụ nữ và trẻ nhỏ. Đến hết năm 1985, toàn huyện tổ chức được 14 nhà trẻ với 132 cháu.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền có nhiều cố gắng về mặt tổ chức và chuyển biến bước đầu về chất lượng hoạt động, phục vụ. Hàng năm, Phòng Văn hóa thông tin huyện xuống từng cơ sở để củng cố về mặt tổ chức nên hoạt động ở các xã diễn ra khá sôi nổi với nhiều nội dung phong phú, chất lượng được nâng lên. Trong 3 năm (1983-1985), ngành đã tổ chức được 53 buổi biểu diễn văn nghệ và chiếu bóng phục vụ cho 105.000-115.000 lượt người xem. Tuy nhiên, nhìn chung công tác này còn nhiều hạn chế, việc giáo dục nếp sống văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa còn triển khai chậm, một số hủ tục, mê tín dị đoan nổi lên làm xáo động tình hình an ninh của địa phương.

Trong khi tình hình kinh tế - xã hội còn khó khăn, công tác quốc phòng và an ninh trật tự xã hội có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Việc giáo dục ý thức quốc phòng

toàn dân, xây dựng lực lượng quân sự địa phương được cấp ủy quan tâm. Nhiệm vụ tuyển quân hàng năm, huyện đều đạt chỉ tiêu và đảm bảo chất lượng tốt. Lực lượng dân quân tự vệ ở các xã và cơ quan thường xuyên được củng cố, luôn luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, hàng năm ra quân huấn luyện đạt 100% kế hoạch, xếp loại khá, giỏi đạt từ 70% trở lên. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội được triển khai tích cực. Thực hiện Nghị quyết 03-NQ/BCT của Bộ Chính trị và Chỉ thị 128-CT/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác an ninh trong hình thức mới, lực lượng an ninh huyện đã thường xuyên rà soát, nắm chắc các đối tượng, đấu tranh kiên quyết với các phần tử chống đối, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Hệ thống chính trị của huyện từng bước được củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm chăm lo công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn công tác xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội. Huyện ủy đã chỉ đạo tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (1982-1986) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, X. Qua học tập, nghiên cứu, trình độ nhận thức của cán bộ đảng viên từng bước được nâng lên,

kiên định lập trường chính trị, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW, Chỉ thị số 83-CT/TW về xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Huyện ủy đã chỉ đạo các cơ sở xây dựng chương trình hành động thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Vì vậy, số tổ chức cơ sở đảng vững mạnh tăng dần, năm 1985, có 14 tổ chức đạt trong sạch vững mạnh (tăng 3 so với năm 1983), 20 cơ sở đạt khá (tăng 3 so với năm 1983) và 10 cơ sở yếu (giảm 4 so với năm 1983). Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bước đầu được đổi mới, đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ học vấn, năng động, sáng tạo được mạnh dạn đề bạt ở các tổ chức Đảng và chính quyền các cấp.

Công tác phát triển Đảng luôn được Huyện ủy chú trọng. Trong 3 năm (1983-1985), Đảng bộ kết nạp được 130 đảng viên, đối tượng chủ yếu là đoàn viên và quần chúng ưu tú trực tiếp lao động ở các cơ sở sản xuất nông nghiệp. Cùng với sự nghiệp giáo dục, rèn luyện cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công tác kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ Đảng được Huyện ủy thường xuyên coi trọng, việc xử lý, kỷ luật đảng viên có vi phạm được thực hiện nghiêm túc. Riêng đợt thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã tiến hành xem xét kỷ luật 45 trường hợp đảng viên vi phạm, trong đó khai trừ 9 đảng viên không đủ tư cách. Qua đợt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 79-CT/TW của Ban Bí thư Trung

ương Đảng, đa số đảng viên vẫn giữ vững được phẩm chất cách mạng và lối sống trong sạch. Số đảng viên đi tư cách qua phân loại hàng năm đều đạt trên 95%; 2/3 số đảng viên của Đảng bộ giữ vai trò tiên phong gương mẫu, đảng viên yếu kém giảm còn 5%. Đặc biệt, ngày 16/6/1985, Huyện ủy Na Rì ban hành Quyết định số 18/QĐ-HU tách Đảng bộ xã Lương Hạ và thành lập Đảng bộ thị trấn Yên Lạc trực thuộc Đảng bộ huyện.

Bộ máy chính quyền huyện được củng cố, kiện toàn qua các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Hội đồng nhân dân đã phát huy tốt vai trò đại biểu và chức năng giám sát ở địa phương, có quy chế hoạt động rõ ràng. Nội dung các kỳ họp được chuẩn bị chu đáo, bàn và quyết định các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội. Các đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động khá tốt trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở từng địa phương, đơn vị... Ủy ban nhân dân huyện nêu cao vai trò là cơ quan quản lý hành chính, kinh tế, xã hội, chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong những năm đầu thực hiện phân cấp quản lý hành chính, quản lý kinh tế tuy khó khăn, nhưng Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức tốt các hình thức liên doanh, liên kết, điều hành các ban, ngành thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương và hoàn thành tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm và các nghĩa vụ khác với Nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng, Huyện ủy đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm kiện toàn, củng cố tổ chức của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp ở huyện có nhiều chuyển biến, tiến bộ, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở địa phương. Các phong trào “Ao cá Bác Hồ”, vận động nhân dân mua công trái xây dựng Tổ quốc, phong trào gửi tiền tiết kiệm, phong trào ủng hộ chiến sĩ biên giới, thực hiện nghĩa vụ quân sự và chính sách hậu phương quân đội, phong trào thi đua lao động sản xuất giỏi, phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp của công đoàn, phong trào “thâm canh vượt khoán”, đi đầu trong “ứng dụng khoa học kỹ thuật”, phong trào “3 xung kích làm chủ tập thể”, cuộc “hành quân theo bước chân những anh hùng” của thanh niên, phong trào “Phụ nữ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” của các cấp Hội Phụ nữ... được nhiều người tham gia, có tác dụng giáo dục, động viên toàn xã hội tích cực đóng góp làm cho huyện ngày càng phát triển.

Mười năm sau ngày đất nước thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là những năm tháng đầy khó khăn, thách thức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân huyện Na Rì luôn đoàn kết, vững vàng trong mọi hoàn cảnh cùng nhau xây dựng đất nước nói chung và huyện nói riêng ngày càng phát triển. Trong giai đoạn 1975-1986, thiên tai liên tiếp xảy ra, cơ chế quản lý kinh tế bộc lộ nhiều thiếu sót, nhưng với sự

lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện tới cơ sở, sự nỗ lực cố gắng của nhân dân trong huyện nên các ngành sản xuất vẫn được duy trì, có mặt phát triển, góp phần ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Những thành tích đạt được cũng như những tồn tại trong giai đoạn 1975-1986 đã để lại nhiều kinh nghiệm quý giá giúp Đảng bộ và nhân dân huyện vượt qua khó khăn, thách thức để đạt được những kết quả cao hơn trong giai đoạn tiếp theo.

III. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986-1990)

Chấp hành chỉ đạo của Trung ương Đảng về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc, từ ngày 06-09/10/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XI (nhiệm kỳ 1986-1988) được tổ chức. Đây là kỳ Đại hội đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì. Với tinh thần làm việc nghiêm túc trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình thẳng thắn, trung thực, Đại hội đã nhận định rằng: Nhờ có đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương soi sáng, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo thường xuyên nên trong 4 năm qua, đảng viên và nhân dân Na Rì đã cố gắng phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn thử thách để giữ vững tình hình kinh tế xã hội, nhiều mặt có nhiều cố gắng vươn lên, xuất hiện thêm những

nhân tố mới, tạo ra được tiền đề thuận lợi cho các bước đi tiếp theo; tuy nhiên Na Rì vẫn có tốc độ phát triển chậm so với các địa phương khác trong tỉnh Bắc Thái, nhiều mặt còn có hạn chế như công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ cho phù hợp với tình hình mới còn nhiều bất cập, phẩm chất, ý chí của một số cán bộ, đảng viên bị giảm sút, còn biểu hiện thiếu trách nhiệm trước công việc được giao gây mất lòng tin của quần chúng nhân dân với Đảng.

Đại hội đề ra và thông qua các mục tiêu phát triển trên các lĩnh vực:

- Trên cơ sở sản xuất phát triển phấn đấu ổn định nhịp độ sản xuất tạm thời đi lên để tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Nhà nước nắm được hàng, tiền và làm chủ thị trường, giá cả để ổn định đời sống nhân dân, nhất là đời sống cán bộ công nhân viên chức.

- + Về ăn: Đảm bảo lương thực trên địa bàn huyện ở khu vực nông thôn, cố phấn đấu dự trữ từ 1 tháng trở lên, với thực phẩm chú ý phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm để tăng thành phần đạm trong bữa ăn.

- + Về mặc: Đẩy mạnh việc trồng bông, đáp ứng phần nào nhu cầu chăn, màn, vải mặc, đồng thời tận thu khai thác các nguồn hàng nông sản để trao đổi nhu cầu vải mặc đủ ấm và phần nào đáp ứng được thị hiếu.

- + Về đi lại: Tiếp tục tổ chức khai thông các tuyến đường giao thông đi các xã Liêm Thủy, Văn Học, Vũ Loan đồng thời chú ý nâng cấp bảo dưỡng các tuyến đường đã có để tạo điều kiện đi lại chủ động cho nhân dân.

+ Về ở: Tăng nhanh tỷ lệ ở nhà ngói ở nông thôn, khẩn trương ổn định mặt bằng thị trấn để xây dựng các cơ quan Nhà nước, trường học...

- Khắc phục hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xóa bỏ thu nhập bất chính, thực hiện nếp sống văn minh, kiên quyết chặn đứng các tập tục xấu, mê tín dị đoan mới nổi dậy.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản của các công trình phúc lợi công cộng. Hoàn chỉnh hệ thống giao thông rộng khắp 22 đơn vị cơ sở kết hợp giao thông thủy lợi và một số thủy điện nhỏ.

- Tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất, cải tiến một bước về cơ chế khoán cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Trong lĩnh vực kinh tế quốc doanh xóa bỏ quan liêu bao cấp, hình thành và phát huy tác dụng của hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Thường xuyên cảnh giác giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu đáp ứng đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến khi cần thiết.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí; bầu đồng chí Nguyễn Văn Việt giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, bầu đồng chí Lâm Văn Việt giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy.

Những sai lầm trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980 đã làm cho tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng. Những

đổi mới cục bộ trong kế hoạch 5 năm 1981-1985 không cải thiện được tình hình, bức tranh kinh tế có một vài điểm sáng nhưng càng làm cho yêu cầu đổi mới trở nên cấp thiết. Đổi mới căn bản và đồng bộ trở thành vấn đề sống còn của nước ta. Tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tổ chức ở Hà Nội. Với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội đã thẳng thắn nhìn nhận những nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và nhất trí thực hiện đường lối đổi mới đất nước toàn diện, trong đó nhấn mạnh xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh cơ chế thị trường. Đồng thời, đề ra 3 chương trình kinh tế: Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI mở ra thời kỳ mới cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngay sau khi Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới, Huyện ủy Na Rì nhanh chóng quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng khóa VI đến toàn thể các ban ngành, địa phương trên địa bàn huyện nắm rõ tinh thần đổi mới. Đặc biệt, đầu tháng 02/1987, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI họp kỳ thứ 3 để thảo luận về nhiệm vụ công tác của năm và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Theo đó, Huyện ủy quán triệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ là: Kiên quyết xóa bỏ cơ chế hành chính quan liêu bao cấp để chuyển sang chế độ hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cải tiến công tác kế hoạch hóa, từng bước thay đổi hoạt động kinh tế theo quan hệ bình đẳng

để tập trung mọi cơ sở vật chất, bảo đảm thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, khuyến khích phát triển nghề rừng; ổn định dần tình hình kinh tế - xã hội của địa phương để tháo gỡ khó khăn, ách tắc trong sản xuất và phân phối tiêu dùng, chuẩn bị các điều kiện phát triển thuận lợi cho những năm sau.

Hội nghị cũng thống nhất quan điểm giải quyết vấn đề lương thực bằng sức mạnh tổng hợp, tập trung cho thâm canh, làm đất, phân bón, giống, nước, phòng trừ sâu bệnh, chuyển hướng sản xuất bằng cách tăng diện tích vụ xuân, coi trọng phát triển cây màu, thâm canh cây ngô ở một số vùng có điều kiện và có chính sách đầu tư. Đặc biệt, trong điều kiện là một huyện miền núi nên khả năng cơ giới hóa nông nghiệp của Na Rì cần quá trình thực hiện từng bước. Do đó, cần phát triển ngành chăn nuôi, nhất là đàn gia súc lớn để tăng sức kéo và tạo nguồn phân chuồng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trong khi đó, với ngành lâm nghiệp, để phát triển cần gắn với công tác giao đất giao rừng, tổ chức lại sản xuất nghề rừng, đồng thời khuyến khích các hộ gia đình, các hợp tác xã, cơ quan, trường học nhận quản lý trồng mới và được hưởng toàn bộ sản phẩm do mình trồng ra, Nhà nước mua gỗ, củi theo giá thỏa thuận và chỉ nộp tiền lâm sản theo quy định¹.

1. Công văn số 29-CV/HU ngày 5/2/1987 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu trong dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ công tác năm 1987 và đổi mới cơ chế quản lý của kỳ họp thứ 3 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

Huyện Na Rì bước vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp trong điều kiện còn nhiều khó khăn, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi từ mô hình quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường đã gây ra nhiều xáo trộn trong đời sống xã hội các địa phương; cấp ủy, chính quyền ở huyện và xã phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, trong khi vẫn phải đảm bảo yêu cầu phát triển ổn định. Thời điểm này, nông nghiệp vẫn được coi là mặt trận hàng đầu của huyện, năm 1987 do thời tiết không thuận lợi (hạn hán gay gắt kéo dài) làm ảnh hưởng đến cả 2 vụ sản xuất. Vụ xuân tuy diện tích cấy chỉ đạt 75ha/105ha nhưng nhờ áp dụng giống mới, bón phân kịp thời nên năng suất đạt khá, bình quân là 35 tạ/ha, sản lượng đạt 238 tấn. Trong đó, Hợp tác xã Nà Toàn (xã Ân Tình) và Hùng Vương (xã Côn Minh) là hai trong số hợp tác xã đạt năng suất cao của huyện Na Rì. Ngô xuân trồng được 741ha (đạt 91,8% kế hoạch) với một số giống mới như TSB2, MSB49 cho năng suất 14,7 tạ/ha, thu sản lượng là 1.066 tấn. Đến vụ mùa, vượt qua những khó khăn về thời tiết, toàn huyện Na Rì cấy được 1.795ha lúa (đạt 95,5% diện tích), sản lượng đạt 5.924 tấn; lúa nương trồng được 448,5ha, năng suất đạt 11,5 tạ/ha, sản lượng là 758 tấn.

Với đặc điểm có diện tích đất đai rộng lớn, đồng thời để phục vụ cho yêu cầu tìm nguồn hàng xuất khẩu (một trong 3 chương trình kinh tế lớn), Huyện ủy Na Rì xác định cây đậu tương và cây lạc là loại cây công

nghiệp phù hợp, từ đó chỉ đạo các xã tập trung phát triển. Tuy nhiên, đến hết năm 1987, toàn huyện mới trồng được 111,5ha đậu tương cho sản lượng 78 tấn; cây lạc được 75ha với sản lượng đạt 45 tấn.

Cũng trong năm 1987, toàn huyện trồng mới được 40,2ha rừng, vượt chỉ tiêu 20,2ha, trong đó chủ yếu là cây mỡ. Việc khai thác nguyên liệu gỗ giấy đạt 460/400 tấn, trong khi đó khai thác gỗ tròn chỉ đạt 908,819m³/1.100m³. Do khó khăn về phương tiện máy móc, xăng dầu nên việc vận chuyển đạt thấp, việc quản lý lao động có những thời điểm không chặt chẽ, chưa đảm bảo đúng giờ giấc và ngày công trong tháng. Đặc biệt, nhiều địa phương trong huyện chưa có biện pháp ngăn chặn tình trạng phá rừng làm nương và khai thác lâm sản trái phép, vì vậy, trong năm 1987, huyện để mất 72ha rừng. Ngành chức năng của huyện đã bắt và xử lý 27 vụ khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, thu giữ 31,9 m³ gỗ và phạt 96,544 đồng tiền mặt¹.

Thời gian này, trong khi nhiều địa phương trong tỉnh và trên địa bàn cả nước có những bất ổn khi triển khai Chỉ thị 100-CT/TW của Trung ương thì ở Na Rì, tình hình vẫn cơ bản ổn định. Huyện ủy tiếp tục tinh thần chỉ đạo các địa phương thực hiện nghiêm túc nhằm hoàn chỉnh cơ chế khoán, đồng thời kiên quyết uốn nắn cấp ủy, chính quyền một số xã thực hiện không đúng yêu cầu đề ra. Vì vậy, mặc dù một số chỉ tiêu sản xuất

1. Báo cáo số 11-BC/HU ngày 31/12/1987 Tổng kết công tác năm 1987, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

của huyện chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng về cơ bản mức sống của xã viên vẫn được đảm bảo, không để xảy ra tình trạng “vỡ” hợp tác xã. Nhờ vậy, cả năm 1987, huyện Na Rì huy động được 483,4 tấn lương thực đóng góp cho Nhà nước (đạt 102,8% kế hoạch), trong đó thu mua thỏa thuận và đổi hàng được 293/266 tấn, góp phần giúp ngành lương thực của huyện đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Trong khi đó, do ảnh hưởng từ hệ quả của cuộc điều chỉnh giá - lương - tiền (năm 1985) làm cho tình trạng lạm phát tăng “phi mã”, nguồn hàng khan hiếm nên ngành thương mại huyện Na Rì gặp nhiều khó khăn. Tổng doanh số mua vào chỉ đạt 76.341.589 đồng (đạt 58,1%), nhất là thu mua lợn hơi chỉ đạt 9.423kg/30.000kg bằng 31,4% kế hoạch; tổng doanh số bán ra đạt 72.240.700 đồng (đạt 60% kế hoạch).

Ngày 8/10/1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Nghị quyết số 03-NQ/BT về thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ 3. Nghị quyết nhấn mạnh một số chủ trương, biện pháp cấp bách cần thực hiện:

1. Tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, nhất là giải quyết vấn đề lương thực, không để xảy ra thiếu đói.

2. Chủ động cân đối lương thực trên địa bàn với mức cao nhất; tích cực huy động lương thực từ nhiều nguồn, triệt để tận dụng các nguồn thu, nhất là thuế nông nghiệp năm 1987 trở về trước

3. Kien toan mot buoc ve to chuc, sap xep lai can bo

và tăng cường giáo dục tư tưởng các ngành phân phối lưu thông, kiên quyết chống những biểu hiện tiêu cực¹.

Một năm sau khi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI của Đảng được ban hành, để giữ ổn định đất nước, cơ chế bao cấp, sử dụng tem phiếu, phân phối lưu thông hàng hóa... vẫn được duy trì nhưng từng bước đi đến loại bỏ. Đến năm 1988, nông thôn Việt Nam nói chung và địa bàn huyện Na Rì nói riêng sau 7 năm thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã bộc lộ những hạn chế, khó khăn trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Càng về sau, các hộ xã viên thì trông chờ, ỷ lại vào các khâu bảo đảm của hợp tác xã, mức khoán không phù hợp với sức lao động và giá trị ngày công, thu nhập của xã viên không bảo đảm. Một số hộ xã viên trả lại ruộng khoán, nợ đọng sản phẩm của hợp tác xã có xu hướng tăng lên. Vì vậy, từ quý II năm 1988, Huyện ủy Na Rì lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các xã thực hiện nghiêm túc theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/BT của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành ngày 01/3/1988 về hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp. Trong đó, nhấn mạnh thực hiện theo yêu cầu:

1. Chế độ sở hữu tư liệu sản xuất: Phải làm cho người dân hiểu và làm đúng “Luật Đất đai” vừa mới được ban hành, ổn định diện tích và mức khoán cho

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập II (1976-2009)*, Sở VH&TT tỉnh Bắc Kạn, 2010, tr.54-55.

người lao động ít nhất là 5 năm đối với đất nông nghiệp; đất đồi rừng theo chu kỳ từng loại cây trồng.

2. Chế độ quản lý: Thực hiện chế độ khoán gọn, xóa bỏ hình thức tính công điểm; quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng cán bộ quản lý để thưởng, phạt thích hợp. Ban Quản trị hợp tác xã phải điều hành một số khâu then chốt trong quá trình sản xuất, các khâu còn lại giao cho hộ gia đình đảm nhiệm. Từng hợp tác xã phải xây dựng cơ cấu kinh tế phù hợp và nhanh chóng chuyển sang kinh doanh tổng hợp theo nguyên tắc làm nghề gì hưởng thụ theo kết quả sản xuất kinh doanh của nghề đó.

3. Chế độ phân phối: Phải đảm bảo nguyên tắc công khai, sòng phẳng, thực hiện theo hợp đồng kinh tế; từng bước giảm chế độ bao cấp trong hợp tác xã.

Ngày 12/3/1988, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì ban hành Nghị quyết số 11-NQ/HU về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1988. Theo đó, Huyện ủy xác định chủ trương, nhiệm vụ kinh tế chung là: “Từng bước khắc phục kiểu sản xuất tự cấp tự túc trong sản xuất nông nghiệp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa để phân phối rộng ra thị trường. Phát triển chăn nuôi gia đình ở cả nông thôn, thị trấn và hộ công nhân viên chức, chuyển dần đàn trâu tập thể về gia đình xã viên theo tinh thần Nghị quyết 05-NQ/BT của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hoàn thành dứt điểm giao đất giao rừng đến tập thể và gia đình quản lý, kinh doanh lâu dài, làm cho rừng nào

cũng có chủ, đảm bảo quyền thừa kế và bán sản phẩm theo giá thỏa thuận. Khuyến khích và giúp đỡ các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể, cá thể, sản phẩm tiêu dùng theo nguyên tắc thỏa thuận không ép giá...”¹.

Ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 10-NQ/TW về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” (gọi tắt là khoán 10) nhằm khắc phục những hạn chế của Chỉ thị 100-CT/TW. Nghị quyết 10-NQ/TW đã đề ra các quan điểm cơ bản của đổi mới công tác quản lý nông nghiệp ở nước ta, khẳng định tư tưởng “giải phóng sức sản xuất” trong các mối quan hệ về lợi ích, nhấn mạnh “quan trọng nhất là bảo đảm lợi ích người lao động”. Đó là quan điểm phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo về lợi ích giữa Nhà nước, hợp tác xã và người lao động, cụ thể là nông dân và xã viên; thống nhất xóa các chính sách thu mua lương thực, thực phẩm theo nghĩa vụ với giá thấp; đổi mới quản lý các nông, lâm trường quốc doanh... Trên cơ sở Nghị quyết 10-NQ/TW của Trung ương, ngày 25/7/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái họp bàn, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện. Chấp hành chỉ đạo của cấp trên, Huyện ủy Na Rì ban hành Nghị quyết số 17-NQ/HU về hoàn thiện cơ chế khoán gọn trong sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, tổ chức triển

1. *Nghị quyết 11-NQ/HU ngày 12/3/1988 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khóa XI) về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1988*, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

khai, lãnh đạo việc thực hiện “khoán 10” đến toàn bộ các đồng chí Huyện ủy viên, Bí thư Chi bộ, Đảng bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã theo tinh thần “Hoàn thiện khoán sản phẩm, phát huy động lực của hình thức khoán mới, xóa bỏ bao cấp và khoán trắng trong các hợp tác xã, có cơ chế khuyến khích người lao động, để họ phấn khởi, yên tâm sản xuất”. Từ quý IV năm 1988, các xã bắt đầu thực hiện Khoán 10 theo hướng dẫn của cấp trên, trong đó chú trọng đến các vấn đề:

- Rà soát lại số lao động, số khẩu, tổng diện tích trong nông nghiệp; xác định phương hướng sản xuất, biện pháp luân canh cây trồng khoán sản phẩm trên đơn vị diện tích đất.

- Xác định chi phí sản xuất và từng hộ xã viên, khoán công gián tiếp cho một sào ruộng khoán nghĩa vụ quỹ hợp tác xã; dự phòng thiên tai, khoán sức kéo cho nhóm và từng hộ xã viên.

- Khoán trắng trâu, bò, máy móc, công cụ, tư liệu sản xuất tập thể cho các hộ xã viên.

Với việc Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Nghị quyết số 05-NQ/BT và thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, xã viên giờ đây được coi là trung tâm của chính sách nông nghiệp. Từ chỗ người nông dân được làm chủ “3 việc” đến chỗ làm chủ hoàn toàn trên đồng khoán trong một thời gian dài là bước tiến lớn hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm. Hộ gia đình nông dân được sở hữu ruộng đất và tư liệu sản xuất, quản lý

toàn bộ quá trình sản xuất và làm chủ về phân phối. Đó là yếu tố quyết định thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Người dân phấn khởi khi được nhận ruộng đất, từ đó họ có ý thức gắn bó hơn, sẵn sàng đầu tư tiền của, công sức để chăm sóc tài sản của mình.

Sau đó huyện Na Rì đã triển khai thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Trung ương đến 22/22 xã, thị trấn trên địa bàn. Cuối tháng 02/1989, Huyện ủy tổ chức Hội nghị sơ kết triển khai cơ chế khoán gọn trong sản xuất nông nghiệp. Hội nghị đánh giá cao kết quả đạt được: cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương và quần chúng nhân dân ủng hộ, nhất trí và thực hiện nhanh chóng, nghiêm túc chủ trương khoán của cấp trên. Nhiều nơi đã bàn giao xong ruộng đất, bình bán trâu cho hộ và ký được sổ giao nhận khoán với hộ gia đình xã viên... Tuy nhiên, trong thực tế triển khai cũng nảy sinh nhiều vấn đề, đặc biệt là vấn đề tranh chấp “đất ông cha”, giải quyết nợ đọng và hóa giá tài sản tập thể... điển hình là 4 xã: Cư Lễ, Lương Thượng, Ân Tình, Kim Hỷ vẫn chưa tổ chức xong khoán sản phẩm. Nguyên nhân chủ yếu là sự phối hợp giữa tổ công tác và cơ sở không thường xuyên, liên tục, thiếu chặt chẽ và đồng bộ; Ban Quản trị các hợp tác xã chưa chủ động trong việc đề ra kế hoạch, phương án và biện pháp giải quyết vấn đề ruộng đất, nợ đọng sản phẩm vốn đã tồn tại từ nhiều năm trước; một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu trong thực hiện Khoán 10, lợi dụng chức vụ để tự chọn ruộng đất, cho phép cán bộ hưu trí, quân nhân tại ngũ và con em cán bộ

từ 1 tuổi trở lên được giao ruộng, dẫn đến việc người có nhiều ruộng tốt, người chỉ được nhận ruộng xấu, ruộng xa... những vấn đề đó gây nên tình trạng mâu thuẫn, phức tạp ở địa phương, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nghị quyết khoán.

Hội nghị kết luận một số vấn đề: Thống nhất phân ruộng đất thành 2 loại giao cho hộ gia đình xã viên đúng theo tỷ lệ để tránh chênh lệch quá nhiều về sản lượng, không chấp nhận cho bất kỳ hộ gia đình xã viên nào lấy toàn bộ ruộng ông cha và ruộng tốt cả; Đối với những hộ không chịu nhận khoán để làm ngành nghề khác, hợp tác xã chấp thuận và giao xuất khoán đó cho hộ xã viên khác đảm nhiệm, kiên quyết không để hoang hóa ruộng đất; Thống nhất vận dụng chính sách đã có với trâu, nghé để bình giá trị và chuyển giao về hộ gia đình xã viên theo đúng nguyên tắc; Đến ngày 10/3/1989, các cơ sở về cơ bản phải ký xong giao kèo với hộ xã viên, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và cấp bách cần thực hiện, đảm bảo thắng lợi trước khi bước vào vụ mùa năm 1989.

Từ ngày 23-25/3/1989, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XII nhiệm kỳ 1989-1991 được tổ chức. Đại hội nghe báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI, đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại: Qua 2 năm triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1987-1988), Huyện ủy Na Rì lãnh đạo các địa phương nắm rõ tinh thần đổi mới, từng bước thay đổi phương thức quản lý, điều hành kinh tế; bỏ chế độ tem phiếu và nghĩa vụ

lương thực, thực phẩm (1988); triển khai nghiêm túc Nghị quyết 10-NQ/TW của Trung ương, Nghị quyết 05-NQ/BT của tỉnh và Nghị quyết 17-NQ/HU của huyện trong lĩnh vực nông nghiệp. Kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu. Yêu cầu đổi mới tiếp tục là nhiệm vụ quan trọng đối với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trên địa bàn huyện, nhất là đối với sản xuất nông nghiệp.

Đại hội thảo luận và thông qua phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1989-1991. Trong đó, nhấn mạnh đến yêu cầu: Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật và biện pháp thâm canh tăng vụ; tiếp tục hoàn thiện công tác khoán trong nông nghiệp và giải quyết những vấn đề phát sinh từ tranh chấp “đất ông cha”; xây dựng một số cơ sở vật chất kỹ thuật trọng điểm về thủy lợi, giao thông, y tế, trường học, trụ sở cơ quan đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế; nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo để mọi trẻ em được đến trường đúng độ tuổi, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng nếp sống mới; Tăng cường công tác an ninh quốc phòng, giữ vững trật tự an toàn xã hội; Tiếp tục đổi mới phong cách lãnh đạo, chỉ đạo và xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa biến chất nhằm từng bước xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 29 ủy viên. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí. Trong đó, đồng chí Lâm Văn Việt

được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy; đồng chí Hoàng Sương được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy và đồng chí Nông Văn Lưu được bầu giữ chức vụ Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Tiếp nối nhiệm vụ được đặt ra nhiệm kỳ trước, Đảng bộ huyện Na Rì khóa XII tích cực triển khai các biện pháp thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, qua đó góp phần hoàn thành kế hoạch 5 năm (1986-1990) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI. Ngày 01/6/1989, Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì ra Thông báo số 08-TB/HU quyết định mở đợt chỉ đạo sửa khoán đối với 3 xã Kim Hỷ, Lương Thượng, Cư Lễ; đồng thời uốn nắn những lệch lạc trong quá trình thực hiện ở các xã Hữu Thác, Hảo Nghĩa, Đồng Xá, Quang Phong, Văn Minh¹... Với những chỉ đạo sát sao kịp thời của Huyện ủy Na Rì, các xã trên địa bàn huyện tiếp tục hoàn thiện công tác khoán theo tinh thần Nghị quyết 10-NQ/TW của Trung ương, từng bước giải quyết những phát sinh về kinh tế - xã hội, nhất là vấn đề tranh chấp đất đai.

Trong 2 năm 1989-1990, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết, nhưng các hợp tác xã đã phấn đấu cấy hết trên 90% diện tích lúa mùa. Một số xã đã tích cực chỉ đạo làm lúa xuân bằng giống CR203 và nếp 352 đạt năng suất trên 30 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân mỗi năm đạt 6.550,087 tấn và bằng 71,1% so với mục

1. Thông báo số 08/TB-HU ngày 01/6/1989 của Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì về mở đợt sửa khoán. Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

tiêu Đại hội. Bình quân lương thực đầu người đạt 230 kg/người/năm (65% mục tiêu Đại hội)¹. Sản xuất lương thực của huyện tăng chậm và không đạt mục tiêu đề ra, nguyên nhân một phần là do ảnh hưởng của thời tiết; mặt khác quá trình thực hiện khoán 10 chưa được hoàn thiện và vững chắc, những vướng mắc, nợ đọng kéo dài chậm được giải quyết dứt điểm dẫn đến tư tưởng đòi ruộng ông cha và xảy ra tranh chấp ruộng đất trong nông dân; một số Đảng bộ, chính quyền và Ban Quản trị yếu kém, không hoạt động, chậm được củng cố đã cản trở quá trình giải quyết công việc.

Trong khi đó, ngành chăn nuôi có sự phát triển và chuyển biến theo hướng gia tăng tỷ lệ kinh doanh trong hộ gia đình. Đến cuối năm 1990, đàn lợn toàn huyện có 12.215 con, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 1988. Tổng đàn trâu bò có 13.235 con, so với năm 1988 tăng 1,25%, nhưng đàn bò giảm về số lượng. Sản phẩm gia súc, gia cầm một phần trở thành hàng hóa để xuất khẩu². Nhìn chung trong 2 năm (1989-1990), sản xuất nông nghiệp của huyện còn những hạn chế, nhưng nhờ sự chỉ đạo sát sao của Ban Thường vụ Huyện ủy, đời sống kinh tế - xã hội của Na Rì đã có nhiều thay đổi: người dân từ khi được nhận ruộng khoán tích cực chú trọng đến ruộng vườn, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp (tăng vụ, sử dụng giống mới) qua đó tạo nên bước chuyển

1. Trích Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ 13, ngày 23/11/1991.

2. Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ 13, ngày 23/11/1991.

trong cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng đa dạng hóa, từng bước phá thế độc canh cây lương thực; kinh tế hộ gia đình dần chiếm tỷ trọng lớn hơn, trong khi đó kinh tế tập thể theo hướng kinh doanh tổng hợp. Chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, ngăn sông cấm chợ, đồng thời khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần đã giúp cho hàng hóa được đa dạng và lưu thông dễ dàng hơn; giá cả từng bước ổn định. Vì vậy, từ năm 1989, lần đầu tiên huyện đã tự túc giải quyết được vấn đề lương thực. Các đơn vị quốc doanh được sắp xếp lại theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hơn, nhưng còn nhiều lúng túng do quá trình chuyển đổi cơ chế; tình trạng thiếu vốn, hàng hóa ứ đọng, nợ ngân hàng kéo dài diễn ra phổ biến ở hầu hết các đơn vị sản xuất kinh doanh, điển hình như Công ty thương nghiệp tổng hợp, Lâm trường quốc doanh và Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Trong hoạt động lâm nghiệp, một số địa phương đã xuất hiện những hộ điển hình trong làm kinh tế vườn rừng, tuy nhiên, vẫn còn một số yếu kém: chậm giao đất giao rừng; chưa ngăn chặn được tình trạng đốt nương làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép; chưa xây dựng được mô hình sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp ở các vùng sâu, vùng xa, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số như Dao, Mông.

Những đổi mới và kết quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp của Na Rì chứng tỏ các chủ trương, biện pháp được Đảng bộ huyện đề ra đã từng bước đi vào cuộc sống, tạo sự chuyển biến tích cực, nhưng mới chỉ



Đồng chí Nông Đức Mạnh - UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái
chụp ảnh lưu niệm cùng Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XI,
nhiệm kỳ 1986-1988



Đại biểu dự Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1991-1995



Đại biểu dự Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1996-2000



Lãnh đạo các huyện Thị xã, Bạch Thông, Na Rì, Chợ Đồn, Ngân Sơn,
Ba Bể họp hội nghị lần 2 bàn về tái thành lập tỉnh Bắc Kạn
(tháng 02/1992) tại Thị xã Bắc Kạn



Quốc lộ 279 (đoạn qua xã Lương Thượng) có vai trò tuyến đường an ninh quốc phòng của 3 tỉnh Lạng Sơn - Bắc Thái - Cao Bằng

tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho một số trường học, bệnh viện, trụ sở làm việc, nhà ở, các công trình thủy lợi và tu sửa đường giao thông đạt kết quả khá. Tổng số vốn đầu tư với 1,208 tỷ đồng trên nền diện tích xây dựng là 10.180m². Năm 1990, diện tích xây dựng của huyện tăng gấp 1,3 lần so với năm 1988. Khó khăn lớn nhất trong công tác xây dựng cơ bản là chậm quy hoạch thị trấn Yên Lạc và tình trạng nhà cửa, hàng quán xây dựng trái phép, lấn chiếm lề đường, đất công cộng diễn ra ngày càng nhiều và chưa được ngăn chặn hiệu quả. Bên cạnh đó, hệ thống đường ô tô bị hỏng nát, nhiều xã không vào được, khiến cho việc lưu thông với thị trường ngoài huyện gặp rất nhiều khó khăn, thường xuyên bị ách tắc trong mùa mưa lũ. Một số xã chưa có trụ sở làm việc và trạm xá, nhiều lớp học không đủ tiêu chuẩn sử dụng.

Trong hoạt động phân phối lưu thông, điều tiết thị trường, quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VI), năm 1988 Huyện ủy Na Rì ban hành một số chính sách mới nhằm khuyến khích khai thác các nguồn hàng, tiền của địa phương; cải tiến công tác phân phối lưu thông, củng cố hợp tác xã mua bán, tăng cường quản lý thị trường. Sản xuất thủ công nghiệp đã hình thành một số nghề như: xay sát gạo, nghiền thức ăn gia súc, xay bột làm bánh.... Ngành sữa chữa cơ khí nhỏ, sản xuất vật liệu xây dựng, nghề mộc dần phát triển ở một số địa phương trong huyện. Công tác bưu điện đảm bảo được các hoạt động thông tin liên lạc thông suốt. Tuy nhiên,

do mạng lưới bưu tá cơ sở hoạt động không liên tục nên thông tin giữa huyện và cơ sở diễn ra chậm.

Từ sau năm 1986, ngành giáo dục các trường học của huyện được sắp xếp lại để phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên chất lượng dạy và học của các nhà trường chưa có nhiều chuyển biến, một phần là do cơ sở vật chất chưa đảm bảo; đời sống của đội ngũ giáo viên còn thấp; tình trạng học 2 ca vẫn còn. Năm học 1986-1987, tỷ lệ lên lớp khối phổ thông cơ sở đạt 77,9% và tốt nghiệp là 73%; khối phổ thông trung học lên lớp đạt 77% và tốt nghiệp là 89%. Toàn huyện Na Rì có 22 trường, 424 lớp với 5.649 học sinh. Tuy nhiên, tình trạng học sinh bỏ học lại có xu hướng gia tăng: năm học 1989-1990 tỷ lệ là 4,6% và năm học 1990-1991 là 6,1%¹. Nguyên nhân một phần là do sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục các cháu chưa được thực hiện đều khắp. Bên cạnh đó, công tác xóa mù chữ tiếp tục được Phòng giáo dục huyện, chính quyền các xã thực hiện thường xuyên. Na Rì được tỉnh Bắc Thái đánh giá là huyện đạt kết quả tốt trong công tác xóa nạn mù chữ².

Trong công tác y tế: Ngành y tế làm tốt công tác phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế cơ sở từng bước được bồi dưỡng chuyên môn, đảm bảo

1. Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ 13, ngày 21/11/1991.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (1975-2005), Sở Văn hóa thông tin, 2005, tr. 156.

tiêm chủng mở rộng các bệnh truyền nhiễm cho trẻ em đạt tỷ lệ từ 85-87%. Đến năm 1990, huyện Na Rì có 9 xã công nhận hoạt động y tế khá gồm: Côn Minh, Dương Sơn, Xuân Dương, Quang Phong, Lạng Sơn, Văn Minh, Lam Sơn, Văn Học và Lương Thành. Một số xã tuy có trạm y tế nhưng hoạt động kém, thậm chí không hoạt động. Trong khi đó, huyện vẫn còn 5 xã: Kim Hỷ, Liêm Thủy, Cường Lợi, Kim Lư, Ân Tình chưa có trạm xá.

Công tác thông tin tuyên truyền được cấp ủy Đảng, chính quyền huyện và các xã quan tâm hơn, hướng hoạt động vào phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoạt động chiếu phim lưu động vẫn chỉ phục vụ được ở một số khu vực đông dân cư mà chưa phổ biến được đến hầu khắp các xã trong huyện vì giao thông đi lại khó khăn. Do đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng văn hóa cho quần chúng nhân dân còn nhiều hạn chế; các hoạt động văn nghệ, thể thao diễn ra không thường xuyên, chưa tạo thành phong trào sâu rộng, nhất là ở những vùng xa của huyện. Đặc biệt, hoạt động mê tín dị đoan có chiều hướng lan rộng, một số tập tục lạc hậu đã xóa bỏ từ lâu nay lại phục hồi.

Trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp, tình hình an ninh biên giới vẫn có nhiều căng thẳng, ngày 30/11/1987, Bộ Chính trị (khóa VI) ban hành Nghị quyết số 07/NQ-TW về “Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn an toàn xã hội trong tình hình mới”. Ở Na Rì, thời gian này tình hình an ninh chính trị tiếp tục được giữ vững, nhưng trật tự xã hội

từng lúc từng nơi còn những diễn biến phức tạp, nhất là ở các vùng khai thác vàng, thị trấn, ngã tư tập trung đông người. Nạn cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp chưa được ngăn chặn hiệu quả. Lực lượng công an huyện đã phối hợp với chính quyền các địa phương tổ chức tuyên truyền, thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết 02-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 135-CT/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về lập lại kỷ cương quản lý xã hội và củng cố nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới, đồng thời phát động quần chúng tham gia phòng chống tội phạm hình sự bước đầu đạt kết quả. Năm 1989, trên địa bàn huyện xảy ra 2 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa gây thiệt hại 15,5 triệu đồng, xảy ra 30 vụ trọng án, công an huyện đã điều tra khám phá được 36/36 vụ, thu hồi 4 triệu đồng.

Cùng với nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn huyện, công tác quân sự thời gian qua được Huyện đội Na Rì đi vào củng cố, xây dựng lực lượng tại 22/22 xã, thị trấn và 3 đơn vị tự vệ cơ quan. Hàng năm, huyện đều hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân. Bên cạnh đó, công tác tổ chức tập huấn cán bộ chỉ huy quân sự xã, huấn luyện dân quân tự vệ, xây dựng lực lượng dự bị động viên và xử lý quân nhân chống nghĩa vụ quân sự đều đạt kết quả, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Tuy nhiên, cấp ủy, chính quyền một số cơ sở chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ công tác quân sự ở đơn vị mình dẫn đến không hoàn thành kế hoạch huấn luyện quân sự; tinh thần sẵn sàng chiến đấu

yếu; sự phối hợp giữa các địa phương với Ban Chỉ huy Quân sự huyện trong công tác giáo dục tư tưởng cho công dân trốn nghĩa vụ quân sự chưa đồng bộ, còn đạt kết quả thấp.

Trong công tác xây dựng Đảng, căn cứ vào những chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Thái, Đảng bộ huyện Na Rì đẩy mạnh tăng cường công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ năm 1987-1990, Đảng bộ huyện Na Rì hướng tập trung vào việc củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, coi đây là khâu then chốt đảm bảo thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1986-1990) thông qua việc quán triệt các văn bản của Trung ương và Tỉnh ủy Bắc Thái về công tác xây dựng Đảng như: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết 04-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; Nghị quyết số 05-NQ/BT của tỉnh Bắc Thái, nhất là Nghị quyết số 09-NQ/BT ngày 10/10/1988 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng bộ (1988-1990). Trong đó, Nghị quyết chỉ rõ một số nhiệm vụ về công tác xây dựng Đảng là: Tăng cường và đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; Đổi mới công tác tổ chức cán bộ cho phù hợp với nhiệm vụ để thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội V Đảng bộ tỉnh đề ra; Tập trung củng cố, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đảng viên; Đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng

đối với hoạt động của tổ chức Nhà nước và các đoàn thể, quần chúng¹.

Sau hơn 2 năm thực hiện cuộc vận động theo tinh thần Nghị quyết 04-NQ/TW và Chỉ thị 19-CT/TW của Bộ Chính trị, toàn huyện Na Rì có trên 90% cấp ủy, đảng viên tham gia học tập sinh hoạt chính trị. Qua triển khai, một số chi, đảng bộ vốn yếu kém trước đây đã vươn lên đạt khá, vững mạnh như: Chi bộ Y tế, Huyện đội, Tài Chính, Lạng San, Côn Minh, Quang Phong, Lam Sơn... Cán bộ, đảng viên ở những cơ sở Đảng này đã cho thấy tinh thần đoàn kết, nhiệt tình trong công tác, có quy chế làm việc rõ ràng, cụ thể; thường xuyên chăm lo lợi ích của tập thể và nhân dân; quan tâm tốt đến công tác củng cố Đảng, đoàn thể. Đời sống của cán bộ, nhân dân ở những cơ sở này từng bước ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh những đơn vị vươn lên đạt thành tích tốt, một số chi, đảng bộ trước đây vốn có phong trào mạnh thì nay là cơ sở Đảng yếu như: Hảo Nghĩa, Kim Lư, Cường Lợi, Cư Lễ, Vũ Loan, Vật tư Nông nghiệp, Kiểm lâm... thậm chí trở lại kém như: Ân Tình, Lâm trường, Cơ điện và một số cơ sở khác. Năm 1986, Đảng bộ huyện Na Rì có 45 cơ sở Đảng trực thuộc, trong đó có 13 đơn vị mạnh, 25 đơn vị khá và 7 đơn vị yếu. Năm 1988, số cơ sở Đảng tăng lên là 47 đơn vị, trong đó có 6 đơn vị mạnh, 28 đơn vị khá và 13 đơn vị yếu. Đến năm 1990, toàn Đảng bộ chỉ còn 44 cơ sở Đảng (trong đó có 22

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập II (1976-2009)*, Sở TT&TT tỉnh Bắc Kạn, 2010, tr.63

Chi, Đảng bộ xã, thị trấn) thì chỉ có 4 đơn vị đạt mạnh, 24 đơn vị khá, 14 đơn vị yếu, 2 đơn vị kém¹.

Công tác cán bộ tiếp tục được Đảng bộ huyện Na Rì chú ý, đề đào tạo, bồi dưỡng. Trong hai năm 1989-1990, huyện đã chọn được 12 đồng chí đi học các trường Đảng của tỉnh và Trung ương; đề bạt được 3 trưởng phòng, 2 phó phòng; thay thế 4 Bí thư Chi bộ, Đảng bộ xã, trong đó có 3 đồng chí do thiếu tinh thần trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ. Nhìn chung, công tác cán bộ của Huyện ủy còn những mặt yếu kém, nhất là việc quy hoạch cán bộ chưa được xây dựng cụ thể, chưa bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ dự bị đủ tốt để thay thế các vị trí chủ chốt các cấp. Vì vậy, ở khối xã có 50% Bí thư và 9% Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là thông qua vận động các đồng chí cán bộ đã nghỉ hưu ra công tác. Điều này một phần là do nguồn ngân sách cho đào tạo của huyện bị hạn hẹp, vì vậy dẫn đến tình trạng hầu hết các Bí thư Chi bộ, Bí thư Chi đoàn, Bí thư Đoàn xã và cán bộ chính quyền, đoàn thể các xã đều chưa qua lớp bồi dưỡng. Điển hình như năm 1989-1990, toàn huyện Na Rì không mở được lớp bồi dưỡng nào.

Công tác kiểm tra đảng viên được tăng cường. Trước hết, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy tập trung vào kiểm tra cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành Nghị quyết, Điều lệ Đảng nhằm nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Năm

1. Báo cáo số 32-BC/HU ngày 18/4/1991 về Tổng kết công tác xây dựng Đảng từ năm 1986-1990, tr.2, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

1987 là năm Đảng bộ huyện Na Rì xử lý kỷ luật nhiều nhất với 34 trường hợp, trong đó khiển trách 4 đồng chí, cảnh cáo 18 đồng chí, cách chức 2 và khai trừ 10 đồng chí. Hai năm 1989-1990, toàn Đảng bộ có 25 đồng chí vi phạm kỷ luật với hình thức: khiển trách 6, cảnh cáo 9, khai trừ 9 và cách chức 1.

Công tác phát triển Đảng được cấp ủy hết sức chú trọng. Để tạo nguồn phát triển, các cơ sở đã mở được 8 lớp tìm hiểu về Đảng cho 173 đoàn viên tiên tiến. Trên cơ sở đó, trong 3 năm (1988-1990), Đảng bộ huyện đã ra quyết định kết nạp cho hơn 60 đảng viên mới: năm 1988 là 24 đồng chí, năm 1989 là 22 đồng chí, năm 1990 là 14 đồng chí. Do nhiều nguyên nhân, số lượng đảng viên mới được kết nạp có chiều hướng giảm qua các năm, cá biệt có Đảng bộ 6 năm liền không phát triển được đảng viên mới và không trích Đảng phí gửi lên huyện.

Công tác xây dựng Đảng mặc dù được Huyện ủy Na Rì quan tâm và đẩy mạnh nhưng vẫn bộc lộ nhiều yếu kém: Số chi, đảng bộ tổ chức sinh hoạt thất thường, chậm đóng Đảng phí còn nhiều; một số tổ chức Đảng ở cơ sở còn buông lỏng vai trò lãnh đạo đối với kinh tế tập thể. Qua các đợt kiểm tra, phát hiện một số đảng viên bỏ sinh hoạt và không đóng Đảng phí, tham gia đánh bạc, vi phạm luật đất đai, hành nghề mê tín, gây mất đoàn kết nội bộ... chưa được xử lý nghiêm túc.

Song song với công tác xây dựng Đảng, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới thì việc xây

dựng, sắp xếp và củng cố lại chính quyền cấp huyện, xã, thị trấn được Đảng bộ huyện Na Rì quan tâm lãnh đạo. Thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TW của Bộ Chính trị và Thông báo số 46-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương về kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng, thời gian này các phòng, ban ngành chức năng của huyện và chính quyền các xã từng bước được điều chỉnh, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình địa phương, nhất là sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp năm 1987 (nhiệm kỳ 1987-1989) và năm 1989 (nhiệm kỳ 1989-1994). Các kỳ họp Hội đồng nhân dân từng bước đổi mới từ quy trình chuẩn bị, giảm bớt hình thức trong sinh hoạt và tăng tính dân chủ trong thảo luận. Trên cơ sở sự lãnh đạo của Huyện ủy và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Na Rì và chính quyền các xã cải tiến lề lối làm việc, đáp ứng yêu cầu quản lý về kinh tế - xã hội trong bối cảnh công cuộc đổi mới của đất nước mới được triển khai.

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta đề cao nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thông qua các chính sách cụ thể, nhất là chính sách kinh tế, phát huy được khả năng sáng tạo của quần chúng và tính chủ động của các tổ chức chính trị, đoàn thể ở địa phương, qua đó, có tác động tích cực đến sự chuyển mình của địa phương sau đổi mới. Tại Hội nghị Trung ương 8 (khóa VI) tháng 3/1990, đã thảo luận và thông qua 2 nghị quyết quan trọng: Nghị quyết 8A về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế

quốc và nhiệm vụ cấp bách của ta; Nghị quyết 8B về Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Căn cứ vào Nghị quyết 8B của Trung ương và chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Na Rì mà trực tiếp là Ban Dân vận huyện, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đi sâu nắm bắt tâm tư nguyện vọng của quần chúng. Chủ động đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, đồng thời tham mưu cho các cấp ủy những chủ trương, biện pháp giải quyết, không để xảy ra tình trạng bức xúc kéo dài và phát sinh “điểm nóng” trong nhân dân.

Được sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Na Rì, sự chỉ đạo sát sao của Ủy ban nhân dân huyện, Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên huyện bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, nâng cao chất lượng hoạt động; thường xuyên tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành thực hiện nhiệm vụ. Động viên hội viên tích cực tham gia tháo gỡ khó khăn về kinh tế xã hội; kết hợp công tác tuyên truyền giáo dục, vận động và tổ chức các phong trào quần chúng. Đoàn Thanh niên huyện hưởng ứng phong trào “Tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” do Trung ương Đoàn phát động (1987), đồng thời triển khai phong trào “Xây dựng chi đoàn vững mạnh” xuống 22 cơ sở xã, thị trấn. Hội Phụ nữ huyện phát động 2 cuộc vận động “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” và “Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học”.

Trong khi đó, Hội Liên hiệp nông dân tập thể huyện từ năm 1986-1988 phát động phong trào thi đua “ba mũi tiến công, nông dân làm chủ”. Ngày 01/3/1988, theo Quyết định số 42-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam đổi gọi là Hội Nông dân Việt Nam.

Xuất phát từ tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và đáp ứng nguyện vọng thiết tha, chính đáng của đông đảo cựu quân nhân cả nước, ngày 06/12/1989, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá VI) quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Căn cứ vào Chỉ thị số 28/CT-BT ngày 06/7/1990 của Tỉnh ủy Bắc Thái về việc thành lập Hội Cựu chiến binh các cấp, ngày 15/12/1990, Huyện ủy Na Rì ra Quyết định số 205-QĐ/HU về việc thành lập Hội Cựu Chiến binh huyện. Ban Chấp hành lâm thời được chỉ định gồm 5 đồng chí: Nông Ngọc Viên - Đại tá, Chủ tịch Hội; Mã Thiêm Nông - Phó Chủ tịch Hội; các đồng chí Nông Văn Giầu, Nông Văn Thìn và Hoàng Thịnh là Ủy viên. Mặc dù là một tổ chức quần chúng mới thành lập, nhưng với truyền thống và uy tín của những người lính “Cụ Hồ”, Hội Cựu chiến binh nhanh chóng khẳng định được vai trò trong đời sống chính trị - xã hội, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau phát triển kinh tế và phong trào, đồng thời giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh, thiếu niên. Bên cạnh đó, Hội cũng rà soát, hướng dẫn,

giúp đỡ những địa phương đủ điều kiện nhanh chóng thành lập tổ chức Hội cơ sở.

Qua gần 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng, đời sống kinh tế - xã hội ở Na Rì đã từng bước thay đổi. Mô hình quản lý kinh tế quan liêu bao cấp dần được thay thế bằng sự phát triển của các thành phần kinh tế mới, nhất là kinh tế tư nhân, hộ gia đình đã tạo nên sự phong phú, đa dạng cho thị trường, giải tỏa ách tắc trong phân phối lưu thông hàng hóa; sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương, giữa kinh tế quốc doanh với kinh tế gia đình đã giúp cho cơ cấu kinh tế huyện Na Rì ngoài nông - lâm đã phát triển đồng bộ thêm về tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tận dụng và khai thác tiềm năng sẵn có của địa phương. Các địa phương về cơ bản đều thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 10-NQ/TW của Trung ương cũng như Nghị quyết 05-NQ/BT của tỉnh Bắc Thái “về khoán sản phẩm trong nông nghiệp”, qua đó chuyển đổi hoạt động của mô hình hợp tác xã; đồng thời Huyện ủy Na Rì đã kịp thời chỉ đạo rút kinh nghiệm, uốn nắn những lệch lạc, điều chỉnh chính sách phù hợp với tình hình của từng địa phương trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế. Cùng với sự thay đổi kinh tế, văn hóa - xã hội cũng có bước phát triển mới, đời sống được cải thiện, người dân ngày càng có ý thức với xã hội, với cộng đồng như tích cực thực hiện kế hoạch hóa gia đình, xóa mù chữ, chống các tệ nạn xã hội. Các cơ quan Đảng, chính quyền và các đoàn thể không ngừng đổi mới, thay

đổi phương thức lãnh đạo, chỉ đạo để phù hợp với tình hình mới.

Những kết quả trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới mà Đảng bộ, quân và dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái nói chung và huyện Na Rì nói riêng đạt được là cơ bản và có ý nghĩa quan trọng, cho thấy đường lối đề ra là đúng đắn, phù hợp, củng cố niềm tin của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng. Song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục: Việc chuyển đổi mô hình quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang khuyến khích kinh tế nhiều thành phần phát triển còn chậm; sản xuất vẫn chủ yếu là nông - lâm nghiệp dựa nhiều vào điều kiện tự nhiên, quy mô nhỏ lẻ và phát triển chưa vững chắc; do là huyện miền núi, địa hình nhiều đồi núi không thuận lợi cho giao thông và xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng cơ sở; trình độ quản lý của cán bộ và nhận thức của người dân còn hạn chế, chưa đáp ứng hết yêu cầu của công cuộc đổi mới. Một số doanh nghiệp Nhà nước và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chưa thoát khỏi lúng túng khi chuyển sang cơ chế quản lý mới. Công tác vận động sản xuất nông nghiệp và điều hòa ruộng đất ít đem lại hiệu quả, ảnh hưởng đến tâm tư, đời sống của nhân dân, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 10/NQ/TW của Trung ương và Nghị quyết 05-NQ/BT của Tỉnh ủy về nông nghiệp, thuế và sản phẩm còn tồn đọng nhiều trong các hợp tác xã và gia đình xã viên. Đời sống nhân dân còn ở mức thấp, nhất là những khu vực vùng sâu vùng xa tập trung

nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng còn yếu.... Những vấn đề trên đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc trong huyện cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đường lối đổi mới, khắc phục khó khăn, vươn lên trong thập niên 90 của thế kỷ XX.

IV. TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐƯA ĐỊA PHƯƠNG THOÁT KHỎI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI (1991-1996)

Đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, bất lợi đối với cách mạng nước ta. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng đã đưa đến sự tan vỡ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu (1989-1990) và Liên Xô (12/1991), đánh dấu sự sụp đổ của một hệ thống đã tồn tại trên thế giới gần 40 năm. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch và bọn phản động luôn tìm cách chống phá ta, chúng tiếp tục thực hiện “diễn biến hòa bình”, duy trì “cắm vận” hòng gây bạo loạn, lật đổ chế độ chính trị. Điều này đã tác động không nhỏ đến tư tưởng, tình cảm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, xuất hiện tư tưởng hoang mang, lo lắng, thậm chí dao động.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương và hướng dẫn của Tỉnh ủy Bắc Thái về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, Huyện ủy Na Rì chỉ đạo các cơ sở của huyện hoàn thành tổ chức Đại hội vòng 1 trong quý I năm 1991. Đại hội ở cơ sở thực sự là cuộc tranh luận về quan điểm

tư tưởng, có tác dụng giáo dục nâng cao nhận thức và củng cố vững chắc lòng tin của mỗi cán bộ, đảng viên vào công cuộc đổi mới. Thông qua đó, các tổ chức cơ sở đều kiến nghị làm tốt công tác chỉnh đốn Đảng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, làm trong sạch cơ quan Đảng và Nhà nước, kiên quyết loại bỏ những phần tử tiêu cực để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Từ ngày 12 đến 13/4/1991, Đảng bộ huyện Na Rì tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIII (vòng 1). Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến cho văn kiện Đại hội cấp trên; đồng thời Đại hội cũng nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 1990 và phương hướng, nhiệm vụ công tác của huyện năm 1991; bầu đại biểu tham dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI (vòng 1 - tháng 4/1991).

Trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới và khó khăn ở trong nước, từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội thông qua hai văn kiện quan trọng là: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đây là lần đầu tiên Đại hội thông qua Cương lĩnh, vạch ra quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Đại hội cũng quyết định phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm (1991-1995) và mục tiêu tổng quát là: “Vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng

cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”.

Trong không khí phấn khởi, sôi nổi thi đua chào mừng thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và huyện (vòng 2), Đảng bộ và nhân dân huyện Na Rì ra sức phấn đấu thực hiện chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 1991. Mặc dù thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh phát triển, nạn đói vẫn xảy ra trong một bộ phận gia đình đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sản xuất, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã đề ra nhiều biện pháp để khắc phục khó khăn, ổn định đời sống. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến tranh chấp ruộng đất ở một số địa phương trên địa bàn huyện, nổi bật là ở xã Lam Sơn, Văn Minh, Văn Học, Vũ Loan¹... và việc hoàn thành công tác khoán 10 ở 4 xã Cư Lễ, Ân Tình, Lương Thượng, Kim Hỷ vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, ngược lại còn có dấu hiệu phức tạp.

Ngày 26/9/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (vòng 2) được tổ chức đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cho toàn tỉnh trong giai đoạn từ 1991-1995: “Tập trung ổn định và phát triển sản xuất

1. Tại xã Vũ Loan, tình trạng tranh chấp ruộng đất có diễn biến phức tạp, tập trung hầu hết ở Hợp tác xã Bản Pìn. Theo báo cáo của xã, có tới 90% số hộ tranh chấp và 50% số đảng viên liên quan đến tranh chấp. Trích *Thông báo số 56/TB-HU ngày 2/7/1991 của Thường trực Huyện ủy*, tr.1, Lưu Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

từ nguồn lực kinh tế - xã hội hiện có trên lãnh thổ, hình thành cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện của địa phương; đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác; chỉnh đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước và vai trò của các tổ chức đoàn thể nhân dân”¹.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, từ ngày 21 đến 23/11/1991, Đảng bộ huyện Na Rì tổ chức Đại hội lần thứ XIII nhiệm kỳ 1991-1995 (vòng 2) với sự tham dự của 120 đại biểu. Vận dụng những chủ trương, nhiệm vụ cơ bản Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, từ tình hình thực tế, Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì thông qua phương hướng chung 5 năm 1991-1995 là: “Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vượt qua nền sản xuất tự cấp tự túc, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, cải thiện một bước đời sống nhân dân các dân tộc, giữ vững ổn định về chính trị, đẩy lùi các tiêu cực và tập tục lạc hậu, xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính quyền và các đoàn thể xã hội vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới”². Trong đó, Đại hội cũng xác định một số mục tiêu cơ bản là:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (1975-2005)*, Sở Văn hóa thông tin, 2005, tr.173.

2. *Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIII*, tr. 9, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

1. Đối với kinh tế: Xác định nông nghiệp vẫn chiếm vị trí hàng đầu, vì vậy cần ưu tiên phát triển toàn diện, thực hiện thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng cây lương thực, coi trọng cây sắn và cây khoai lang, phấn đấu tổng sản lượng quy thóc bình quân 11.000 tấn/năm; Phát triển đàn trâu, bò, dê phù hợp với đồng cỏ từng nơi, bình quân mỗi năm có 1,5 vạn con trâu, bò; Hoàn thành công tác giao đất giao rừng trong năm 1992, đồng thời phát triển rừng theo hướng khoanh nuôi rừng tái sinh, bảo vệ và khai thác hợp lý rừng hiện có.

Tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên và nguồn lực địa phương để phát triển giao thông, xây dựng cơ bản (ưu tiên các công trình thủy lợi nhỏ), và tiểu thủ công nghiệp (cơ sở chế biến nông - lâm sản...).

Từng bước hình thành và phát triển cơ cấu tiểu vùng phù hợp: Tiểu vùng đô thị (thị trấn Yên Lạc) phát triển nghề thủ công nghiệp chế biến và dịch vụ; các xã ven đường ô tô phát triển cây ăn quả, chăn nuôi lợn và trồng cây công nghiệp ngắn ngày; các xã vùng sâu giao thông đi lại khó khăn phát triển đàn trâu, bò, dê và cây công nghiệp dài ngày; tiểu vùng kinh tế đặc biệt (Lạng Sơn, Lương Thượng, Kim Hỷ) có nhiệm vụ quản lý khai thác vàng, khoáng sản.

2. Thực hiện tốt các chính sách xã hội (dân số, lương thực thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, chính sách dân tộc...) dựa trên quan điểm: “Kinh tế phát triển thì mới có cơ sở thực hiện tốt chính sách xã hội, ngược lại

thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển”.

3. Phát triển giáo dục đào tạo gắn liền với phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

4. Không ngừng chăm lo đến công tác quốc phòng, an ninh để giữ ổn định tình hình địa phương.

5. Đẩy mạnh thực hiện công tác chỉnh đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Huyện ủy và cấp ủy cơ sở; nâng cao hiệu lực quản lý chính quyền và công tác vận động quần chúng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 26 ủy viên. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ có 6 đồng chí. Trong đó, đồng chí Lâm Văn Việt được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Hoàng Sương¹ giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 10/7/1991 của Ban Bí thư Trung ương và kế hoạch hướng dẫn của Tỉnh ủy về việc quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì tổ chức triển khai đợt học tập, phổ biến Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đến 100% cấp ủy và đảng viên trong toàn Đảng bộ. Qua đợt học tập, cán bộ đảng viên hoàn toàn nhất trí với nội dung các nghị quyết, hoàn toàn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số ý kiến băn khoăn, trăn trở

1. Năm 1991, đồng chí Hoàng Sương chuyển sang giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Nông Văn Lưu được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

về việc Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, tan rã gây khó khăn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước. Bằng hoạt động thực tiễn, Đảng bộ huyện Na Rì vận dụng linh hoạt, từng bước đưa nghị quyết vào cuộc sống, có định hướng phù hợp với địa phương.

Đầu năm 1992, Huyện ủy Na Rì quán triệt tinh thần chỉ đạo của Hội nghị lần thứ 2 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VI) họp tháng 1/1992. Trong đó Tỉnh ủy xác định: “Năm 1992 khó khăn còn nhiều, có mặt còn gay gắt hơn năm 1991. Vì vậy, cần tiếp tục thực hiện đổi mới đi vào chiều sâu, khai thác mọi nguồn lực có sẵn của tỉnh, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, chuyển hướng đầu tư, hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, trong đó sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu”¹. Tuy nhiên, giữa những khó khăn về tình hình sản xuất do thời tiết không thuận lợi, sâu bệnh phát triển trong vụ mùa đã gây thiệt hại nặng cho kinh tế của huyện: Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực cả năm đạt 3.207,88ha (giảm 538ha so với năm 1991), trong đó diện tích lúa là 1.956,38ha, giảm 480,58ha. Năng suất bình quân 2 vụ đạt 20,43 tạ/ha (giảm 5,76 tạ so với năm 1991). Sản lượng lương thực quy thóc là 4.536,52 tấn, đạt 41,24% kế hoạch và giảm 3.737,74 tấn so với năm 1991. Bình quân mức lương thực giảm 140kg, còn

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (1975-2005)*, Sở Văn hóa thông tin, 2005, tr. 176.

160 kg/người/năm¹. Tổng sản lượng lương thực năm 1992 đạt thấp, ngoài nguyên nhân khách quan về thời tiết, còn do cấp ủy, chính quyền nhiều địa phương chưa quyết tâm chỉ đạo mở rộng diện tích gieo trồng cây vụ xuân như: lúa, ngô, khoai, sắn. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất (đưa giống mới) chưa được quan tâm sát sao, công tác thủy lợi chống hạn cho lúa thiếu tính chủ động.

Trong quan hệ sản xuất và công tác chỉ đạo khoán 10: Thực hiện Quyết định 427 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện Na Rì ban hành Quyết định 16 và Quy định 18 về cụ thể hóa thực hiện quyết định của tỉnh, tiến hành thành lập Ban Chỉ đạo sửa khoán của huyện, đồng thời trưng tập các tổ công tác xuống giúp cơ sở xã triển khai, góp phần tích cực vào giải quyết các tranh chấp ruộng đất và những vướng mắc tồn tại ở các hợp tác xã. Tuy nhiên, kết quả thực tế đạt được còn thấp, nhiều vụ việc có tính chất phức tạp chưa được giải quyết đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng và đời sống nhân dân. Qua đó, gây khó khăn, trở ngại cho công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoán 10 trong các hợp tác xã. Điển hình là toàn huyện vẫn còn 4/22 xã chưa thực hiện được khoán 10 theo hướng dẫn, 18/22 xã tuy đã triển khai xong nhưng chưa cấp được sổ chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất đến

1. Trích Báo cáo Tổng kết công tác năm 1992, ngày 10/1/1993, tr. 1.

hộ nông dân. Do vậy, tình hình quan hệ sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp của Na Rì chưa đảm bảo sự ổn định vững chắc.

Việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng được Huyện ủy thường xuyên quan tâm, lãnh đạo. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng có bước đổi mới góp phần tạo nên những kết quả bước đầu quan trọng của năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Đặc biệt, nhờ sự hỗ trợ, đầu tư bằng nguồn vốn của Trung ương và tỉnh, trong hai năm 1991-1992, công tác xây dựng cơ bản được đẩy mạnh, phát triển với tổng số vốn 2,548 tỷ đồng. Trong đó có các công trình trọng điểm của huyện như: trụ sở 2 tầng Ủy ban nhân dân huyện, Trung tâm Y tế, Đài tưởng niệm liệt sỹ, trường Phổ thông dân tộc nội trú... Bên cạnh đó, bằng nguồn vốn tại địa phương, huyện đã đầu tư cho xây dựng được 14 công trình cấp xã gồm: trụ sở, trạm xá, trường học, nhà văn hóa và một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, tiếp tục tu sửa và thông xe tuyến đường Hảo Nghĩa - Xuân Dương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn rất nhiều thiếu sót tồn tại cần khắc phục. Đó là thực trạng kinh tế địa phương vẫn mang tính tự cấp tự túc, cơ cấu kinh tế chưa hình thành đồng bộ và còn mất cân đối, tăng trưởng chậm và chưa vững chắc. Tình trạng đốt phá rừng, quản lý lâm sản và khai thác khoáng sản còn nhiều sơ hở. Công tác văn hóa, y tế, giáo dục còn hạn chế: tỷ lệ tăng dân số cao, đời sống giáo viên thấp dẫn

đến nhiều người phải bỏ nghề, dịch bệnh vẫn thường xuyên xảy ra... Đời sống nhân dân, nhất là vùng cao, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn. Việc duy trì sinh hoạt Đảng, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế ở một số chi, đảng bộ còn yếu, nội dung nghèo nàn, thiếu tính chiến đấu, tỷ lệ đảng viên xếp loại trung bình chậm chuyển biến, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chưa kịp thời.

Tháng 11 năm 1992, đồng chí Nông Đức Mạnh - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội về thăm và làm việc tại tỉnh Bắc Thái. Trong đợt công tác này, đồng chí đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, Huyện ủy các huyện Na Rì, Bạch Thông và thị xã Bắc Kạn về những vấn đề lãnh đạo, chỉ đạo của các Đảng bộ đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương¹.

Bước sang năm 1993, năm có vị trí quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân phấn đấu vượt qua khó khăn để vừa tiếp tục ổn định tình hình kinh tế - xã hội, vừa khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương, nhất là trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1993, do thời tiết diễn biến thuận lợi, có sự chỉ đạo đổi mới về cơ cấu giống và tích cực áp dụng các biện pháp khuyến nông nên các chỉ tiêu về sản xuất đều đạt và vượt so với năm 1992.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (1975-2005)*, Sở VH TT, 2005, tr. 179.

Tổng diện tích gieo trồng lúa nước đạt 1.938,35ha (tỷ lệ giống lúa mới được gieo trồng chiếm 46,7%), năng suất bình quân 43,7 tạ/ha; lúa nương đạt 493,3ha, năng suất 10 tạ/ha; ngô đạt 1.330,6ha (tỷ lệ giống mới chiếm 59%), năng suất 18,65 tạ/ha; lạc đạt 315,6ha, năng suất 4,2 tạ/ha; đậu tương 130ha, năng suất 7 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực quy thóc là 11.000 tấn, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra và tăng 78,8% so với năm 1992¹.

Cũng trong năm 1993, Ủy ban nhân dân huyện bàn giao được 3.213,39ha rừng và đất rừng cho 496 hộ tại các xã Cường Lợi, Cư Lễ, Quang Phong, Hảo Nghĩa (đạt 107% kế hoạch). Tổng diện tích rừng trồng đạt 129ha, gồm 29,4ha cây mỡ, 5ha hồi, 17,6ha quế, 14ha trúc, 63ha mơ. Trong năm, ngành Kiểm lâm đã phát hiện và xử lý 40 vụ, trong đó có 5 vụ đốt phá rừng, 35 vụ khai thác, vận chuyển buôn bán lâm sản trái phép, thu giữ được 26,22m³ các loại. Đặc biệt, theo chủ trương lãnh đạo của cấp ủy Đảng, khắc phục khó khăn do nhiều nguyên nhân, Ủy ban nhân dân huyện Na Rì bắt đầu tổ chức cấp sổ sử dụng ruộng đất cho một số hộ gia đình. Năm 1993, huyện đã tích cực triển khai nhiều biện pháp trong điều hành, quản lý, nhất là kinh tế tập thể. Tuy nhiên, trong bối cảnh Tỉnh có chủ trương thực hiện cải cách cơ chế quản lý trong các hợp tác xã theo hướng tinh giản bộ máy Ban Quản trị, thay đổi nội dung hoạt động, điều chỉnh lại quan hệ sở hữu để phù hợp với tình

1. Trích Báo cáo số 36b/BC-HU Tổng kết công tác năm 1993, ngày 25/1/1994, tr. 1.

hình thực tế thì việc cải cách hợp tác xã ở Na Rì còn chậm chuyển biến, hầu hết các hợp tác xã vẫn là mô hình thời kỳ bao cấp, huyện vẫn chưa xây dựng được theo cơ chế quản lý mới.

Nhìn chung, với tốc độ phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư nhân, hộ gia đình và sự thay đổi trong phương thức quản lý, lãnh đạo, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở huyện Na Rì đang hình thành và từng bước đi vào ổn định, hoạt động kinh doanh thương mại và thị trường mua bán ngày càng mở rộng. Các chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với thương binh, liệt sỹ, người già neo đơn được các cấp, các ngành quan tâm. Các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, văn hóa - văn nghệ có nhiều mặt phát triển: Huyện đã xóa bỏ được tình trạng học 3 ca, số trẻ trong độ tuổi được đi học đạt 96%; tỷ lệ người dân được tham gia tiêm chủng đạt 95%; ngành văn hóa đã phối hợp với các địa phương, đoàn thể và nhà trường tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, thể thao như: thi học sinh thanh lịch, thi đấu bóng đá, bóng bàn, cờ vua... bước đầu tạo thành phong trào quần chúng ở cơ sở.

Đối với công tác xây dựng Đảng: Việc nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên luôn được Huyện ủy chú trọng và đi sâu vào từng loại hình, nhất là cơ sở Đảng ở nông thôn và doanh nghiệp Nhà nước. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đến ngày 31/12/1992, toàn Đảng bộ huyện đã có 37/43 chi, đảng

bộ trực thuộc và 60-70% số đảng viên tham gia học tập Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII)¹. Trong đó, có 19/42 Chi, Đảng bộ đã triển khai, quán triệt đến đoàn thể quần chúng và 18/42 Chi, Đảng bộ xây dựng được Chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Một số chi bộ như Bưu điện, Tòa án, Vật tư, Tài chính, Thú y chưa tổ chức quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 theo đúng hướng dẫn của Ban Thường vụ Huyện ủy. Qua việc triển khai, học tập nhiều Chi, Đảng bộ có chương trình hành động thiết thực, tập trung vào những vấn đề cụ thể, bức xúc của đơn vị, song cùng còn không ít tổ chức cơ sở Đảng chỉ thực hiện theo hình thức, không tiến hành thảo luận và xây dựng chương trình hành động, dẫn đến việc đảng viên chưa nắm được nội dung của nghị quyết.

Năm 1993, Tỉnh ủy Bắc Thái tiếp tục ban hành Kế hoạch số 04/KH-TU ngày 12/6/1993 về việc thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó, nhấn mạnh đến một số nội dung, yêu cầu là: Nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo toàn diện tổ chức cơ sở Đảng; tiến hành phân tích chất lượng và phân loại đảng viên; xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật và phân công công tác cho đảng viên; củng cố kiện toàn sắp xếp đội ngũ cán bộ cơ sở nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các cơ sở

1. Đến tháng 12/1992, Đảng bộ huyện còn trên 500 đảng viên chưa được học tập Nghị quyết TW 3 khóa VII.

Đảng trong toàn Đảng bộ¹. Tính đến hết tháng 12/1993, toàn huyện mới có 24/42 Chi, Đảng bộ² làm xong kiểm điểm, phân loại đảng viên đạt 57,14%. Trong tổng số 935 đảng viên tham gia phân loại, có 429 đảng viên xếp loại I chiếm 45%, 456 đảng viên xếp loại II chiếm 48,7%, có 39 đảng viên xếp loại 3 chiếm 4,1% và 11 đảng viên xếp loại IV chiếm 1,1%. Cũng trong hai năm 1992-1993, Huyện ủy Na Rì ra quyết định kết nạp cho 99 đảng viên mới và thi hành kỷ luật 10 đồng chí, trong đó khiển trách 5, cảnh cáo 2, khai trừ 2 và xóa tên 1 trường hợp.

Thông qua việc triển khai Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và Kế hoạch số 04 của Tỉnh ủy Bắc Thái, giúp cho hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có những chuyển biến, nhất là trong công tác củng cố, kiện toàn tổ chức hội ở huyện và cơ sở. Đến cuối năm 1993, Mặt trận Tổ quốc huyện đã tổ chức xong Đại hội và kiện toàn được 21/22 đơn vị cơ sở; Hội Nông dân được 21/22 đơn vị; Hội Phụ nữ được 20/22 đơn vị, Hội Cựu Chiến binh được 22/22 đơn vị và Đoàn Thanh niên được 25/30 đơn vị.

Từng đoàn thể quần chúng đã xây dựng và phát động được một số phong trào có sức hấp dẫn, lôi cuốn đông đảo hội viên tham gia, nổi bật nhất là phong trào

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập II (1976-2009)*, Sở TT&TT tỉnh Bắc Kạn, 2010, tr.75.

2. Trong số 24 Chi, Đảng bộ đã hoàn thành phân loại đảng viên thì mới có 6 đơn vị tiến hành phân công nhiệm vụ cho đảng viên.

đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, giúp hội viên xóa đói giảm nghèo, làm kinh tế VAC, vườn rừng, trồng cây ăn quả, cây đặc sản, thi học sinh thanh lịch, thi vẽ đẹp hội viên. Trong đó, Hội Nông dân chỉ đạo thực hiện được 105 ô mẫu nuôi cá ruộng thu được 1,95 tấn cá, năng suất bình quân mỗi ô là 18,5kg, năng suất lúa của ô mẫu đạt bình quân 52,3 tạ/ha cao hơn đại trà 7,1 tạ/ha. Hội Phụ nữ thường xuyên chỉ đạo các hội cơ sở thực hiện tốt 5 chương trình của Nghị quyết Đại hội Trung ương Hội Phụ nữ đề ra. Năm 1993, Hội mở được 13 lớp tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công, trồng và sử dụng cây thuốc, nâng cao kiến thức năng lực cho phụ nữ, bước đầu thu hút được 723 hội viên tham gia. Trong khi đó, Đoàn Thanh niên tổ chức được các lớp tập huấn cho cán bộ đoàn cơ sở về công tác khuyến nông, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn đội, thi vẽ đẹp đội viên, thi học sinh thanh lịch. Hội Cựu chiến binh vận động hội viên làm kinh tế VAC và thực hiện xóa đói giảm nghèo bước đầu tạo được phong trào trồng cây đặc sản, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tiêu biểu là hội viên ở các xã Côn Minh, Lam Sơn, Lương Hạ... Tuy nhiên, bên cạnh đó các đoàn thể quần chúng còn lúng túng về nội dung, hình thức hoạt động khi chuyển sang cơ chế mới. Đoàn thể cấp cơ sở nhiều nơi không có nội dung hoạt động và không tập hợp được hội viên. Một số cán bộ chuyên trách đoàn thể còn thiếu nhiệt tình và không tha thiết với công việc mình phụ trách.

Quán triệt nghị quyết hội nghị giữa nhiệm kỳ của Trung ương và Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, ngày 4/5/1994, Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đảng bộ huyện (khóa XIII) được khai mạc. Hội nghị có nhiệm vụ tổng kết một bước những kết quả đạt được và hạn chế gặp phải, từ đó tìm ra nguyên nhân và rút kinh nghiệm cho 2 năm còn lại (1994-1995) nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đã đề ra. Trong đó, nhiệm vụ phát triển kinh tế trên lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, thu ngân sách có tiến bộ. Sự nghiệp văn hóa - xã hội và an ninh tiếp tục được duy trì và có bước phát triển. Nhiệm vụ xây dựng Đảng, chính quyền và công tác vận động quần chúng tiếp tục có chuyển biến. Hội nghị thống nhất phương hướng, nhiệm vụ trong 2 năm (1994-1995) là: Phát huy những thành tích bước đầu đạt được trong hai năm qua, quyết tâm khắc phục yếu kém, sửa chữa khuyết điểm, vận dụng và thực hiện các nghị quyết giữa nhiệm kỳ của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Na Rì, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát Đại hội XIII đề ra¹.

Bằng những nỗ lực trong quản lý và điều hành, Đảng bộ huyện Na Rì lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế - xã hội. Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, hòa

1. Báo cáo Chính trị số 38-BC/HU ngày 5/5/1994 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa XIII, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

nhập vào sự phát triển chung của nền kinh tế thị trường, từng bước tự chủ được vấn đề lương thực thực phẩm. Trong đó, sản xuất nông nghiệp của huyện tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh trong 2 năm 1994-1995 khi diện tích giống mới thực hiện trên 34% tổng diện tích gieo trồng, diện tích cây lương thực vụ xuân đạt 103%, diện tích mùa sớm đạt 143%, diện tích lúa cao sản đạt 142% so với kế hoạch. Năm 1995, toàn huyện đưa được hơn 80ha ruộng một vụ thành 2 vụ lúa và màu (đạt 80% kế hoạch, vượt 170% so với cùng thời kỳ). Tổng sản lượng lương thực quy thóc là 12.909 tấn, vượt 3,27% kế hoạch và tăng 18,11% so với năm 1994. Bình quân lương thực đầu người cả năm đạt 369 kg/người, trong đó riêng thóc là 291kg. Đây cũng là năm huyện Na Rì đạt mức sản lượng cao nhất từ trước đến nay.

Đạt được kết quả trên do nhiều nguyên nhân, trong đó huyện Na Rì đã làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm thông qua triển khai 2 Dự án 505 và 508. Riêng trong năm 1995, huyện đã tổ chức các đợt tuyên truyền khuyến cáo cho 4.500 hộ, tập huấn khuyến nông được 2.300 hộ, 18 buổi hội thảo về cây con và chỉ đạo thực hiện 5 làng điểm tại các xã Hữu Thác, Lam Sơn, Cường Lợi, Côn Minh; đồng thời mở được 2 lớp tập huấn IPM tại thị trấn Yên Lạc và xã Lam Sơn trong thời gian 16 tuần cho hơn 60 học viên tham gia.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển, đến đầu năm 1995, huyện Na Rì có tổng số 15.526 con trâu, vượt kế hoạch 526 con; đàn bò có 1.091 con, trong đó bò Lai-sin 3

con; đàn lợn 13.244 con, trong đó lợn nái 1.088 con; đàn dê 3.410 con, vượt kế hoạch 410 con. Một số gia đình đã thử nghiệm nuôi cá lồng bước đầu đạt kết quả.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, đẩy mạnh công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng tái sinh và trồng mới rừng. Từ năm 1994, thông qua việc triển khai Dự án 327 về phủ xanh đất trống đồi núi trọc, huyện Na Rì triển khai tại 2 xã Quang Phong và Côn Minh. Cũng trong năm 1995, các xã trồng mới được 186ha đạt 95,33% kế hoạch, tăng 246,55% so với năm 1994. Diện tích cây hồi là 216ha, cây ăn quả 40ha, cây lâm nghiệp khác 30ha. Công tác giao đất giao rừng đạt nhiều hiệu quả, tuy nhiên các địa phương vẫn chưa xác định được loại cây trồng chủ đạo, mũi nhọn tạo thành sản phẩm hàng hóa. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân huyện hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đạt 86,35% tương đương 5.308/6.147 hộ kê khai xin cấp với tổng diện tích đã xét cấp là 21.794.743 m²; hoàn giao đất lâm nghiệp cho người dân 4 xã Lương Thượng, Lam Sơn, Dương Sơn và Cư Lễ với tổng diện tích giao 4.601ha cho 664 hộ, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Tuy nhiên, thời gian này tình trạng chặt phá rừng làm nương trái phép vẫn diễn ra phức tạp, trong đó tập trung nhiều tại xã Côn Minh và Quang Phong.

Nếu như năm 1993, việc chuyển đổi mô hình hợp tác xã theo cơ chế mới của nhiều địa phương còn gặp khó khăn thì bước sang năm 1994 bắt đầu chuyển biến khi có sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp và thay đổi trong nhận thức của người

dân. Trên địa bàn huyện xuất hiện một số tổ hợp tác theo hình thức mới như: Tổ hợp tác trồng cây nông - lâm kết hợp, chăn nuôi bò, thả cá ở xã Lam Sơn, Lương Hạ; tổ hợp tác trồng lúa, ngô cao sản ở Hữu Thác; tổ hợp tác làm vườn rừng ở xã Kim Lư. Việc thực hiện chuyển đổi mô hình hợp tác xã theo ngành tuy diễn ra chậm, nhiều mặt phải tiếp tục điều chỉnh nhưng thực tế khẳng định việc chuyển từ quản lý bao cấp trước đây sang quản lý theo ngành là đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý thị trường. Các hợp tác xã lúc này chỉ làm chức năng hướng dẫn và làm dịch vụ cho hoạt động sản xuất của các hộ xã viên, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làm dịch vụ thủy lợi, làm đất, cung ứng giống, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăm lo bảo vệ quyền lợi hợp pháp của xã viên.

Kết hợp phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện Na Rì tập trung yêu cầu xây dựng cơ bản. Năm 1994, tổng giá trị thực hiện vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản toàn huyện là 5,875 tỷ đồng. Trong đó, xây dựng trụ sở, trạm xá, trường học chiếm 75,8%, giao thông 16,5%, thủy lợi 5,1%, quy hoạch thị trấn 2,5%. Số vốn đầu tư xây dựng các chương trình cơ sở chiếm 50% tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản toàn huyện. Điển hình như: Nghiệm thu 8/8 công trình trụ sở các xã Văn Minh, Văn Học, Lương Hạ, Dương Sơn, Hữu Thác, Ân Tình, Kim Hỷ; hoàn thành 3 cụm trường cấp II xã Hảo Nghĩa và Ân Tình; đưa vào sử dụng nhà khách

Ủy ban nhân dân huyện. Ngoài ra, trong công tác xây dựng cơ bản nguồn vốn do ngành chỉ đạo có 2,5 tỷ đồng rải nhựa đường giao thông, hơn 3 tỷ đầu tư cho thủy điện Nà Sang, gần 10 tỷ đầu tư cho đường điện 35KW Thác Giềng - Na Rì, 400 triệu đầu tư cho 2 trạm hạ thế Côn Minh và Quang Phong, xây dựng trường nội trú với tổng số vốn 600 triệu đồng... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, lĩnh vực xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi còn một số hạn chế: việc quản lý vốn và quản lý chất lượng công trình thi công các công trình còn biểu hiện sự tùy tiện, buông lỏng; công tác quy hoạch còn nhiều yếu kém, nhất là đối với thị trấn Yên Lạc; tình trạng làm nhà, dựng hàng quán trái phép diễn ra tự do, tập trung nhiều tại trung tâm huyện và một số khu vực trọng điểm gần đường giao thông nhưng chưa có biện pháp xử lý; hệ thống cơ sở hạ tầng được cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển văn hóa - xã hội.

Nhờ sự quan tâm đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án góp phần thúc đẩy lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa thể thao của huyện Na Rì phát triển hơn so với thời kỳ trước. Năm 1994, toàn huyện có 9.353 em học sinh, tăng 6%, học sinh giỏi có 25 em, tăng 66% so với năm 1993. Tình trạng học ca 3 và bỏ học ở các cấp đã không còn. Đặc biệt, từ năm học 1994-1995, huyện đưa vào sử dụng trường Phổ thông dân tộc nội trú thu hút được 90 học sinh thuộc con em các dân tộc vùng sâu, vùng xa. Số phòng học được kiên cố

chiếm 4,7%. Trong khi đó, các chương trình y tế quốc gia thời gian này được huyện triển khai tốt, có hiệu quả. Số cháu trong độ tuổi được tiêm chủng và uống thuốc vitamin A đạt 97,28%. Huyện cũng hoàn thiện việc xây dựng hệ thống đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch hóa gia đình tại cơ sở xã, thị trấn; đồng thời triển khai một số chương trình phòng chống dịch bệnh như: phát 645 cái màn chống bệnh sốt rét, phun hóa chất chống muỗi cho 6 xã (Côn Minh, Hảo Nghĩa, Hữu Thác, Cư Lễ, Lương Thành, Lương Thượng); thực hiện công tác phòng chống Lao cho 3 xã Kim Lư, Lương Hạ, Yên Lạc; tuyên truyền sâu rộng và phát muối I-ốt phòng chống bướu cổ cho người dân 22 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa, người có công với nước thời gian này được huyện quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo đúng chế độ, đúng chủ trương, đường lối chính sách của Đảng. Phong trào đền ơn đáp nghĩa và hoạt động từ thiện tuy kết quả còn nhiều mặt hạn chế nhưng có tác dụng thiết thực, góp phần giải quyết khó khăn cho các đối tượng xã hội. Năm 1994, huyện giúp đỡ các gia đình chính sách được 1.046.000đ và 34 vườn cây tình nghĩa với 850 cây ăn quả các loại. Tuy nhiên, nhiều hoạt động văn hóa - xã hội và phong trào của huyện chưa tạo được sức hút, chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, truyền thanh truyền hình chưa xây dựng được nội dung đa dạng, phong phú, hầu hết mới chỉ tập trung ở

khu trung tâm huyện và gần trục giao thông lớn. Các tệ nạn nghiện hút, đánh bạc, số đề và khôi phục tục lệ cũ trở thành vấn đề gay gắt trong dư luận của nhân dân, trong khi cấp ủy, chính quyền huyện chưa có biện pháp giải quyết hiệu quả.

Về an ninh quốc phòng: Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và ngành Công an, Na Rì không ngừng được tăng cường lực lượng và phương tiện kỹ thuật, huyện đã nắm và giải quyết nhiều vấn đề an ninh chính trị, trật tự xã hội phát sinh trên địa bàn, nhất là vấn đề truyền đạo trong vùng đồng bào Mông và hoạt động xuất nhập cảnh trái phép. Năm 1995, công an huyện Na Rì đã phát hiện và xử lý 6 đối tượng là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào địa phương, 9 đối tượng là người của địa phương trốn sang Trung Quốc. Một số phần tử xấu tích cực hoạt động, truyền đạo trong vùng đồng bào Mông tại Khuổi Nộc (xã Lương Thượng) và xóm Khuổi Kịch (xã Kim Hỷ). Qua đấu tranh, tuyên truyền, vận động có sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các ngành liên quan, đã có 17/21 hộ giác ngộ và bỏ không theo đạo. Bên cạnh đó, công an huyện còn giải quyết được 68/126 vụ tranh chấp đất đai (tăng 12 vụ so với năm 1994), đồng thời tập trung triệt phá các ổ nhóm tội phạm: bắt giữ 75 ổ hút thuốc phiện với 117 đối tượng, tịch thu 77 bộ bàn đèn; bắt quả tang 10 ổ đánh bạc, bắt 3 vụ buôn bán thuốc phiện... góp phần giữ vững an ninh trật tự trong toàn huyện.

Công tác quân sự địa phương luôn được coi trọng, lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên được củng cố; việc quản lý lực lượng dự bị động viên đảm

bảo chặt chẽ, sẵn sàng chiến đấu cao, đảm bảo 100% chỉ tiêu giao quân. Bên cạnh đó, Ban Chỉ huy Quân sự huyện xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch A2, phương án phòng thủ, thường xuyên tổ chức luyện tập, diễn tập theo kế hoạch.

Trong công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy Na Rì tiếp tục đưa đường lối đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh thực tế địa phương; tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Trung ương khóa VII, điển hình như Nghị quyết Trung ương 8 về cải cách một bước nền hành chính quốc gia, Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay” và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 3 (7/1992) lấy nhiệm vụ Đổi mới và chỉnh đốn Đảng làm then chốt. Các cấp ủy cơ sở xây dựng nội dung, chương trình kế hoạch, phấn đấu đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Năm 1994, Ban Tổ chức Huyện ủy tham mưu cho Thường vụ trực tiếp chỉ đạo điểm xã Lương Hạ tiến hành khảo sát, xây dựng các mục tiêu nhiệm vụ, sơ kết rút kinh nghiệm bước đầu cho quá trình triển khai trong toàn huyện. Đến đầu năm 1995, đã có 42 tổ chức cơ sở báo cáo nội dung, đăng ký phấn đấu đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Kết quả, qua đánh giá, phân loại, huyện Na Rì có 17/41 đơn vị đạt trong sạch vững mạnh, 18 đơn vị đạt khá và 6 đơn vị yếu. Một số cơ sở yếu kém kéo dài như Vũ Loan, Quang Phong, Xuân Dương, Thương Nghiệp, Kiểm lâm... đã vươn lên có thành tích tốt. Cũng trong năm 1995, thông qua các đợt

sinh hoạt học tập, Huyện ủy tiến hành đánh giá, phân loại chất lượng đảng viên trong toàn Đảng bộ. Tính đến ngày 31/12/1995, huyện có 1.647 đảng viên, trong đó dự bị là 166 đồng chí. Qua phân loại, có 1.375 đảng viên xếp loại I chiếm 83,49%, 245 đảng viên xếp loại II chiếm 14,88%, 17 đảng viên xếp loại III chiếm 1,03% và 10 đảng viên xếp loại IV chiếm 0,01%.

Công tác tổ chức cán bộ: Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (1994), công tác tổ chức cán bộ được tiến hành theo trình tự nguyên tắc chặt chẽ. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Ban Cán sự Ủy ban nhân dân được kiện toàn sau khi có thay đổi về nhân sự. Một số phòng ban củng cố, tăng cường thêm cán bộ như: Ban Tổ chức Huyện ủy, Văn phòng Ủy ban, Văn phòng Huyện ủy, Chi cục thuế, Kho bạc... đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện.

Công tác phát triển Đảng được coi là nhiệm vụ thường xuyên, có vị trí quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Năm 1994, Đảng bộ huyện Na Rì kết nạp được 65 đảng viên mới. Năm 1995 kết nạp được 153 đảng viên mới. Trong đó, có nhiều cơ sở làm tốt công tác phát triển Đảng gồm: Khối nông thôn có xã Lương Thượng, Lạng San, Kim Hỷ, Ân Tình, Lương Thành, Lương Hạ, Cường Lợi, Kim Lư, Quang Phong, Dương Sơn, Xuân Dương, Văn Minh, Vũ Loan; Khối cơ quan có Y tế, Công an, Dân vận, Thương Nghiệp, Huyện ủy và Hành chính. Cá biệt, có cơ sở hàng chục năm không kết nạp được đảng viên

mới thì đến năm 1995 đã phấn đấu kết nạp được từ 5-10 đảng viên như Vũ Loan, Ân Tình¹.

Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng là tích cực nhưng mới là bước đầu so với yêu cầu đổi mới và chỉnh đốn Đảng của huyện Na Rì: Trong bối cảnh kinh tế - xã hội đất nước còn nhiều khó khăn, các thế lực phản động không ngừng tìm cách chống phá, âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, vì vậy công tác giáo dục chính trị tư tưởng đóng vai trò quan trọng, tuy nhiên, ở một số cơ sở, công tác này còn bị xem nhẹ; việc củng cố xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh các cơ sở chưa chú ý bám sát nội dung để tổng kết rút kinh nghiệm; công tác quy hoạch cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu bố trí cán bộ theo yêu cầu đổi mới của Đảng; công tác kiểm tra chi bộ, kiểm tra hoạt động của chính quyền, đoàn thể chưa được chú ý đúng mức, một số vụ vi phạm kỷ luật của đảng viên chậm được kiểm tra, xử lý.

Bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, điều chỉnh, sắp xếp phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo phát huy tốt vai trò chức năng trong quản lý điều hành mọi hoạt động ở địa phương. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được nâng lên, giải quyết được nhiều vấn đề bức xúc về kinh tế - xã hội, các ban, ngành thực hiện chức năng tham mưu trong thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật.

1. Báo cáo số 05/BC-HU ngày 20/6/1996 của Huyện ủy Na Rì về Tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1995, tr. 4,

Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ, các tổ chức quần chúng như Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội hoạt động theo hướng đổi mới. Các phong trào, nhất là trong lĩnh vực kinh tế hàng hóa, thực hiện xóa đói giảm nghèo, chuyển hướng sản xuất... quyền làm chủ của người dân được phát huy. Qua đó, nhân dân các dân tộc, các tầng lớp xã hội thêm đoàn kết, tin tưởng, gắn bó với Đảng, chính quyền, với sự nghiệp đổi mới.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII (1991-1995), Đảng bộ huyện Na Rì đã giành được những kết quả đáng khích lệ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần hoàn thiện thắng lợi công cuộc đổi mới trong cả nước. Nhiều mục tiêu Đại hội đề ra cơ bản hoàn thành, điều đó khẳng định đường lối của Đảng ta là đúng đắn, phù hợp, quan trọng hơn là sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và sự nỗ lực phấn đấu liên tục của toàn Đảng bộ, sự đoàn kết nhất trí của toàn dân, Đảng bộ đã đề ra được những chủ trương, biện pháp đúng đắn, sát với thực tế, bước đầu khai thác và phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Na Rì vẫn còn gặp nhiều khó khăn hạn chế: Kinh tế phát triển nhưng chưa vững chắc, chủ yếu là nông - lâm nghiệp phụ thuộc nhiều vào tự nhiên và chưa thật sự chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa; cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, thiếu thốn, chậm được đầu tư, nhất là đường giao thông; phong trào mọi mặt chưa thật đồng đều, chưa phát huy hết thế mạnh của địa phương về khoáng sản, rừng, cây

đặc sản... Hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội diễn biến ngày càng phức tạp; chất lượng sinh hoạt và tính chiến đấu của các tổ chức Đảng chưa theo kịp yêu cầu của cơ chế quản lý kinh tế... Nhìn lại chặng đường 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, trải qua 3 kỳ Đại hội (khóa XI, XII, XIII), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, sự quản lý sát sao của chính quyền và nỗ lực vươn lên của nhân dân các dân tộc, quê hương Na Rì đã có nhiều thay đổi, nhất là đời sống kinh tế. Đây là những tiền đề, điều kiện thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Na Rì bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Trải qua gần 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986-1995), nước ta đạt được nhiều thành tựu to lớn và căn bản: Đất nước cơ bản thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài, tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa; tình trạng căng thẳng giữa nước ta với một số quốc gia được cải thiện, quan hệ đối ngoại được mở rộng... Tuy nhiên, đất nước vẫn phải đứng trước nhiều thách thức: nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh trên thị trường còn thấp; các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” và sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” để can thiệp vào nội bộ nước ta; nhiều vấn đề văn hóa, xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Đối với huyện Na Rì, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo, Đảng bộ huyện đã vận

dụng linh hoạt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tiễn địa phương và đạt được những kết quả quan trọng, trong đó căn bản nhất là kinh tế: Tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa nhiều thành phần và hòa nhập dần với cơ chế thị trường. Những kết quả đạt được của công cuộc đổi mới đã tạo thế và lực mới để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Na Rì tiếp tục vững bước trên con đường phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW và Thông tư số 09-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, từ ngày 2-3/1/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1996-2000 được tổ chức. Đại hội thảo luận bổ sung dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo Điều lệ Đảng sửa đổi, bổ sung trình Đại hội VIII của Đảng; dự thảo báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VII. Trên cơ sở kiểm điểm công tác lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIII, Đại hội ghi nhận những kết quả Đảng bộ và nhân dân đạt được trong 5 năm 1991-1995 và chỉ ra những hạn chế, tồn tại cần khắc phục. Đại hội cũng thảo luận, thông qua phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn 1996-2000: tập trung mọi sức lực, tranh thủ thời cơ vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, phấn đấu cùng các địa phương trong toàn tỉnh thực hiện đạt và vượt các mục tiêu trong kế

hoạch 5 năm, cải thiện một bước đời sống nhân dân, tạo điều kiện cho sự phát triển cao hơn giai đoạn sau năm 2000; phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì nhiệm kỳ 1996-2000 gồm 31 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lâm Văn Việt được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Triệu Thiêm Cao được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Nông Minh Đồng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Từ ngày 28/6 đến 01/7/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ thời kỳ mới là: “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020, nước ta trở thành một nước công nghiệp”.

Bắt tay vào triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV và quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, trong năm 1996, Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, coi đây vừa là mục tiêu trước mắt vừa là nhiệm vụ lâu dài. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện, hoạt động kinh tế của địa phương tiếp tục có bước phát

triển khá. Trong sản xuất, diện tích gieo trồng các loại cây lương thực, hoa màu toàn huyện được 4.457,8ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 12.063 tấn. Một số giống cây trồng mới cho năng suất cao như giống lúa lai CR203, ngô lai TSB2 được các hộ nông dân đưa vào sản xuất đại trà và cho hiệu quả tốt. Cơ cấu mùa vụ bước đầu có sự thay đổi, năm 1996, một số xã trong huyện đã cấy được 46,9ha lúa xuân, qua đó bước đầu đúc rút được các kinh nghiệm sản xuất vụ đông xuân, đặt tiền đề cho sự chuyển dịch cơ cấu mùa vụ của huyện trong những năm tiếp theo. Trong chăn nuôi, so với năm 1995, trừ đàn trâu có sự suy giảm, đàn bò và đàn lợn tiếp tục có sự tăng trưởng: đàn trâu có 16.254 con (giảm 6,6%), đàn bò có 1.324 con (tăng 8,5%), đàn lợn có 14.460 con (tăng 0,6%).

Sau hơn 20 năm lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, tham gia bảo vệ Tổ quốc và bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1975-1996), từ thực tiễn công tác lãnh đạo, Đảng bộ huyện Na Rì đã đúc rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá:

Thứ nhất, phải nắm vững, thấu suốt tình hình thực tiễn, trên cơ sở đó nhận diện được những thế mạnh, hạn chế của địa phương cả về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, nhân tố con người... Từ đó, Đảng bộ huyện có chính sách phát triển phù hợp trên cơ sở vận dụng, triển khai linh hoạt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tế địa phương, không để chính sách tách rời với thực tiễn, qua đó mới

phát huy được vai trò, hiệu quả phát triển.

Thứ hai, không ngừng nâng cao năng lực công tác, hoạt động của cán bộ các cấp, đáp ứng nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong mọi hoàn cảnh. Đảng bộ huyện với vai trò là người tổ chức, lãnh đạo mọi mặt hoạt động trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương, song trong bối cảnh là huyện miền núi, điều kiện còn nhiều khó khăn, năng lực của nhiều cán bộ còn hạn chế, do đó công tác cán bộ có phải đặc biệt được quan tâm. Cán bộ có năng lực hoạt động, tầm nhìn tốt mới có thể lãnh đạo địa phương tiến nhanh, tiến mạnh và phát triển đúng hướng.

Thứ ba, phải chăm lo, cải thiện đời sống cho nhân dân. Trong những năm 1975-1996, cùng bối cảnh chung với đất nước, đời sống của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện vô cùng khó khăn. Nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ huyện là phải tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trên các mặt công tác, đặc biệt là trong phát triển kinh tế, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân. Có đảm bảo được nhu cầu cơ bản cho đời sống nhân dân, mới làm cho dân tin vào sự lãnh đạo của Đảng, làm cho “lòng dân, ý Đảng” gặp nhau.

Chương II
ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI,
XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG PHÁT TRIỂN,
(1997-2015)

I. ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ LÃNH ĐẠO NHÂN
DÂN ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, TẠO THỂ
VÀ LỰC BƯỚC SANG THẾ KỶ XXI (1997-2000)

Thực hiện Nghị quyết ngày 6/11/1996 tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội (khóa IX) về chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, theo đó tỉnh Bắc Thái tách thành hai tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bắc Kạn tái lập. Ngày 6/01/1997, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về 10 nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của địa phương¹.

1. Mười nhiệm vụ trọng tâm: 1. KIỆN TOÀN BỘ MÁY CỦA TỈNH NHẤT LÀ Ở CẤP TỈNH VÀ HUYỆN; 2. HẾT SỨC CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH; 3. CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT TỐT VỤ ĐÔNG XUÂN 1996-1997 VÀ VỤ MÙA 1997; 4. LÀM TỐT CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN; 5. GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI; 6. THỰC HIỆN NGAY VIỆC QUY HOẠCH THỊ XÃ, THỊ TRẤN, THỊ TỬ, ĐẶC BIỆT LÀ THỊ XÃ TỈNH Lỵ; 7. THỰC HIỆN HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ, THAM NHŨNG, CÁC HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI; 8. XÂY DỰNG NỀN NẾP LÀM VIỆC NGHIÊM TÚC, HIỆU QUẢ, SÂU SÁT CƠ SỞ; 9. PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO “TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở KHU DÂN CƯ; 10. KHẨN TRƯNG CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH, SƠM KIỆN TOÀN BỘ MÁY ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN.

Đến ngày 13/9/1997, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ VII khai mạc. Đại hội xác định: Giai đoạn 1997-2000 tuy thời gian ngắn nhưng là bước rất quan trọng của một thời kỳ mới - thời kỳ cùng cả nước đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh là tăng cường đoàn kết, tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và vững chắc, gắn liền với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường công tác quân sự địa phương, nâng cao đời sống nhân dân, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo¹. Chấp hành chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Na Rì tổ chức họp kiểm điểm công tác lãnh đạo và đánh giá lại kết quả đạt được sau 1 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XIV, đề ra và điều chỉnh phương hướng, nhiệm vụ năm 1997 và trong giai đoạn 1997-2000 phù hợp với tình hình mới.

Phát huy thắng lợi của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ VII và tiếp tục thực hiện chủ trương Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, Ban Thường vụ Huyện ủy tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện trên các mặt phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn*, tập II (1975-2005), Sở VHNT, 2005, tr. 226-227.

đảm bảo vững chắc an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Sau chia tách tỉnh, công tác cán bộ của huyện có nhiều biến động, nhất là các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và Ban Thường vụ. Tháng 01/1997, đồng chí Nông Minh Đồng - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Hoàng Đức Hoan - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được phân công đảm nhận Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Tháng 8/1997, đồng chí Lâm Văn Việt - Bí thư Huyện ủy được điều động về tỉnh công tác. Ngày 18/8/1997, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì đã họp phiên bất thường và bầu đồng chí Triệu Thiêm Cao giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Na Rì khóa XIV (nhiệm kỳ 1996-2000); đồng chí Hoàng Đức Hoan - Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Đàm Văn Thảo - Phó Bí thư. Ngày 13/10/1997, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện họp kỳ bất thường bầu bổ sung 4 đồng chí vào Ban Chấp hành; bầu bổ sung đồng chí Nông Văn Tàu vào Ban Thường vụ và giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

Trong suốt nhiệm kỳ, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tích cực lãnh đạo, chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt các chính sách, biện pháp cụ thể thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chuyển dịch cơ cấu cây trồng; thâm canh, tăng vụ, nhất là vụ đông - xuân; mở rộng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm; chuyển giao kỹ thuật thâm canh các loại cây trồng cho các hộ

nông dân¹; tăng cường sử dụng các giống cây trồng có năng suất cao và phân bón hữu cơ, hóa học; duy tu, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống thủy lợi²... Nhờ đó, hoạt động sản xuất nông nghiệp của huyện đảm bảo phát triển ổn định và có những chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, được phản ánh thông qua các chỉ số nông nghiệp liên quan như: diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng, bình quân lương thực đầu người, hệ số quay vòng sử dụng đất, tần suất sử dụng phân bón, tỷ lệ sử dụng giống cây trồng mới.

Trong nhiệm kỳ, diện tích trồng cây lương thực bình quân hàng năm đạt 4.757,8ha, đặc biệt thực hiện sự chỉ đạo về đẩy mạnh sản xuất vụ đông - xuân, diện tích gieo lúa xuân đạt được kết quả tốt, năm 1996, toàn huyện có 46,9ha lúa xuân đến năm 2000 đạt 443,5ha, bình quân hàng năm tăng 82,1%; năng suất lúa bình quân đạt 39 tạ/ha, điển hình có nơi đạt 90 tạ/ha, ngô đạt 18 tạ/ha; tổng sản lượng lương thực quy thóc hàng năm là 12.656 tấn (vượt 4,4% mục tiêu Đại hội đề ra), bình quân lương thực đầu người đạt 343kg/năm, năm cao nhất được 390kg/người (năm 1999). Việc đầu tư thâm canh được tiến hành thường xuyên và phổ biến hơn giai đoạn trước, các mô hình trình diễn kỹ thuật các

1. Trong nhiệm kỳ, toàn huyện tổ chức được 123 lớp tập huấn kỹ thuật cho 5.454 lượt người.

2. Trong 5 năm, huyện đầu tư 3,615 tỷ đồng xây dựng 18 công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở 14 xã, thị trấn, qua đó mở rộng diện tích tưới thêm đạt 238ha, nâng diện tích đất gieo cấy chủ động hai vụ lúa từ 500ha lên 750ha.

cây trồng chính như lúa, ngô, đậu tương được thực hiện ở nhiều vùng và cho kết quả khá. Trong cơ cấu giống cây trồng, tỷ lệ sử dụng giống lai và giống tiến bộ kỹ thuật được tăng cường: Giống lúa đạt 33%, giống ngô chiếm 10,28%, tăng 23,6% so với giai đoạn trước; tần suất sử dụng phân bón hữu cơ, hóa học tăng 15,9 lần so với năm 1996. Nhờ đó, hệ số sử dụng đất nông nghiệp tăng từ 1,02 lần (năm 1996) lên 1,28 lần (năm 2000).

Về chăn nuôi, phát huy thế mạnh là huyện miền núi có diện tích chăn thả và đồng cỏ rộng, Huyện ủy xác định chăn nuôi gia súc, nhất là đại gia súc là định hướng phát triển chính của huyện và chỉ đạo các cơ quan chức năng, các xã, thị trấn đẩy mạnh thực hiện các biện pháp kỹ thuật, chú trọng công tác thú y để nâng cao chất lượng vật nuôi, phát huy hiệu quả kinh tế, góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo của huyện. Từ năm 1997-2000, tốc độ tăng trưởng hàng năm của đàn trâu là 4,3%, đàn bò tăng 31,65%, đàn lợn tăng 2,8%; đến năm 2000, toàn huyện có 18.390 con trâu, so với năm 1996, số lượng đàn vật nuôi tăng lần lượt là: đàn trâu 2.136 con, đàn bò 1.677 con, đàn lợn 1.608 con. Bên cạnh kết quả đạt được, ngành chăn nuôi của huyện còn nhiều tồn tại cần khắc phục để phát huy được thế mạnh và hiệu quả kinh tế như: Công tác chọn giống chưa được đầu tư đúng mức nên chất lượng giống thấp, sức chống chịu dịch bệnh hạn chế; công tác thú y chưa được triển khai đồng bộ, công tác kiểm dịch chưa chặt chẽ, đầy đủ; tỷ lệ tiêm phòng dịch hàng năm mới đạt từ 30%-40%; nguồn vốn đầu tư cho phát triển đàn gia súc còn hạn chế.

Kinh tế lâm nghiệp phát triển khá. Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các địa phương đẩy mạnh việc thực hiện phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tổ chức trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ và chăm sóc làm giàu vốn rừng. Đẩy mạnh thực hiện các Dự án 327, Dự án PAM 5322 và Chương trình 661, Ủy ban nhân dân huyện Na Rì đã triển khai xuống 22/22 xã, thị trấn, bao gồm nhiều khâu như: sản xuất cây con (cây giống), trồng rừng, chăm sóc rừng và làm đường giao thông đi lại và đầu tư hơn 5 tỷ đồng để triển khai các dự án, trong đó chủ yếu là khoanh nuôi và bảo vệ. Qua 5 năm triển khai (1996-2000), các dự án đạt kết quả khá và mang lại hiệu quả tích cực trong đời sống nhân dân và các địa phương. Cơ bản giao xong 41.000ha quỹ đất lâm nghiệp cho các hộ dân; khoanh nuôi, bảo vệ được 12.589ha; trồng mới được 2.915ha (vượt 45,7% kế hoạch đề ra), trong đó diện tích cây hồi đạt 1.876ha (bằng 93,8% mục tiêu Đại hội). Bên cạnh đó, toàn huyện xây dựng được 12 mô hình kinh tế vườn rừng với quy mô từ 0,8-4,2ha, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Để tạo sự phát triển bền vững cho kinh tế lâm nghiệp, Huyện ủy đặc biệt chú trọng chỉ đạo thực hiện công tác định canh định cư. Theo quy hoạch, toàn huyện có 39 điểm định canh định cư với 939 hộ và 5.278 nhân khẩu và nhờ sự quan tâm đầu tư của cấp trên cùng nỗ lực của toàn thể nhân dân, đến đầu năm 2000, huyện xây dựng được 25 điểm định canh định cư

cho 664 hộ với 3.711 nhân khẩu (bằng 70,7% tổng số hộ trong diện định canh định cư). Thông qua các nguồn vốn hỗ trợ, huyện đầu tư 1.439 tỷ đồng cho đồng bào thuộc diện định canh định cư phát triển kinh tế, ổn định đời sống, đặc biệt, từ nguồn vốn hỗ trợ, các hộ định canh định cư đã trồng được 132,8ha rừng và khoanh nuôi, bảo vệ 6.574ha.

Bên cạnh sản xuất nông - lâm nghiệp, các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hoạt động phân phối, lưu thông hàng hóa cũng có sự chuyển mình. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phân bố rải rác ở các xã, thị trấn và tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh và phục vụ trực tiếp nhu cầu thiết yếu của địa phương như: Khai thác đá, sản xuất vật liệu xây dựng (gạch nung, vôi củ), xay xát lương thực, đồ mộc dân dụng... Đến đầu năm 2000, trên địa bàn huyện có 7 cơ sở sản xuất gạch nung, 9 cơ sở sản xuất đồ mộc dân dụng, 6 cơ sở khai thác cát sỏi, 432 máy xay xát lương thực, nghiền thức ăn gia súc, giá trị sản xuất hàng năm ước đạt 1,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, quy mô sản xuất của các cơ sở nhỏ lẻ, phân tán, công nghệ khai thác lạc hậu, hiệu quả kinh tế không cao (tổng giá trị sản xuất hàng năm mới đạt khoảng 36% mục tiêu Đại hội). Hoạt động lưu thông, phân phối các mặt hàng chính sách như dầu ăn, muối, giấy viết và các vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất được các cửa hàng thương nghiệp, các điểm đại lý cơ bản đảm bảo tốt. Nhiều hộ buôn bán nhỏ đã tổ chức các điểm bán hàng cố định kết hợp với bán lưu động trong các khu

dân cư tập trung và khu vực vùng sâu, vùng xa để phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Hoạt động cho vay đầu tư sản xuất và thu chi ngân sách, đáp ứng cơ bản các hoạt động của địa phương. Từ năm 1996-2000, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cho 7.968 lượt hộ vay vốn với tổng số tiền là 14,5 tỷ đồng để đầu tư phát triển sản xuất. Thông qua nguồn vốn vay, các hộ dân đã mua thêm 2.300 con trâu, bò, hơn 1.000 con lợn; khai hoang được 1,1ha đất ruộng; cải tạo vườn tạp và xây dựng kinh tế vườn hộ được 12.400m². Công tác thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch, bình quân năm sau thu vượt năm trước 10%. Việc quản lý nguồn thu thông qua công tác cấp, kiểm tra giấy phép kinh doanh, công tác quản lý thị trường được thực hiện thường xuyên và khá chặt chẽ; chi ngân sách đảm bảo đúng luật, đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

Kinh tế tiếp tục có bước phát triển hơn so với trước, cộng với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và sự nỗ lực, cố gắng của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân trong toàn huyện, hệ thống cơ sở hạ tầng của huyện được đầu tư trùng tu, nâng cấp, xây dựng mới ngày càng hoàn thiện, khang trang, hiện đại hơn. Từ năm 1996-2000, huyện hoàn thành nâng cấp tuyến đường 256; các tuyến đường liên xã Hảo Nghĩa - Xuân Dương - Liêm Thủy, tuyến Yên Lạc - Lương Hạ - Cường Lợi được nâng cấp thành

đường cấp 5 miền núi¹; đối với các tuyến đường liên thôn, liên bản hàng năm đều được phát quang và mở rộng; mạng lưới điện Quốc gia mở rộng thêm 3 xã Kim Lư, Lương Thượng, Vũ Loan, nâng tổng số xã, thị trấn được sử dụng điện lưới Quốc gia lên 10/22 xã, thị trấn. Cùng với cơ sở hạ tầng, hệ thống cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng với 4,684 tỷ đồng, gồm: 3 trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trụ sở Công an huyện, phòng mổ trung tâm Y tế huyện, trường Trung học phổ thông huyện, trường Trung học cơ sở Cường Lợi, Lương Hạ, trường Tiểu học Yên Lạc, 9 trạm y tế xã, lắp thêm 2 trạm tiếp sóng truyền hình Trung ương ở Lạng San và Côn Minh.

Quán triệt Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về công tác bảo vệ và chăm sóc giáo dục trẻ em; Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) coi giáo dục là quốc sách hàng đầu của dân tộc, Huyện ủy Na Rì lãnh đạo đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo phát triển lên một bước về cả cơ sở vật chất, quy mô và chất lượng giáo dục, đào tạo. Bằng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và sự đóng góp, ủng hộ của nhân dân, cơ sở vật chất các trường lớp được cải thiện đáng kể: Năm 1996, số phòng học, nhà tạm còn chiếm đến 93%, đến năm 2000 giảm xuống còn 25,7%. Năm học 1995-1996, toàn huyện có 26 trường học với 10.096 học sinh, đến năm học 1999-2000, tăng lên 35 trường với 12.785 học

1. Đường cấp 5 miền núi là cấp đường có tiêu chuẩn rộng tối thiểu 6-6,5m, có một làn cho xe cơ giới rộng 3,5m và tốc độ thiết kế đường đạt từ 20-30 km/h.

sinh. Chất lượng giáo dục từng bước được khẳng định: tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Tiểu học hàng năm đạt 92,4%, Trung học cơ sở 90,6%, Trung học phổ thông 53,2%; số lượng học sinh giỏi cấp huyện, tính tăng 2,6 lần so với giai đoạn trước và có 2 học sinh đạt danh hiệu Học sinh giỏi Quốc gia; từ năm 1998, huyện đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục Tiểu học. Đội ngũ giáo viên được bổ sung khá đầy đủ, thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng dạy học, trong 5 năm có 36 giáo viên đạt Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được chú trọng, các Chương trình Quốc gia về y tế và dân số - kế hoạch hóa gia đình được Huyện ủy quan tâm lãnh đạo. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, ngành y tế huyện đã cử 4 cán bộ đi học chuyên khoa để từng bước nâng cao tay nghề đội ngũ y, bác sĩ và xây dựng mới phòng mổ trung tâm y tế huyện. Thực hiện công tác chuyên môn, từ năm 1996-2000, ngành y tế huyện đã khám cho 96.079 lượt người, điều trị nội trú 15.600 trường hợp và phẫu thuật an toàn 490 ca. Các Chương trình phòng chống sốt rét, bướu cổ được thực hiện rộng rãi và thu được kết quả tốt. Ngành y tế huyện có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, vận động tổ chức thực hiện các chương trình bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng dân số: hàng năm có 95,5% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng 6 loại vắc-xin, 92,7%

số trẻ từ 5-6 tuổi được uống vitamin A, 80% số phụ nữ được tiêm phòng uốn ván; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm từ 53% năm 1996 xuống còn 41,3% năm 1999. Bên cạnh đó, mạng lưới y tế cơ sở không ngừng được củng cố, bố trí sắp xếp lại, tăng cường cơ sở vật chất và lực lượng chuyên môn, từng bước phát huy vai trò chăm sóc sức khỏe bước đầu cho người dân ở các xã, thị trấn. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình có nhiều chuyển biến tích cực: 88% các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện áp dụng biện pháp tránh thai, tỷ suất sinh thô giảm từ 20,4‰ (năm 1996) xuống 13,7‰, tỷ lệ cặp vợ chồng sinh con thứ ba còn 9,4%.

Các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các phòng, ban chức năng thực hiện nghiêm túc. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa được chú trọng thực hiện: Huyện vận động ủng hộ các hộ thương binh, gia đình liệt sĩ, các đối tượng chính sách hưởng ưu đãi được 61,9 triệu đồng, 557 sổ tiết kiệm, sửa chữa 6 nhà ở, xây tặng 1 nhà và 34 vườn cây tình nghĩa... Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội đều tập trung vào thực hiện mục tiêu trên, qua đó cải thiện và ổn định đời sống nhân dân; bên cạnh đó, huyện cấp 514 triệu đồng để giải quyết việc làm cho hơn 200 lao động, đồng thời thông qua các đoàn thể quần chúng vận động góp vốn giúp hội viên phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo, nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 40,7% năm 1997 xuống còn 20,3%.

Hoạt động thể dục thể thao, văn hóa - thông tin có nhiều cố gắng. Phong trào thể dục thể thao phát triển sôi nổi, thu hút đông đảo người dân tham gia, góp phần vào xây dựng lối sống lành mạnh, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Nhiều đội bóng đá, bóng chuyền được duy trì và thường xuyên tổ chức tập luyện, tham gia thi đấu giao hữu giữa các đơn vị trong huyện và với các địa phương bạn. Trong công tác văn hóa, thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 2/4/1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy lâm thời Bắc Kạn về phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện cuộc vận động trong phạm vi toàn huyện. Sau 3 năm triển khai thực hiện, toàn huyện có hàng nghìn lượt hộ đạt gia đình văn hóa, xây dựng được 9 làng văn hóa mới. Về công tác thông tin, huyện xây dựng được thêm 2 trạm tiếp phát sóng truyền hình Trung ương ở Lạng San, Côn Minh, giúp cho 66,4% dân số của huyện được tiếp cận với thông tin tuyên truyền, các đội thông tin tuyên truyền thường xuyên đưa thông tin về cơ sở theo các chủ đề phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Nhưng nhìn chung, các phong trào, hoạt động vẫn chưa đi vào chiều sâu, một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chưa thật tích cực, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; công tác sơ, tổng kết cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa chưa được quan tâm. Một số hủ tục lạc hậu, hiện tượng mê tín dị đoan chưa được loại bỏ.

Cùng với hoạt động lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, Đảng bộ huyện cũng rất coi trọng công tác lãnh đạo thực hiện đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các nhiệm vụ quân sự địa phương.

Trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Huyện ủy chỉ đạo tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc" ở tất cả các xã, thị trấn, cơ quan theo yêu cầu của tình hình mới kết hợp với tăng cường lực lượng an ninh phụ trách cơ sở và xây dựng mô hình an ninh cụm địa bàn. Lực lượng an ninh chủ động tham mưu cho các cấp, các ngành trong công tác xây dựng lực lượng cơ sở và tăng cường công tác vận động, tuyên truyền đồng bào Mông không tin theo những luận điệu xuyên tạc, sai trái của những người truyền bá đạo Tin lành. Thông qua các cuộc vận động xây dựng lực lượng công an trong sạch vững mạnh về tư tưởng, tổ chức và đạo đức, phẩm chất chính trị, sức chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ được tăng cường, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống và hoàn cảnh. Hàng năm, lực lượng an ninh đều tổ chức các đợt tấn công trấn áp tội phạm hình sự, các loại tệ nạn xã hội, chủ động nắm chắc tình hình an ninh nông thôn, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước. Bên cạnh đó, các ngành trong khối nội chính phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm. Hoạt động thanh tra, tư pháp được chú trọng, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người dân. Việc tiếp công

dân, giải quyết đơn thư khiếu nại cơ bản kịp thời, đúng thẩm quyền: 100% các thôn bản đều có tổ hòa giải và đã thực hiện hòa giải thành công 231/261 vụ việc tại cơ sở.

Về công tác quân sự địa phương, Huyện ủy quán triệt sâu sắc quan điểm về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân và thường xuyên quan tâm lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ngày càng trưởng thành, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần cảnh giác cách mạng cao độ, sẵn sàng đập tan âm mưu “diễn biến hòa bình” của các lực lượng thù địch. Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Huyện ủy, hàng năm lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên thực hiện tốt kế hoạch huấn luyện về kỹ thuật, chiến thuật, đồng thời phát huy vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế địa phương; công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu được giao và đảm bảo tốt chất lượng của lực lượng tân binh. Cùng với đó, kế hoạch phòng thủ không ngừng được bổ sung và hoàn thiện, nắm chắc tình hình địa bàn. Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về diễn tập phòng thủ khu vực huyện Na Rì, năm 1998, huyện tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ và đạt kết quả khá, vừa góp phần tăng khả năng phòng thủ vừa có ý nghĩa thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương.

Nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng những năm 1996-2000 được Đảng bộ huyện xác định là: Nâng cao chất lượng hoạt động của các chi, Đảng

bộ, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về Đổi mới và chỉnh đốn Đảng; xây dựng Đảng bộ vững mạnh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới của Đảng trong nhiệm kỳ tới. Quán triệt nhiệm vụ trọng tâm đó, công tác xây dựng Đảng được triển khai toàn diện, đồng bộ trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức gắn với tăng cường, củng cố hệ thống chính trị. Trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng bộ huyện tổ chức phổ biến, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao nhận thức về nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng; phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thống nhất quan điểm của Đảng là kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý hành chính và kinh tế được quan tâm hơn trước.

Năm 1999, tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) ban hành Nghị quyết về “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay” với 10 nhiệm vụ chủ yếu, tập trung trên 3 lĩnh vực: Nhận thức, tư tưởng, chính trị; đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên và một số vấn đề về tổ chức, đồng thời mở cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và

phê bình nhân Kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 70 năm ngày thành lập Đảng và tiến tới Đại hội IX của Đảng. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ngày 24/6/1999, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Quyết định số 105/QĐ-HU về thành lập Tiểu ban giúp việc Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo kiểm tra tổ chức thực hiện. Từ trung tuần tháng 7/1999, Huyện ủy chọn 4 cơ sở: Yên Lạc, Côn Minh, Lương Thượng, Kim Hỷ tổ chức triển khai trước để rút kinh nghiệm, đến trung tuần tháng 9 năm 1999, tất cả các chi, Đảng bộ cơ sở được học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với sự tham gia của 1.836/2.041 đảng viên, bằng 90% tổng số lượng đảng viên. Qua quán triệt, học tập Nghị quyết, nhận thức, lập trường tư tưởng; đạo đức, lối sống và tác phong của cán bộ, đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực.

Củng cố tổ chức cơ sở Đảng, phát triển đảng viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng. Trong củng cố tổ chức cơ sở Đảng, Huyện ủy tập trung lãnh đạo củng cố, giúp đỡ các cơ sở Đảng còn yếu kém, lấy đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng làm khâu đột phá, trọng tâm là một số cơ sở Đảng nông thôn ở vùng sâu vùng xa. Bắt đầu từ việc kiện toàn về mặt tổ chức, phân công cán bộ huyện trực tiếp xuống giúp đỡ lãnh đạo phong trào, họp kiểm điểm rút kinh nghiệm sâu sắc, giải quyết triệt để những vấn đề tồn tại của địa phương đi liền với trách nhiệm của cán bộ cơ sở. Nhiều chi, Đảng bộ sau

khi được củng cố đã có chuyển biến tích cực, vươn lên đạt khá của huyện. Đặc biệt, từ năm 1999, khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) kết hợp với đẩy mạnh công tác tự phê bình, phê bình và tổ chức kiểm điểm tập thể cấp ủy, cấp ủy viên và đảng viên, chất lượng lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được nâng lên rõ rệt. Năm 1999, toàn Đảng bộ huyện có 39 tổ chức cơ sở Đảng với 2.151 đảng viên, kết quả phân loại cuối năm có 29/39 cơ sở vững mạnh, 9/39 cơ sở khá, chỉ còn 1 cơ sở yếu; số lượng đảng viên xếp loại 1 chiếm 78,6% đảng viên, xếp loại 2 chiếm 8%, loại 3 và 4 chiếm 0,9%¹. Công tác phát triển đảng viên mới được đẩy mạnh, đặc biệt ở các cơ sở, đơn vị “trắng đảng viên” nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng từ khâu tạo nguồn. Từ năm 1996-2000, đã có 1.542 đối tượng được học lớp tìm hiểu về Đảng và kết nạp được 657 quần chúng ưu tú vào Đảng, xóa được 4 thôn “trắng đảng viên”.

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ gắn với sắp xếp, tuyển chọn, điều động, bổ nhiệm, bố trí cán bộ, gắn xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức cơ sở Đảng được Đảng bộ huyện Na Rì hết sức quan tâm. Hầu hết các tổ chức cơ sở Đảng trong toàn huyện đều xây dựng và hoàn chỉnh được phương án quy hoạch cán bộ theo nhiệm kỳ 5 năm và những năm tiếp theo. Ngày 10/01/1998, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm - Trưởng Công an

1. Trích Báo cáo số 113-BC/HU Tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ngày 19/10/2000.

huyện vào Ban Thường vụ Huyện ủy. Ngày 10/9/1999, đồng chí Triệu Thiêm Cao - Bí thư Huyện ủy được điều động về tỉnh nhận công tác khác. Ngày 21/12/1999, kỳ họp thứ nhất của HĐND huyện Na Rì khóa XVI (nhiệm kỳ 1999-2004) đã bầu đồng chí Đàm Văn Thảo - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện giữ chức Chủ tịch HĐND huyện; bầu đồng chí Nông Minh Xuân - Phó Chủ tịch UBND huyện giữ chức Chủ tịch UBND huyện. Ngày 3/3/2000, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện họp kỳ thứ 18 (kỳ họp bất thường) bầu đồng chí Đàm Văn Thảo - Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND huyện giữ chức Bí thư Huyện ủy; bầu bổ sung đồng chí Nông Minh Xuân - Chủ tịch UBND huyện và đồng chí Nông Văn Lung - Phó Chủ tịch UBND huyện vào Ban Thường vụ Huyện ủy khóa 1996-2000. Ngày 29/3/2000, đồng chí Hoàng Đức Hoan - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được điều động lên tỉnh công tác, Ban Thường vụ Huyện ủy họp kỳ bất thường phân công đồng chí Nông Văn Phách vào Ủy viên ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy kiêm Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy.

Đến đây, Ban Chấp hành còn 26/31 đồng chí, Ban Thường vụ còn 7/9 đồng chí. Với những biến động về nhân sự trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và Ban Thường vụ Huyện ủy đã phần nào ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, song được sự quan tâm của Tỉnh ủy và sự linh hoạt của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, bộ máy tổ chức và công tác cán bộ nhanh chóng được kiện toàn, đảm bảo tính kế thừa, tính liên tục, đảm bảo vai trò lãnh

đạo của Đảng trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Công tác kiểm tra Đảng được quan tâm thực hiện theo kế hoạch hàng năm nhằm đảm bảo sự trong sạch vững mạnh của Đảng bộ. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã bám sát cơ sở, nắm chắc hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên nhằm kịp thời phát hiện, uốn nắn, xử lý những trường hợp vi phạm. Trong đó, công tác kiểm tra tập trung vào việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người đảng viên. Đặc biệt, trong đợt triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo các Ban Xây dựng Đảng của huyện phối hợp với cấp ủy Đảng và các chi bộ cơ sở tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên, phục vụ kịp thời việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Trong nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra đã kiểm tra thực hiện nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng đối với 56 đảng viên, kiểm tra 20 cơ sở Đảng về việc thu, nộp, quản lý và sử dụng Đảng phí, qua kiểm tra xử lý 53 đảng viên (có 32 đảng viên thuộc diện huyện quản lý, 21 đảng viên thuộc diện cấp ủy cơ sở quản lý) và giải quyết 34 đơn thư, khiếu nại, tố cáo cán bộ, đảng viên.

Cùng với tăng cường công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy Na Rì không ngừng chăm lo đến việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân từ huyện xuống cơ sở. Năm 1999,

Huyện ủy lãnh đạo việc tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Hội đồng nhân dân huyện sau khi được kiện toàn tiếp tục thể hiện vai trò là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, tổ chức giám sát hoạt động của chính quyền và tạo điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình. Trong khi đó, hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng điều hành, quản lý mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) tháng 8/1999 về cải cách một bước nền hành chính quốc gia, Huyện ủy Na Rì chỉ đạo việc xây dựng đề án trong việc tinh giản biên chế trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, quy hoạch và sắp xếp lại bộ máy theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả công tác của các phòng, ban.

Để các chủ trương, chính sách của huyện nhanh chóng đi vào đời sống nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng không ngừng đổi mới phương thức hoạt động, bám sát nhiệm vụ chính trị ở địa phương, thúc đẩy các hoạt động, phong trào từ cơ sở như: Xây dựng đời sống mới ở khu dân cư, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, thi đua lao động sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo, làm đường giao thông, xóa bỏ cây thuốc phiện, hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật... Những phong trào này đã phản ánh các hoạt động hết sức sôi nổi, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh huyện. Năm 1998, Liên đoàn lao động huyện được tái lập đã có

nhiều cố gắng trong củng cố tổ chức bộ máy, khơi dậy ý thức tự chủ, sáng tạo trong lao động, học tập và công tác của cán bộ, công nhân viên chức và người lao động.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 28-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì có văn bản hướng dẫn các cơ sở tiến hành Đại hội Đảng, đồng thời xây dựng kế hoạch chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV nhiệm kỳ 2000-2005. Qua 5 năm triển khai Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ XIV, huyện Na Rì tiếp tục đạt được những bước tiến quan trọng. Thế kỷ XXI với những thời cơ và vận hội mới, nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ hết sức nặng nề. Với ý chí, quyết tâm và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Na Rì quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới vì mục tiêu xây dựng huyện Na Rì phát triển, giàu mạnh.

II. PHÁT HUY NGUỒN LỰC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƯA SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI TIẾN LÊN TRONG THẾ KỶ MỚI (2000-2005)

Từ ngày 25-27/10/2000, tại Nhà văn hóa huyện thị trấn Yên Lạc, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XV. Sau khi thông qua báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự thảo văn kiện Đại hội IX của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ VIII, Đại hội thảo luận và thông qua: Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần

thứ XIV và phương hướng nhiệm vụ 5 năm 2001-2005; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIV, nhiệm kỳ 1996-2000.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2000-2005: Phát huy tối đa các nguồn lực, nêu cao ý chí tự lực tự cường, tạo ra sức mạnh tổng hợp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương, đoàn kết, đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho mọi tầng lớp nhân dân. Cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra các mục tiêu phấn đấu cụ thể đến năm 2005:

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 15%-18%; tổng sản lượng quy thóc hàng năm tăng từ 5,7%-7%, đến năm 2005 đạt 17.000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 450kg. Đàn lợn 21.000 con, đàn gia cầm 500.000 con. Diện tích rừng trồng mới đạt từ 3.500-4.000ha. Giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt trên 5 tỷ đồng. Bình quân thu nhập đầu người đến năm 2005 đạt 4 triệu đồng/người.

Về văn hóa - xã hội, thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của các ngành cụ thể. Trong giáo dục - đào tạo: nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên các cấp, tiến tới chuẩn hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đẩy mạnh công tác xóa mù chữ và khuyến học. Trong y tế: Tăng cường đầu tư trang thiết bị khám, chữa bệnh và nâng cao chất lượng đội ngũ y bác sĩ; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế giai đoạn 2001-2005,

đến năm 2005 có 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng, uống đủ 6 loại vắc-xin và 100% trạm y tế xã đạt chuẩn và có đủ nhân viên y tế hoạt động. Trong hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến mọi người dân; duy trì và đẩy mạnh phong trào văn nghệ quần chúng và phong trào thể dục - thể thao gắn với xây dựng các thiết chế văn hóa mới, bảo đảm và phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc.

Về công tác quốc phòng địa phương và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình”; chăm lo xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên, kết hợp chặt chẽ giữa công tác huấn luyện với phát triển kinh tế; thực hiện tốt công tác tuyển quân hàng năm theo Luật Nghĩa vụ quân sự. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, trấn áp tội phạm, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với quốc phòng toàn dân vững chắc; nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh Quốc gia ở các cấp, các ngành và cơ sở.

Về công tác xây dựng hệ thống chính trị: Trong xây dựng Đảng, tổ chức triển khai học tập, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy, từ đó xây

dựng chương trình hành động cụ thể, phù hợp với điều kiện của địa phương; đổi mới và nâng cao chất lượng lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội; tiến hành xây dựng quy hoạch và có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, giáo dục, đề bạt và sử dụng cán bộ một cách khoa học, hiệu quả. Trong xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng: Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên cơ sở thực hiện tốt cơ chế làm việc ở cơ quan và quy chế dân chủ ở cơ sở; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhất là trong việc xem xét, quyết định các vấn đề trọng yếu và hiệu lực quản lý Nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể là trung tâm phối hợp hoạt động giữa các đoàn thể chính trị - xã hội, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, mở rộng dân chủ, tham gia xây dựng chính quyền, giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước và các cán bộ công chức.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2000-2005 gồm 33 đồng chí¹. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí: Đồng chí Đàm Văn Thảo² được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nông Văn Phách giữ

1. Tháng 12/2004, Hội nghị BCH đảng bộ huyện họp bầu bổ sung 02 ủy viên BCH.

2. Năm 2002, đồng chí Đàm Văn Thảo lên tỉnh nhận công tác, đồng chí Hoàng Duy Chính - Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh đoàn được Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Nông Minh Xuân giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện¹, các đồng chí Chung Văn Ngộ, Nông Văn Lung, Nông Văn Tàu, Bàn Sinh Nhị, Hoàng Đức Chính, Ma Quang Tuấn là Ủy viên ban Thường vụ.

Năm 2001 là năm đầu tiên của thiên niên kỷ mới, đồng thời cũng là năm đầu triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì đã xây dựng chương trình hành động, phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí trong Ban Thường vụ phụ trách từng lĩnh vực; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV bằng chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005, tầm nhìn đến năm 2010 và xác định rõ hướng đi, mục tiêu phấn đấu cho từng năm, từng giai đoạn; đồng thời lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá để chỉ đạo thực hiện và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay tại cơ sở. Sau 5 năm nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XV nhiệm kỳ 2000-2005, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã từng bước thực hiện thắng lợi những mục tiêu,

1. Năm 2005, đồng chí Nông Minh Xuân - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện chuyển công tác, đồng chí Vũ Đình Chiểu được Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Phó Bí thư Huyện ủy, được HĐND huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND huyện.

nhiệm vụ kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị.

Trong phát triển kinh tế, định hướng chung của huyện là đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp và tăng tỷ trọng của các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ song Đảng bộ vẫn xác định sản xuất nông - lâm nghiệp tiếp tục là hướng đi chủ lực, nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảng bộ huyện lãnh đạo các ban, ngành chức năng và các xã, thị trấn thực hiện tốt dịch vụ nông nghiệp, đảm bảo hỗ trợ kịp thời vốn, cung ứng đầy đủ giống cây trồng năng suất cao cho người dân và tổ chức tập huấn chuyển giao cho người dân kỹ thuật gieo trồng và giống cây trồng mới như: Giống lúa lai Tạp giao 1 và 5, Kim cương, Khang dân, Lùn 32, nếp IR352 và giống ngô ĐK 888, ĐK 999, Bioseed 9681, Bioseed 9698; triển khai xây dựng mô hình cánh đồng 30 triệu đồng/ha ở các xã, thị trấn; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi.

Nhờ khai thác hợp lý điều kiện tự nhiên, luân canh tăng vụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, tăng vòng quay sử dụng đất nên năng suất và sản lượng các loại cây lương thực chủ đạo không ngừng tăng qua các năm. Năm 2001, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực toàn huyện đạt 4.582ha, trong đó: Cây ngô là 1.869ha - năng suất bình quân đạt 21,5 tạ/ha, cây lúa đạt 2.713ha - năng suất đạt 40,29 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực được 15.656,77 tấn (vượt 5,7% kế hoạch đề ra), bình quân lương thực đầu người đạt 422kg; năm

2004, toàn huyện trồng được 5.894,34ha lúa và ngô, tổng sản lượng đạt 19.989,4 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 519kg; năm 2005, cả huyện cấy được 3.155ha lúa - năng suất đạt 41,5 tạ/ha, ngô trồng được 2.816ha - năng suất bình quân đạt 25,9 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực được 20.386,69 tấn (đạt 119,9% mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra), bình quân lương thực đầu người đạt 556kg (vượt 23% kế hoạch)¹.

Song song với tập trung phát triển cây trồng chính là lúa và ngô, huyện cũng chỉ đạo các xã khai thác đất vườn đồi, tăng hệ số sử dụng đất để trồng thêm các loại cây như đậu tương, lạc, dong riềng, sắn, cây ăn quả các loại kết hợp với thực hiện mô hình cánh đồng 30 triệu/ha... Qua đó, các loại cây trồng đều có sự tăng trưởng cả về diện tích, năng suất và sản lượng qua các năm; đáp ứng đủ nhu cầu của người dân và chuyển một phần thành hàng hóa, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cho các hộ gia đình. Nhiều địa phương thực hiện và đạt hiệu quả khá mô hình cánh đồng 30 triệu đồng/ha, điển hình là các xã Hảo Nghĩa, Ân Tình, Kim Lư. Các mô hình kinh tế trang trại tiếp tục phát triển, năm 2005, toàn huyện có 19 mô hình kinh tế tổng hợp kết hợp trồng trọt với chăn nuôi và phát triển vườn cây ăn quả cho mức thu nhập lãi từ 15 triệu đồng/năm trở lên. Đặc

1. Trích Báo cáo số 27-BC/HU Tổng kết công tác năm 2001, ngày 18/1/2002; Báo cáo số 103-BC/HU Tổng kết công tác năm 2004, ngày 7/12/2004; Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVI nhiệm kỳ 2005-2010, ngày 5/10/2005.

biệt, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện “Về phát triển vườn cây ăn quả đặc sản”, bình quân mỗi năm huyện phát triển thêm được hơn 40ha cây ăn quả các loại gồm vải, nhãn, xoài, mận, quýt địa phương... Năm 2005, toàn huyện có 315,94ha cây ăn quả, tăng 203,9ha so với năm 2001. Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa các loại cây trồng, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, hệ số quay vòng sử dụng đất có nhiều cải thiện. Năm 2005, hệ số sử dụng đất nông nghiệp đạt 1,8 lần, nhiều địa phương có hệ số quay vòng đất đạt 2 lần như các xã Ân Tình, Lương Thượng, Kim Hỷ, Lạng San, Lương Thành, Văn Minh, Vũ Loan, Hảo Nghĩa, Côn Minh.

Cùng với những kết quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp, ngành chăn nuôi của huyện cũng được phục hồi và phát triển theo hướng tích cực. Sau dịch lở mồm long móng năm 2000 ở đàn gia súc, Huyện ủy chỉ đạo các địa phương tập trung khắc phục cơ bản hậu quả, ổn định số lượng, chất lượng đàn vật nuôi và đạt được kết quả tốt. Đến hết năm 2001, tổng đàn trâu, bò của huyện có 21.341 con, trong đó riêng trâu là 17.578 con, (tăng 4,7%), đàn bò có 3.763 con (tăng 37,8%); đàn lợn đạt 20.000 con (tăng 7,6%) so với năm 2000¹. Để đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi giai đoạn 2002-2005, Đảng bộ và chính quyền huyện xác định định hướng phát triển đối với các giống vật nuôi cụ thể: Đàn trâu chỉ

1. Trích Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVI nhiệm kỳ 2005-2010, ngày 5/10/2005.

duy trì ở mức độ cơ bản, đáp ứng sức kéo cho sản xuất nông nghiệp ở những vùng chưa thể thực hiện cơ giới hóa, tăng nhanh số lượng đàn bò và chuyển thành sản phẩm hàng hóa, nắm chắc số lượng lợn nái hiện có và tăng số lượng, chất lượng đáp ứng cho nhu cầu về giống lợn của địa phương; đồng thời, chỉ đạo các ban, ngành chức năng, chuyên môn cùng các địa phương chú trọng công tác thú y, phòng dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Nhìn chung, ngành chăn nuôi của huyện phát triển tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều hộ gia đình đã phát triển được các mô hình chăn nuôi cho hiệu quả kinh tế cao như: Nuôi gà thả vườn, nuôi lợn thịt, lợn nái, cá... tạo ra các sản phẩm chăn nuôi đa dạng, phong phú, góp phần vào thúc đẩy sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa của ngành nông nghiệp.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất lâm nghiệp cũng là một trong những thế mạnh được huyện quan tâm phát triển bằng các chương trình trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Từ nguồn vốn của các Dự án cụ thể như PAM 5532, 661, EU, định canh định cư - kinh tế mới, Dự án trồng rừng nguyên liệu. Trong 5 năm, tổng kinh phí từ các dự án đầu tư cho trồng rừng đạt 9 tỷ 712 triệu đồng. Thông qua nguồn vốn hỗ trợ, từ năm 2001-2005, toàn huyện trồng mới được 2.814,49ha (đạt 80,14% kế hoạch đề ra); đặc biệt, diện tích cây hồi tăng nhanh, đến năm 2005 toàn huyện có tổng 3.345ha hồi. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53%¹. Công tác chăm sóc, khoanh nuôi,

1. Trích Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVI nhiệm kỳ 2005-2010, ngày 5/10/2005.

bảo vệ rừng được quan tâm chỉ đạo thường xuyên: Diện tích đất rừng được giao khoán cho các hộ gia đình chăm sóc, hoạt động khai thác rừng được kiểm soát, không để xảy ra cháy rừng trên diện rộng, các trường hợp vi phạm Luật Lâm nghiệp được phát hiện kịp thời và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện chủ trương của huyện về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đến năm 2005, trên địa bàn huyện chưa xây dựng được các cơ sở sản xuất công nghiệp lớn song đã có 3 cơ sở khai thác mỏ chì kẽm ở Côn Minh, mỏ vàng ở Tân An và mỏ Ang-ti-mon ở Lam Sơn. Huyện có 4 cơ sở sản xuất gạch nung, 2 mỏ khai thác đá, 16 cơ sở sản xuất đồ mộc dân dụng, 2 cơ sở chế biến gỗ, bên cạnh đó còn có một số cơ sở xay xát, nghiền thức ăn chăn nuôi gia súc, sửa chữa cơ khí nhỏ. Tổng giá trị sản xuất tiêu thủ công nghiệp trong 5 năm đạt gần 15 tỷ đồng. Hoạt động thương mại - dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống cửa hàng thương nghiệp, vật tư, lương thực huyện luôn đảm bảo phân phối, cung ứng đầy đủ và kịp thời các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là các mặt hàng chính sách như: Dầu, muối, giấy viết, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng đều qua các năm đến năm 2005 đạt 4,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, để hoạt động thương mại, dịch vụ hoạt động ổn định và đảm bảo chất lượng, Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiên quyết xử lý hàng kém chất lượng, hàng buôn lậu, nhập lậu; quản lý giá cả theo quy định Nhà

nước, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về pháp lệnh giá. Đặc biệt, kiểm tra thường xuyên, kịp thời giá cả các mặt hàng chính sách, trợ giá, trợ cước cho đồng bào vùng sâu, vùng xa của Nhà nước.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; huyện tranh thủ các nguồn vốn từ Chương trình 135, định canh định cư, xây dựng cơ bản... cùng sự hỗ trợ của người dân, để sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng cơ sở nông thôn. Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong 5 năm 2001-2005 đạt 247,575 tỷ đồng. Về giao thông, toàn huyện nâng cấp 74 tuyến đường với tổng chiều dài 154km; xây dựng mới 16 cầu các loại, trong đó có 3 cầu cứng Hát Gieng, Hảo Nghĩa, Pác Cáp. Xây dựng mới 41 trường học với 141 phòng học, tập trung chủ yếu ở các phân trường vùng sâu, vùng xa, xây dựng kiên cố 9 trường Mầm non, số phòng học tạm chỉ còn 40/542 phòng. Tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho 5 trung tâm cụm xã: Hảo Nghĩa, Lạng San, Xuân Dương, Cự Lễ và Cường Lợi. Xây mới 2 trạm y tế xã Cường Lợi và xã Lạng San, xây dựng hệ thống điện lưới Quốc gia đến các thôn, bản, 31 công trình thủy lợi cấp nước sinh hoạt... Đến năm 2005, có 22/22 xã, thị trấn có trạm y tế, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới Quốc gia đạt 75%, sử dụng nước sinh hoạt sạch đạt 60%.

Quán triệt quan điểm phát triển kinh tế gắn liền với thực hiện công bằng xã hội, ổn định đời sống cho nhân dân, Đảng bộ và chính quyền huyện đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác định canh định cư,

xây dựng kinh tế mới và chương trình xóa đói giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc, đặc biệt ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa. Thực hiện chương trình định canh định cư cho đồng bào H'Mông và Dao, Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng được 25 điểm định canh, định cư với tổng số vốn đầu tư đạt 2,906 tỷ đồng. Để ổn định và nâng cao đời sống của đồng bào thuộc diện định canh, định cư, huyện cho triển khai 2 dự án phát triển kinh tế - xã hội tại 3 xã Vũ Loan, Kim Hỷ, Lương Thượng; hỗ trợ khai hoang được 19,48ha ruộng, hình thành 45ha nương rẫy cố định; tu sửa 6 công trình thủy lợi nhỏ; tranh thủ nguồn vốn 135 mở đường liên thôn Khuổi Nộc (Lương Thượng), Nà Thác (Đồng Xá), xây dựng thêm một số lớp học và kéo điện lưới Quốc gia đến các bản đặc biệt khó khăn. Đối với công tác xóa đói giảm nghèo, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế, xã hội vùng đặc biệt khó khăn, trong đó, trọng tâm là mục tiêu và giải pháp xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Mặc dù có sự chuyển biến nhất định, song kết quả công tác xóa đói giảm nghèo còn nhiều hạn chế. Theo chuẩn nghèo cũ, năm 2001, toàn huyện còn có 1.881 hộ nghèo, chiếm 25,34% số hộ, đến năm 2005, số hộ nghèo giảm còn 1.307 hộ chiếm 17,6% số hộ. Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo mới, năm 2005, cả huyện còn 54% số hộ nghèo và rất nghèo. Với tỷ lệ hộ nghèo chiếm hơn 50% đặt ra thách thức to lớn cho công tác xóa đói, giảm nghèo của Đảng bộ và chính quyền huyện giai đoạn sau.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, Ban Thường vụ Huyện ủy phát huy vai trò lãnh đạo, huy động tổng hợp các nguồn lực với sự vào cuộc của ban, ngành, đoàn thể các cấp tập trung thực hiện các chương trình, dự án, phong trào điển hình hướng đến mục tiêu nâng cao dân trí, chăm lo sức khỏe và làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân.

Ở các trường, trang thiết bị phục vụ yêu cầu dạy và học theo chương trình sách giáo khoa mới được trang bị đầy đủ. Đội ngũ cán bộ, giáo viên thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Tỷ lệ giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông đạt chuẩn chiếm 97,8%, đạt trên chuẩn chiếm 26%, số giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh đạt gần 20%. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, sự phối kết hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong thực hiện các mục tiêu giáo dục ngày càng chặt chẽ. Năm 2005, có 20/22 xã, thị trấn đạt chuẩn giáo dục phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi, 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập Trung học cơ sở; toàn huyện có 2 trường Tiểu học đạt tiêu chuẩn Quốc gia giai đoạn 1996-2000¹.

Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 25/2/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về xây dựng và phát triển Hội Khuyến học các cấp”, cuối năm 2002, Hội Khuyến học huyện Na Rì được thành lập. Ngay sau khi thành lập,

1. Trích Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVI nhiệm kỳ 2005-2010, ngày 5/10/2005.

được sự quan tâm lãnh đạo của Huyện ủy, Hội bước đầu đã liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội, các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện; phát triển các hình thức dịch vụ học tập để hỗ trợ và khuyến khích việc học tập của thế hệ trẻ và người đã trưởng thành theo quy định của pháp luật. Trong năm học 2004-2005, Hội trao 46 suất học bổng các cấp cho con em thương, bệnh binh, học sinh nghèo hiếu học.

Huyện ủy đặc biệt quan tâm lãnh đạo ngành y tế đẩy mạnh thực hiện chuẩn Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010. Mạng lưới y tế vươn xuống đến các thôn, bản và bước đầu đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tuyến bệnh viện huyện có đủ các phòng, khoa phục vụ cho khám và điều trị bệnh cho nhân dân. Đội ngũ y bác sĩ, cán bộ, viên chức từ cấp huyện xuống đến cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ thường trực; chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được cải thiện; do công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt, trên địa bàn huyện không để xảy ra dịch bệnh nghiêm trọng. Trong chương trình hoạt động, ngành y tế huyện đặc biệt quan tâm triển khai thực hiện các chương trình y tế quốc gia như chương trình tiêm chủng mở rộng, suy dinh dưỡng trẻ em, phòng chống bướu cổ, HIV/AIDS, vệ sinh an toàn thực phẩm... Hàng năm, tỷ lệ tiêm phòng 6 loại vắc-xin cho trẻ dưới 1 tuổi đạt trên 95%; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 31,4% (năm 2001) xuống 27,5% (năm 2005).

Công tác dân số gia đình đạt được những kết quả tốt. Mạng lưới cộng tác viên dân số được kiện toàn đầy đủ và phát huy được hiệu quả. Tỷ suất sinh giảm từ 1,76% (năm 2001) xuống còn 1,486% (năm 2005); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm còn 0,9%; tỷ lệ các cặp vợ chồng sinh con thứ 3 hàng năm bình quân chỉ còn chiếm 3,86%.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, văn nghệ, thể thao được duy trì thường xuyên với nhiều hình thức phong phú nhưng vẫn đảm bảo được an toàn, lành mạnh, tiết kiệm và phát huy được bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc, phục vụ tốt nhu cầu tinh thần của nhân dân. Vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như: ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2), ngày giải phóng miền Nam (30/4), ngày Quốc khánh (2/9)... Huyện ủy chỉ đạo các xã, thị trấn, các khối ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động lưu diễn văn nghệ, thi đấu các môn thể thao như kéo co, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, đá cầu... giữa các đơn vị. Đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, huyện đã lắp đặt thêm 2 trạm thu phát lại sóng truyền hình Trung ương và có khoảng 30% số hộ dân được xem truyền hình từ 4 trạm thu phát lại, 100% các xã, thị trấn có tủ sách pháp luật. Bên cạnh đó, Đài phát thanh truyền hình địa phương thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, truyền tải thông tin về tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh chính trị, quân sự địa phương. Đặc biệt, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai thực hiện sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân và đạt được

kết quả cao. Năm 2005, cả huyện có 30 thôn, bản được công nhận là “Làng văn hóa” cấp tỉnh, có 3.395 hộ đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”.

Về công tác quân sự địa phương, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra trên tất cả các mặt: Tuyển quân, đăng ký nghĩa vụ quân sự, đăng ký bổ sung dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, công tác huấn luyện quân sự, giáo dục kiến thức quốc phòng cho học sinh Trung học phổ thông, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ chủ chốt từ xã, thị trấn đến huyện. Ban Chỉ huy Quân sự huyện duy trì nghiêm chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy. Lực lượng thường trực, lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ đều được tổ chức huấn luyện đầy đủ và đạt chất lượng khá. Hàng năm, các địa phương đều luân phiên nhau tổ chức diễn tập chiến đấu trị an kết hợp với làm đường giao thông, tu sửa các công trình thủy lợi, đạt kết quả tốt và mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự được thực hiện đúng Luật Nghĩa vụ quân sự, đảm bảo chất lượng và đạt 100% chỉ tiêu được giao.

Trong công tác an ninh, Huyện ủy lãnh đạo Công an huyện đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về chiến lược an ninh Quốc gia, Nghị quyết số 09-NQ/CP của Chính phủ về chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy giai đoạn 2001-2005. Cụ thể hóa nghị quyết của cấp trên, Huyện ủy ban hành các chỉ thị về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự địa phương hàng năm



Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân xã Côn Minh năm 2001



Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh chụp ảnh lưu niệm
cùng lãnh đạo huyện Na Rì năm 1997



Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh làm việc tại huyện Na Rì, tháng 01/1997



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm huyện Na Rì (08/02/2003)



Phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm đến thăm trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Na Rì (19/8/2002)



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đến thăm và làm việc
tại huyện Na Rì năm 2008



Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương Hà Thị Khiết
làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì tháng 01/2011



Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XV, nhiệm kỳ 2000-2005



Đại hội Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2005-2010

tướng Hồ Chí Minh, 29 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên, 4 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Bí thư chi bộ, 8 lớp bồi dưỡng Trưởng thôn các thôn bản, 31 lớp tìm hiểu về Đảng, 1 lớp Trung cấp Lý luận chính trị tại chức cho 69 học viên là cán bộ chủ chốt, cán bộ nguồn các xã, cử 24 cán bộ chủ chốt các ban, ngành ở huyện đi học hệ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị.

Đảng bộ huyện lãnh đạo công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng ở các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị từ huyện đến cơ sở; công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện thường xuyên, chỉ đạo chặt chẽ công tác đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ các ban, ngành trong huyện, thực hiện nghiêm túc công tác tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 16 của Thủ tướng Chính phủ. Chuẩn bị tốt, kịp thời các phương án nhân sự Đại hội Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Trong nhiệm kỳ Huyện ủy chỉ đạo kiện toàn 15 cấp ủy cơ sở, 11 phòng, ban ở huyện, bổ nhiệm 17 cán bộ chủ chốt các ngành, luân chuyển cán bộ về củng cố 4 xã.

Bên cạnh đó, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2, khóa VIII) về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Huyện ủy tổ chức các đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong các cấp Đảng bộ. Hàng năm, đều xây dựng các tiêu chí xếp loại tổ chức cơ sở Đảng, phân loại đảng viên, định kỳ đánh giá xếp loại cán bộ, công chức theo quy định. Qua đó, những thiếu sót, vi phạm

của cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng được uốn nắn kịp thời, đoàn kết nội bộ được duy trì, phát huy được sức mạnh và vai trò của tổ chức cơ sở Đảng. Kết quả phân loại tổ chức cơ sở Đảng năm 2004, có 31/46 cơ sở vững mạnh, không có cơ sở yếu kém; một số tổ chức cơ sở Đảng nhiều năm liền đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh như Đảng bộ Ân Tĩnh, Lương Hạ, Công an huyện, Quân sự huyện, các Chi bộ Bản Diều (Lam Sơn), Pàn Châu (Yến Lạc), Bản Giang (Lương Thượng), Nà Lặng (Ân Tĩnh), Bản Lài (Côn Minh). Công tác phát triển Đảng được các cấp bộ Đảng thường xuyên quan tâm nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Trong 5 năm, các cấp bộ Đảng kết nạp được 590 quần chúng ưu tú vào Đảng, xóa được 17/21 thôn chưa có đảng viên, nâng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 2.807 đồng chí, chiếm 7,6% dân số. Cũng trong nhiệm kỳ, toàn Đảng bộ đã xét đổi thẻ, phát thẻ cho 2.540 đảng viên, đạt 100% tổng số đảng viên trong diện¹.

Công tác kiểm tra và bảo vệ chính trị nội bộ luôn được Đảng bộ các cấp coi trọng và tiến hành thường xuyên. Nội dung các đợt kiểm tra tập trung vào việc chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, tuân thủ các nguyên tắc sinh hoạt Đảng, giữ gìn kỷ luật Đảng và quy định những điều đảng viên không được làm. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã tiến hành kiểm tra đầy đủ các tổ chức cơ

1. Trích Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVI nhiệm kỳ 2005-2010, ngày 5/10/2005.

sở Đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm, qua đó xử lý kỷ luật cảnh cáo 2 tổ chức cơ sở Đảng và 58 đảng viên vi phạm (khiển trách: 25 đảng viên, cảnh cáo: 15 đảng viên, cách chức: 2 đảng viên, khai trừ: 16 đảng viên).

Ngày 6/12/2004, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ban hành Chỉ thị số 46-CT/TW *Về tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, ngày 27/3/2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn ban hành Chỉ thị số 40-CT/TU về Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX. Trong năm 2005, công tác xây dựng Đảng của Huyện ủy tập trung vào 2 nhiệm vụ cơ bản: Chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ; Chuẩn bị các nội dung về văn kiện, nhân sự phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI. Quý II năm 2005, Huyện ủy hướng dẫn các Đảng bộ cơ sở hoàn thành chỉ đạo Đại hội chi bộ, quý III năm 2005, các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc hoàn thành công tác tổ chức Đại hội, bầu đoàn đại biểu đại diện cơ sở dự Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI. Tính đến quý III năm 2005, các công tác chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đã hoàn thành.

Trong xây dựng chính quyền, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo củng cố, kiện toàn hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Năm 2002, tổ chức tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội; tiếp đó, năm 2004, tổ chức thành công bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2004-2009, Ủy ban nhân dân cùng các

chức danh chuyên trách. Theo định kỳ, Hội đồng nhân dân huyện đều tổ chức các kỳ họp để thống nhất định hướng phát triển chung của địa phương, tổ chức tốt các cuộc tiếp xúc cử tri, phát huy vai trò là cơ quan quyền lực của nhân dân, thực hiện tốt chức năng giám sát. Thực hiện Nghị quyết 38/CP; Quyết định 181/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính và Quyết định số 172/QĐ-CP về thành lập phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện; huyện đã thực hiện tinh giản biên chế các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, đảm bảo bộ máy chính quyền gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả; đồng thời xây dựng và thực hiện theo quy chế “một cửa” tại huyện, các xã, thị trấn theo đúng thời gian quy định.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đổi mới hoạt động, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và phát huy hơn nữa vai trò trong đời sống xã hội, góp phần quan trọng vào thực hiện thành công các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Mặt trận Tổ quốc là cầu nối giữa Đảng với nhân dân: tập hợp ý kiến của quần chúng nhân dân kiến nghị với cấp ủy, chính quyền địa phương để nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, từ đó có quyết sách giải quyết kịp thời; vận động nhân dân chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc tổ chức tốt công tác hiệp thương, lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử, thể hiện sự dân chủ của quá trình bầu cử và tiếp xúc các cử tri để vận động bầu cử.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng tiếp tục đẩy mạnh các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước. Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, đóng góp xây dựng quỹ “Vì người nghèo”. Hội Phụ nữ tiếp tục thực hiện phong trào: “Phụ nữ vươn lên xóa đói, giảm nghèo”, “Tổ tiết kiệm cho vay vốn”, “Phụ nữ tích cực học tập lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước”. Đoàn Thanh niên sôi nổi với các phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, Hội Cựu chiến binh động viên hội viên phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” gương mẫu trong phát triển kinh tế, giáo dục thế hệ trẻ, giữ vai trò nòng cốt trong nhiều hoạt động. Bên cạnh đó, Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và đoàn thể làm tốt công tác củng cố tổ chức. Trong nhiệm kỳ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hoàn thành Đại hội nhiệm kỳ: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh (2001-2006), Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động huyện (2002-2007), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện (2004-2009).

Nhân dân Na Rì dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đã đoàn kết cùng nhau phát huy các nguồn lực địa phương thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV. Nhờ tích cực tăng gia sản xuất, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào trong sản xuất nên năng suất và sản lượng lương

thực tăng đều qua các năm, đáp ứng được nhu cầu lương thực cho nhân dân. Trật tự an toàn xã hội được giữ vững, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì và thực hiện đã góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân. Qua thực tiễn lãnh đạo và những kết quả đạt được sẽ là động lực và bài học kinh nghiệm để Đảng bộ và nhân dân Na Rì thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhiệm kỳ tới.

III. BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN (2005-2010)

Hòa chung trong không khí hân hoan kỷ niệm 60 năm cách mạng Tháng Tám (8/1945-8/2005) và Quốc khánh (2/9), thực hiện sự Chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy Bắc Kạn về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, từ ngày 03-05/10/2005, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI có 150 đại biểu đại diện cho 2.807 đảng viên về tham dự.

Đại hội đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2001-2005, đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trong 5 năm 2006-2010, thảo luận, góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện của Trung ương và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung - sửa đổi) trình Đại hội X của Đảng, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ IX.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát và 12 mục tiêu cụ thể. Về mục tiêu tổng quát: “Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và

dịch vụ trên cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực về đất đai, tài nguyên, nguồn lao động nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và phát triển bền vững kinh tế, nhanh chóng ổn định, cải thiện từng bước để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Các mục tiêu phấn đấu cụ thể:

- + Đến năm 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 22%/năm, thu nhập bình quân đạt 8,5 triệu đồng/người/năm.

- + Phấn đấu đến năm 2010 sản lượng lương thực đạt 24.200 tấn, bình quân lương thực đầu người được 600kg.

- + Tổng đàn trâu, bò có 40.000 con, đàn lợn có 30.000 con, đàn gia cầm đạt 600.000 con.

- + Hàng năm, trồng mới từ 150-200ha rừng, đến năm 2010, tỷ lệ che phủ rừng đạt 65%.

- + Tổng thu ngân sách đạt 6 tỷ đồng vào năm 2010.

- + Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 11 tỷ đồng; thương mại, dịch vụ đạt 10,5 tỷ đồng.

- + Hoàn thành cơ bản quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng thị trấn Yên Lạc, các xã Côn Minh, Hảo Nghĩa, Lạng San, Xuân Dương, Cường Lợi và Cư Lễ. Quy hoạch xong và tiến hành đầu tư xây dựng mạng lưới giao thông liên xã và hệ thống thủy lợi trong toàn huyện.

- + Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 còn 10%.

- + Các phòng học 100% được xây dựng từ cấp 4 và tương đương trở lên; có 95% số hộ dân được sử dụng

nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 92% số hộ được sử dụng điện lưới Quốc gia.

+ Đến năm 2010, có thêm 5 trường học, 5 trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia, 1 trường Trung học cơ sở chất lượng cao, 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ; có ít nhất 50% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học phổ thông. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi các cấp đạt từ 25%-30%; tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1 đạt 99%, vào Trung học phổ thông đạt 80%; giữ tỷ suất sinh thô là 11‰; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn 10%. Hàng năm có 50% thôn, bản đạt tiêu chuẩn Làng văn hóa, 80% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa.

+ Bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm tốt công tác quân sự quốc phòng, quân sự địa phương. Kiểm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông.

+ Hàng năm có trên 85% tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng đạt trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế, tăng cường trách nhiệm, hiệu quả của lãnh đạo, công nhân viên chức các cấp, nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm giao dịch “một cửa”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVI gồm 37 đồng chí. Ngày 04/10/2005, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện họp phiên đầu tiên bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 10 đồng chí. Đồng chí Nông Văn Lung được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nông Văn Phách được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường

trực Huyện ủy¹, đồng chí Vũ Đình Chiểu được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện²; các đồng chí Dương Quý Vượng, Hoàng Đức Chính, Ma Quang Tuấn, Nông Đức Chiến, Đàm Văn Nghị, Nguyễn Thị Biên, Hoàng Văn Giáp là Ủy viên Ban Thường vụ.

Từ ngày 18-21/12/2005, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ IX được tổ chức. Đại hội tập trung kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội và hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII; kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2, khóa VIII); thảo luận góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội X của Đảng và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho nhiệm kỳ 2005-2010.

Tiếp đó, tháng 4/2006, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng được tiến hành tại Hà Nội với chủ đề: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của*

1. Tháng 3/2006, đồng chí Nông Văn Kỳ - Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch UBND huyện được chỉ định tham gia Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy thay đồng chí Nông Văn Phách nghỉ chế độ hưu trí. Tháng 12/2007, đồng chí Lưu Văn Quảng được Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

2. Tháng 9/2007 đồng chí Vũ Đình Chiểu chuyển công tác, tháng 11/2007 đồng chí Nông Văn Kỳ được Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND huyện.

Đảng, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, Đại hội tổng kết và đánh giá tình hình thực tiễn sau 20 năm đổi mới; đưa ra nhiều quyết sách quan trọng định hướng cho sự nghiệp xây dựng đất nước trong giai đoạn mới, đặc biệt Đại hội nhấn mạnh “đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân”.

Quán triệt Nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI, Đảng bộ và chính quyền huyện lãnh đạo, chỉ đạo các ban, ngành chức năng chuyên môn các cấp, chính quyền các xã, thị trấn cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết để xây dựng chương trình hành động cụ thể.

Trong phát triển nông nghiệp, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện phân vùng trồng trọt, chăn nuôi theo quy hoạch về các vùng trọng điểm thâm canh sản xuất nông sản hàng hóa để khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương; tích cực áp dụng các tiên bộ kỹ thuật, các giống mới cho năng suất cao vào sản xuất; đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thu hút vốn đầu tư và huy động sự đóng góp của nhân dân đầu tư cho thủy lợi, tiếp tục kiên cố hóa chương trình kênh mương nội đồng, khai thác, sử dụng có hiệu quả các ao, hồ, mương, đập, nguồn nước tự nhiên phục vụ sản xuất; khuyến khích đầu tư thâm

canh, cơ giới hóa nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu cây trồng để đảm bảo an ninh lương thực, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của nhân dân, nhờ đó sản xuất nông nghiệp có những chuyển biến tích cực.

Tổng diện tích gieo trồng tăng đều qua các năm. Năm 2006, toàn huyện trồng được 7.092,67ha cây trồng các loại, đến năm 2009 tăng lên 8.350,6ha; bình quân hàng năm diện tích gieo trồng đạt 8.040ha, trong đó diện tích trồng cây lương thực bình quân đạt 6.755ha. Năng suất lúa bình quân đạt 42,1 tạ/ha/năm, tăng 3,87% so với năm 2005, năng suất ngô đạt 31,21 tạ/ha, tăng 20% so với năm 2005. Tổng sản lượng lương thực năm 2009 đạt 27.505,8 tấn, vượt 4,21% so với mục tiêu Đại hội. Bình quân lương thực đầu người năm 2009 đạt 740kg, vượt 23,3% so với Nghị quyết Đại hội. Với mức bình quân lương thực đầu người khá cao, về cơ bản, huyện Na Rì đã giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói. Tỷ lệ sử dụng các giống lai năng suất cao, chất lượng tốt vào trong sản xuất như giống lúa lai Tạp giao 1, Hai dòng, Nghi hương, giống ngô lai NK54, NK4300, CP888 ngày càng cao. Năm 2009, tỷ lệ sử dụng giống lúa tăng lên 63,2%, ngô lai đạt 95%¹.

Bên cạnh phát triển cây trồng chủ lực là lúa và ngô, Huyện ủy chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh trồng

1. Trích Báo cáo số 82/BC-UBND tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2006, phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ năm 2007, ngày 13/11/1006; Báo cáo Chính trị số 01/ĐH Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015, ngày 14/7/2010.

thêm các loại cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, xây dựng các công thức luân canh mang lại hiệu quả thiết thực và giá trị kinh tế cao như: Dong riêng hoặc dong riêng xen ngô; thuốc lá xuân - lúa mùa hoặc ngô mùa; công thức rau 3 vụ; lúa mùa - rau vụ đông; lúa xuân - lúa mùa - khoai tây, từ đó phát huy hiệu quả thực hiện chương trình cánh đồng 50 triệu đồng/ha/năm. Đến năm 2009, toàn huyện thực hiện được 976ha (vượt 39,5% kế hoạch), trong đó diện tích nghiệm thu đạt giá trị từ 50 triệu đồng trở lên là 565ha, chiếm 57,89% diện tích thực hiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế nhất định. Năm 2006, toàn huyện có 277,88ha diện tích cây trồng bị ảnh hưởng do hạn hán, lũ lụt, trong đó diện tích mất trắng không cho thu hoạch là 74,1ha; năm 2009, có 655,1ha diện tích cây trồng bị mất trắng do lũ lụt và hạn hán. Hệ số quay vòng sử dụng đất còn thấp, mới đạt 1,8 lần. Diện tích trồng các cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày có tăng nhưng còn thấp, chưa phát huy được hết hiệu quả kinh tế.

Chăn nuôi được Huyện ủy xác định là động lực chính thúc đẩy kinh tế nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác, góp phần vào thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo của địa phương. Phương hướng phát triển chăn nuôi được xác định là chú trọng tập trung phát triển đại gia súc, đẩy mạnh các biện pháp kỹ thuật để tăng trọng lượng vật nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, trong 2 năm 2006-2007, ngành chăn nuôi giữ được nhịp độ tăng trưởng khá. Đến năm 2008-2009, chăn nuôi gia súc trên địa bàn huyện chững lại và đi xuống, nguyên nhân do dịch bệnh, thời tiết diễn biến phức tạp, chất lượng con giống không đảm bảo. Nếu như chăn nuôi gia súc, gia cầm có nhiều biến động, nuôi trồng thủy sản tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng và bước đầu đem lại hiệu quả kinh tế cho nhiều hộ gia đình. Tại một số xã, thị trấn đã vận động được nhân dân tận dụng chân ruộng 1 vụ nuôi cá tăng thêm thu nhập. Năm 2009, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 187ha, tăng 59ha so với năm 2005, sản lượng bình quân đạt 30 tạ/ha, giá trị đạt 120 triệu đồng/ha¹.

Về lâm nghiệp, để phát huy nguồn lợi từ rừng, tạo nguồn thu nhập và ổn định đời sống cho đồng bào thuộc diện định canh định cư, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển lâm nghiệp, đẩy mạnh công tác trồng rừng, đặc biệt ở các xã Đồng Xá, Côn Minh, Liêm Thủy, Hảo Nghĩa, Cường Lợi, Kim Lư, Lam Sơn. Trong nhiệm kỳ, toàn huyện trồng được 1.728ha rừng, bình quân mỗi năm trồng được 432ha, vượt 16% mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra, nâng độ che phủ rừng lên 66%. Công tác trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng hàng năm được thực hiện tốt, hoạt động khai thác rừng trồng được

1. Báo cáo Chính trị số 01/DH Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015, ngày 14/7/2010.

kiểm soát chặt chẽ. Trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, huyện đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ và phát triển rừng; ký cam kết trong nhân dân; thành lập tổ công tác, đoàn kiểm tra truy quét, chốt chặn để ngăn chặn tình trạng khai thác rừng trái phép, đặc biệt tại các khu vực điểm nóng giáp với tỉnh Lạng Sơn như: Xuân Dương, Liêm Thủy, Hảo Nghĩa, Cư Lễ, Dương Sơn. Trong nhiệm kỳ, đã phát hiện và xử lý 648 vụ việc, trong đó khởi tố hình sự 22 vụ, tịch thu 356m³ gỗ các loại cùng một số tang vật khác.

Cùng với phát triển nông - lâm nghiệp, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ của huyện có bước phát triển khá. Trong nhiệm kỳ, trên địa bàn huyện có 343 cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hoạt động chủ yếu trên các lĩnh vực: Khai thác vàng, đá, cát sỏi; sản xuất gạch nung; chế biến nông - lâm sản; dịch vụ may mặc; đồ mộc dân dụng; sửa chữa cơ khí nhỏ. Tổng giá trị sản xuất năm 2009 đạt 152,7 tỷ đồng, bằng 76,12%. Về thương mại, dịch vụ, các mặt hàng phong phú, đa dạng, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, tiêu thụ của nhân dân; các mặt hàng chính sách thiết yếu được Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Na Rì thực hiện đầy đủ, đúng giá quy định, phục vụ kịp thời nhu cầu cho đồng bào các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

Công tác thu ngân sách Nhà nước đạt được sự tăng trưởng đều qua các năm. Từ năm 2006-2009, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện đạt 41,440 tỷ đồng, bình quân mỗi năm thu tăng 28%, vượt 13% so với mục

tiêu Nghị quyết Đại hội. Nguồn tiền từ thu ngân sách góp phần đáng kể vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt trong công tác xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng hạ tầng cơ sở. Hoạt động chi ngân sách đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước, cơ bản đáp ứng kịp thời nhu cầu chi thường xuyên và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng - kinh tế xã hội. Hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách ở cấp huyện và các đơn vị cơ sở dự toán theo đúng Luật Ngân sách và kế hoạch được giao. Thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng chống tham nhũng trong quản lý, sử dụng ngân sách. Toàn huyện có 11/24 đơn vị dự toán thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

Hoạt động tài chính, tín dụng đảm bảo tốt hoạt động và phát huy tác dụng tích cực trong phát triển kinh tế, xã hội. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện ưu tiên đầu tư cho vay vốn phát triển sản xuất, tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh, qua đó giúp 350 hộ dân vươn lên thoát nghèo. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đáp ứng cơ bản vay vốn phát triển kinh tế của các hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, trong nhiệm kỳ đã cho 5.719 hộ vay vốn với tổng số vốn đạt 78,919 tỷ đồng để phát triển chăn nuôi trâu, bò.

Kết cấu hạ tầng thiết yếu được tăng cường đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn tranh thủ từ Chương trình

135, vốn phân bổ theo kế hoạch, vốn tài trợ, vốn đầu tư của các cá nhân, tổ chức trong, ngoài nước và sự đóng góp của nhân dân, qua đó góp phần quan trọng vào thay đổi diện mạo nông thôn theo hướng hiện đại hóa. Tổng nguồn vốn đầu tư trong 5 năm đạt 1.064,813 tỷ đồng, tăng 330% so với nhiệm kỳ 2000-2005. Với nguồn vốn được phân bổ và thu hút được, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lãnh đạo thực hiện được 41 công trình giao thông, trong đó tập trung chủ yếu vào giao thông nông thôn; xây mới và nâng cấp 20 công trình thủy lợi, phục vụ nước tưới cho gần 539ha đất ruộng và hoa màu; xây dựng 6 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia và bệnh viện huyện quy mô 100 giường bệnh; xây dựng 2 khu tái định cư cho 120 hộ dân, 8 công trình đường dây điện 0,4kV và 3,5kV... Trong đó có nhiều công trình trọng điểm có tổng số vốn đầu tư lớn như: Đường Hào Nghĩa - Liêm Thủy, đường nội thị - Yên Lạc; hồ chứa nước Khuổi Khe, Sum Ngược; công trình Bệnh viện huyện; khu tái định cư xã Lạng San, Lương Thượng; công trình cấp nước sinh hoạt Nậm Thiều (Yên Lạc).

Những kết quả đạt được trên lĩnh vực kinh tế - tài chính, xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đã có tác động tích cực đến các hoạt động văn hóa - xã hội; đặc biệt, nhân tố con người thường xuyên được chăm lo, bồi dưỡng.

Quán triệt sâu sắc quan điểm Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, Ban Chấp hành Đảng bộ

huyện quán triệt tinh thần của Nghị quyết đến các Đảng bộ, chi bộ cơ sở và các nhà trường trong toàn huyện, từng bước xã hội hóa công tác giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục về cả số lượng và chất lượng. Nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục và các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục được chú trọng. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học thường xuyên được xây dựng, bổ sung mới, chính sách hỗ trợ các em học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con em đồng bào các dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện. Qua đó, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của huyện. Trong 5 năm, tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1, lớp 6 đạt 100% và đạt 85% đối với bậc Trung học phổ thông; số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học chiếm 98,1%, Trung học cơ sở chiếm 97,2% và tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 61%. Toàn huyện xây dựng được 4 trường Tiểu học và 3 trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia, tăng 2 trường so với mục tiêu Đại hội đề ra. Cùng với đó, từ năm 2006-2009, huyện Na Rì có 283 học sinh thi đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng chuyên nghiệp, 194 học sinh vào các trường Trung cấp, cử tuyển 43 người đi học đại học.

Bên cạnh phát triển các trường, lớp thuộc hệ giáo dục chính quy, huyện chủ trương tiếp tục phát triển Trung tâm học tập cộng đồng ở các xã, thị trấn để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thuộc mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên; được phổ biến kiến thức và sáng kiến kinh nghiệm trong sản xuất và cuộc sống, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng năng suất lao động, giải

quyết việc làm; thực hiện phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến người dân. Đến năm 2010, có 100% xã, thị trấn tổ chức được trung tâm học tập cộng đồng và thực hiện có hiệu quả công tác xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, củng cố chất lượng phổ cập giáo dục; phối hợp triển khai các chương trình khuyến nông, khuyến lâm tại địa phương.

Công tác khuyến học tiếp tục phát triển. Toàn huyện thành lập được 298 Chi hội Khuyến học với 6.328 hội viên. Hội Khuyến học huyện tích cực nâng cao chất lượng hoạt động thi đua khen thưởng học sinh, thúc đẩy xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học. Hội xây dựng được quỹ hội ở huyện và các cơ sở với hơn 150 triệu đồng phục vụ cho công tác thi đua khen thưởng, thúc đẩy chất lượng giáo dục.

Mạng lưới y tế của huyện phát triển đồng bộ từ tuyến bệnh viện huyện xuống đến cơ sở y tế ở các xã, thị trấn về cả cơ sở vật chất và chất lượng đội ngũ y, bác sĩ. Trong nhiệm kỳ, bệnh viện huyện được xây dựng mới với 100 giường bệnh; có 12/22 trạm y tế xã có bác sĩ, tăng 5 trạm y tế so với năm 2005 và đạt 54,5% mục tiêu Nghị quyết Đại hội, có 6 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Với sự tăng cường về cơ sở vật chất, chất lượng các y bác sĩ, hoạt động khám chữa bệnh cho người dân có nhiều tiến bộ. Cùng với thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cũng chỉ đạo ngành y tế các cấp triển khai thực hiện nghiêm túc các chương trình Quốc gia về y tế, qua đó nhiều chỉ số sức khỏe được cải thiện. Hàng năm, trẻ dưới 1 tuổi được

tiêm chủng đầy đủ 7 loại vắc-xin đạt 96,3%; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đến năm 2010 còn 19%.

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình có nhiều đổi mới theo hướng đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức, qua đó vừa bám sát, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện vừa đáp ứng được nhu cầu tinh thần của nhân dân. Quán triệt Nghị quyết lần thứ X của Đảng (4/2006): “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”, Huyện ủy lãnh đạo toàn dân đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Đến năm 2010, trên địa bàn huyện có 39 Làng văn hóa và 5.012 hộ gia đình đạt Gia đình văn hóa.

Cùng với đó, nhiều phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động phát thanh được duy trì và phát triển rộng khắp từ thị trấn, trung tâm huyện đến cả vùng sâu, vùng xa. Vào các dịp lễ kỷ niệm lớn, ngày tết, ngày hội, đội văn nghệ của các xã thường xuyên tổ chức biểu diễn, giao lưu với nhau; các môn thể thao như bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, đá cầu, trò chơi dân gian... được tổ chức thi đấu thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Để phát huy và lan tỏa tinh thần thể dục - thể thao đến người dân, năm 2009, huyện tổ chức thành

công Đại hội thể dục - thể thao lần thứ 4. Công tác phát thanh - truyền hình xây dựng được nhiều bản tin, phóng sự phản ánh tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương, các trạm tiếp sóng thường xuyên duy trì thời lượng tiếp sóng chương trình Đài truyền hình Việt Nam và chương trình truyền hình địa phương theo lịch quy định. Trong nhiệm kỳ, huyện tiến hành lắp đặt 21 trạm truyền thanh, gồm 187 cụm loa cho 80,25% các thôn, bản; tỷ lệ hộ xem truyền hình đạt 87%.

Công tác giải quyết các vấn đề xã hội được Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm lãnh đạo thực hiện, trọng tâm là công tác xóa đói giảm nghèo. Ban Thường vụ Huyện ủy xác định, để giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo và hạn chế tình trạng tái nghèo cần phát huy tối đa các nguồn lực của địa phương, tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua các Chương trình 134, 135 và các nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài. Dưới sự lãnh đạo tập trung của Huyện ủy, sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp, các hộ nghèo được tạo điều kiện vay vốn và tư vấn sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo. Trong nhiệm kỳ, huyện hỗ trợ làm mới 722 ngôi nhà, đầu tư khai hoang 145ha ruộng, 4 công trình nước sinh hoạt tập trung và 1.194 công trình nước sinh hoạt phân tán cho các hộ gia đình nghèo trên địa bàn; đến năm 2009, tỷ lệ hộ nghèo còn chiếm 24,26% (đạt 73,1% mục tiêu Đại hội. Đối

với công tác định canh định cư, giai đoạn 2006-2010, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác vận động đồng bào kết hợp với xây dựng cơ sở hạ tầng tại 2 khu tái định cư tập trung tại Lạng San và Lương Thượng cho 120 hộ đồng bào dân tộc thiểu số¹. Với những kết quả đạt được từ công tác xóa đói giảm nghèo và chương trình tái định cư, các hộ gia đình được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận với các dịch vụ xã hội một cách bình đẳng và thụ hưởng các thành quả của công cuộc đổi mới, nhờ đó góp phần từng bước thay đổi diện mạo nông thôn.

Công tác an ninh, quốc phòng được tăng cường. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về “Chiến lược bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”, Huyện ủy lãnh đạo lực lượng an ninh làm tốt công tác an ninh trên địa bàn, kết hợp với đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và củng cố hoạt động của các tổ an ninh nhân dân. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” thực hiện được 399 lượt ở các thôn bản, thu hút được 16.600 lượt người dân tham gia; duy trì hoạt động thường xuyên của 233 tổ an ninh kiêm tổ hòa giải ở các thôn. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao cảnh giác cách mạng cho đảng viên và quần chúng, góp phần làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch được. Các hiện tượng, nguy cơ gây mất ổn định như di cư tự

1. Báo cáo Chính trị số 01/ĐH Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015, ngày 14/7/2010.

do, tuyên truyền đạo trái phép... được ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả. Nhìn chung, tình hình an ninh trật tự được giữ vững, hàng năm tỷ lệ khám phá án đạt 86,2%, trong đó các vụ trọng án đạt 100%, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh nông thôn và Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước. Tuy nhiên, các hiện tượng trộm cắp, nghiện hút, vi phạm Luật Giao thông đường bộ có chiều hướng gia tăng; hiện tượng truyền đạo trái pháp luật còn diễn biến phức tạp.

Trong công tác quốc phòng - quân sự: hàng năm, Ban Thường vụ Huyện ủy đều ban hành nghị quyết về nhiệm vụ quốc phòng - quân sự của địa phương. Tư tưởng chỉ đạo chung là đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng quân đội thường trực, lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và diễn tập chiến đấu trị an tại 22 xã, thị trấn được tổ chức theo kế hoạch. Hàng năm, tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ đạt 98,7% quân số trở lên, động viên, kiểm tra lực lượng dự bị đạt 100%. Năm 2009, số lượng đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ chiếm 20% quân số, trong lực lượng dự bị chiếm 13,68%. Cũng trong nhiệm kỳ, thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TU ngày 11/3/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về diễn tập khu vực phòng thủ huyện Na Rì”, Huyện ủy đã lãnh đạo tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện và đạt loại khá. Đối với công tác giao nhận thanh niên làm nghĩa vụ quân sự, tính chung trong 5 năm, toàn huyện có hơn 300 thanh

niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, chủ yếu tại Sư đoàn 346 (Quân khu I) và Lữ đoàn 144 Bộ Tổng tham mưu.

Đi đôi với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng địa phương, Huyện ủy cũng đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ huyện là tăng cường củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, các cấp ủy Đảng tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt và phổ biến rộng rãi đến cán bộ, đảng viên Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI cùng các Nghị quyết hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và các nghị quyết Hội nghị Trung ương được Huyện ủy xây dựng thành chương trình hành động và kế hoạch cụ thể để lãnh đạo thực hiện. Tổng số đảng viên tham gia học tập đạt 89,4%. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Huyện ủy đặc biệt quan tâm lãnh đạo thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo tinh thần Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị bằng các kế hoạch cụ thể như: Học tập chuyên đề “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”, tổ chức tốt hội

thi “Kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, học tập chuyên đề. Sau 4 năm thực hiện, toàn Đảng bộ tổ chức được 145 buổi học tập các chuyên đề về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thu hút 9.065 lượt đảng viên và 14.414 lượt quần chúng tham dự. Thông qua cuộc vận động, cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về những giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tạo được chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, từ đó mỗi cán bộ, đảng viên có cái nhìn toàn diện, cụ thể hơn về đạo đức, lối sống, nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân trong công tác tu dưỡng, rèn luyện, thực hành về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm chính bằng những việc làm cụ thể. Qua thực tiễn thực hiện cuộc vận động, toàn huyện có 7 tập thể và 35 cá nhân được huyện và tỉnh khen thưởng về làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Cùng với công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng, Huyện ủy đặc biệt quan tâm xây dựng Đảng về mặt tổ chức. Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo thực hiện sáp nhập, thành lập một số phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; kiện toàn, bổ sung 6 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, các Ủy viên Ban Chấp hành và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; giới thiệu nhân sự Đại hội Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể khác; kịp thời chỉ đạo bầu kiện toàn cấp ủy, lãnh đạo chủ chốt các xã... Cũng trong nhiệm kỳ, toàn Đảng bộ huyện thành lập thêm 8 tổ chức cơ sở Đảng, tách được 36 chi bộ ghép. Công

tác phát triển đảng viên cũng được tăng cường. Trong 5 năm, Đảng bộ huyện mở được 30 lớp bồi dưỡng nhận thức Đảng cho 1.285 đoàn viên, kết nạp 864 đảng viên mới, xóa bỏ tình trạng thôn “trắng đảng viên”. Năm 2010, toàn Đảng bộ huyện có 3.544 đảng viên (chiếm 9,5% dân số) sinh hoạt trong 56 tổ chức cơ sở Đảng. Tuy nhiên, số tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh hàng năm thấp khi chỉ đạt 56,6% mục tiêu Đại hội. Số cơ sở Đảng yếu kém còn chiếm 2%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được chú trọng. Từ năm 2006-2010, 146 cán bộ đương chức, cán bộ nguồn các xã, thị trấn và các ngành ở huyện được cử đi học hệ trung cấp lý luận; có 13 cán bộ đi học hệ cử nhân và cao cấp lý luận chính trị. Bên cạnh đó, Đảng bộ huyện mở được 12 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho 850 đảng viên dự bị; mở 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng cho 46 đồng chí Bí thư, Phó Bí thư các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc; mở 2 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 122 đồng chí Bí thư chi bộ thôn, bản.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng được xác định là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của các cấp ủy Đảng. Ngay sau Đại hội Đảng bộ các cấp, cấp ủy Đảng, Ủy ban Kiểm tra đã xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm và cả nhiệm kỳ. Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành kiểm tra, giám sát toàn diện 24 lượt ở 24 cấp ủy cơ sở, giám sát chuyên đề 4 lượt, kiểm tra theo

chuyên đề 8 lượt; Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy thực hiện kiểm tra 26 lượt, giám sát 7 lượt. Qua các cuộc kiểm tra, giám sát toàn diện và giám sát chuyên đề, các cấp ủy Đảng đã xử lý kỷ luật 40 đồng chí đảng viên vi phạm, trong đó: Khiển trách 22 đồng chí, cảnh cáo 10 đồng chí, cách chức 3 đồng chí, khai trừ 5 đồng chí. Đánh giá chung, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện đúng quy trình, đánh giá đúng thực trạng, kịp thời phát hiện những sai sót và yêu cầu khắc phục; công tác thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện đúng nguyên tắc, đảm bảo tính răn đe và giáo dục, góp phần giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Song bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát ở một số cơ sở Đảng chưa được quan tâm đúng mức; cán bộ kiểm tra, giám sát còn ngại va chạm, năng lực chuyên môn hạn chế.

Thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Huyện ủy ban hành Kế hoạch về tổ chức đại hội Đảng bộ, chi bộ cơ sở tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ XVII của Đảng bộ huyện Na Rì. Đến quý II năm 2010, các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc đã hoàn thành công tác tổ chức Đại hội nhiệm kỳ.

Thông qua các mặt công tác, Huyện ủy đẩy mạnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức mình.

Hội đồng nhân dân các cấp phát huy vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý

chí, nguyện vọng của nhân dân, là cơ quan giám sát Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban hành. Qua đó có những phản hồi kịp thời để các bên liên quan xem xét, khắc phục những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại. Trong các kỳ họp, công tác chuẩn bị luôn được thực hiện chu đáo, nội dung chương trình tập trung vào giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, thực thi các chính sách, pháp luật, công tác quốc phòng an ninh... Bên cạnh đó, hoạt động tiếp xúc, trả lời ý kiến cử tri được thực hiện nghiêm túc, các đại biểu phát huy được vai trò của mình và trách nhiệm trước nhân dân.

Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng và thực hiện đúng quy chế làm việc. Các chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy đều được Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện nghiêm túc. Bằng các biện pháp khác nhau, Ủy ban nhân dân phát huy được vai trò và thực hiện có hiệu quả các hoạt động như: Chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế - xã hội; quản lý, bảo vệ rừng; thu ngân sách; xây dựng cơ bản; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai... Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới được quan tâm thường xuyên. Trong nhiệm kỳ, có 47 công chức được cử đi đào tạo chuyên môn, 108 người đi bồi dưỡng quản lý Nhà nước. Thực hiện tốt quy chế dân

chủ ở cơ sở theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc giải quyết các công việc liên quan đến thủ tục hành chính, giảm bớt chi phí và thời gian đi lại của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng phối hợp chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động toàn dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; tập trung tuyên truyền và phối hợp tổ chức thành công bầu cử Quốc hội khóa XII; vận động toàn dân thực hiện các phong trào thi đua lao động sản xuất và giúp nhau phát triển kinh tế thông qua các chương trình tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật, tín chấp vay vốn, phân bổ cho các hội viên. Mặt trận Tổ quốc huyện xây dựng được 107 nhà đại đoàn kết, ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” hơn 200 triệu đồng, phối hợp chỉ đạo xây dựng được 68 khu dân cư tiên tiến. Hội Nông dân thực hiện tốt phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; Hội Phụ nữ tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ xây dựng “Mái ấm tình thương” cho phụ nữ nghèo; Đoàn Thanh niên đặt trọng tâm thực hiện 2 phong trào lớn: “5 xung

kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”. Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp như Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu giáo chức, Hội Đông y được cấp ủy quan tâm, đã từng bước đi vào hoạt động và phát huy tác dụng tích cực, góp phần phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Bên cạnh đó, Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và đoàn thể làm tốt công tác củng cố tổ chức. Trong nhiệm kỳ, Hội Nông dân kết nạp mới 960 hội viên; Hội Phụ nữ kết nạp mới 1.541 hội viên, nâng tổng số hội viên lên 6.433 người (chiếm 74,2% tổng số chị em phụ nữ); Đoàn Thanh niên phát triển được hơn 1.000 đoàn viên mới; Hội Cựu chiến binh kết nạp mới 166 hội viên, nâng tổng số hội viên lên 1.704 hội viên, đạt tỷ lệ 78,7%. Năm 2007, Huyện ủy Chỉ đạo Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên các cấp hoàn thành Đại hội nhiệm kỳ 2007-2012, năm 2008, chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện hoàn thành đại hội nhiệm kỳ 2008-2013.

Sau 5 năm 2006-2010 đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn dù còn những hạn chế, yếu kém nhất định, nhưng các kết quả Đảng bộ và nhân dân huyện Na Rì đạt được là cơ bản: Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, các ngành tiểu thủ công nghiệp khởi sắc đã tạo thêm việc làm cho nhân

dân địa phương; các hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến, hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, hiệu quả lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội được nâng cao, an ninh, quốc phòng được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng được nâng cao

IV. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, BƯỚC ĐẦU TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010-2015)

Thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, từ ngày 12-14/7/2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010-2015 được tổ chức với sự tham dự của 170 đại biểu ưu tú đại diện cho 3.544 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội vinh dự được đón đồng chí Nguyễn Xuân Cường - Bí thư Tỉnh ủy cùng các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo các Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần XVI và đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2010-2015; góp ý kiến vào dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội lần thứ XI của Đảng, văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ X; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ X.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2010-2015: Thực hiện cơ cấu kinh tế nông nghiệp - lâm nghiệp - công nghiệp và dịch vụ, trong đó tập trung đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tạo sự chuyển dịch nhanh về kinh tế cơ cấu kinh tế, tích cực chỉ đạo phát triển các cây trồng mà huyện có lợi thế thành vùng sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp, ra sức xây dựng nông thôn mới, động viên nhân dân phát huy nội lực thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra các mục tiêu cụ thể phấn đấu thực hiện đến năm 2015:

Trong phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ: Tổng diện tích gieo trồng mỗi năm tăng 100ha và đạt trên 9.000ha, trong đó diện tích trồng cây lương thực đạt 7.000ha vào năm 2015; tổng sản lượng lương thực có hạt 30.000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 780kg. Số lượng đàn trâu, bò, ngựa đạt 22.500 con, đàn lợn 25.000 con, đàn gia cầm 250.000 con, diện tích nuôi trồng thủy sản 200ha. Mỗi năm trồng mới 1.700ha rừng, nâng độ che phủ lên 68% vào năm 2015. Giá trị sản xuất tiểu thủ đến năm 2015 đạt 12,5 tỷ đồng, giá trị kinh doanh thương mại và dịch vụ đạt 43 tỷ đồng.

Về công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi;

hoàn thiện, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, trụ sở làm việc các xã, các trạm y tế, trường học, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, lưới điện nông thôn, khu tái định cư tập trung. Đến năm 2015 có tỷ lệ các hộ được sử dụng điện lưới Quốc gia đạt 98%, sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 70%.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, phần đầu tỷ lệ chuyển lớp đạt 95%, chuyển cấp 98% và tốt nghiệp lớp 12 đạt 70%, có thêm 7 trường học đạt chuẩn Quốc gia. Có thêm 8 trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế và 100% các trạm y tế đều có bác sĩ, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi được tiêm phòng và uống đầy đủ các loại vắc-xin đạt 95%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng mỗi năm giảm 1%. Đến năm 2015, số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa chiếm 65%, có 45% Khu dân cư tiên tiến, 25% Làng văn hóa.

Về công tác an ninh - quốc phòng: Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kiểm chế, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tỷ lệ khám phá án đạt trên 85%, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm Luật Quản lý, bảo vệ rừng và Luật Tài nguyên khoáng sản; phần đầu đạt 100% kế hoạch về tuyển quân và huấn luyện, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng.

Trong xây dựng hệ thống chính trị: Phần đầu hàng năm có trên 80% tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và vững mạnh toàn diện, đến cuối nhiệm kỳ không còn

chi bộ nông thôn sinh hoạt ghép, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy dân chủ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII, nhiệm kỳ 2010-2015 gồm 39 đồng chí¹. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 10 đồng chí: Đồng chí Nông Văn Lung được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy², đồng chí Lưu Văn Quảng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy³, đồng chí Nông Văn Kỳ được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy - được Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện⁴, các đồng

1. Tháng 7/2014, đồng chí Đồng Văn Lưu được Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư phụ trách tổ chức cơ sở Đảng. Đến tháng 5/2015 đồng chí Đồng Văn Lưu chuyển công tác.

2. Tháng 6/2015, đồng chí Nông Văn Lung chuyển công tác, Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Chung Thị Biền tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

3. Tháng 04/2012, đồng chí Lưu Văn Quảng chuyển công tác, đồng chí Nông Đức Chiến được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

4. Tháng 8/2013, đồng chí Nông Văn Kỳ chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Hữu Thắng được Tỉnh ủy chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Phó Bí thư, được HĐND huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND huyện.

chí: Hoàng Thị Dung, Nông Đức Chiến, Hoàng Văn Nhạn, Hoàng Đình Nga, Nguyễn Văn Dương, Trần Mỹ Quân, Nông Danh Hiến là Ủy viên Ban Thường vụ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy tăng cường công tác lãnh đạo chính quyền, ban, ngành chức năng các cấp xây dựng kế hoạch triển khai trên các lĩnh vực cụ thể, tăng cường các giải pháp hỗ trợ người dân, tiến tới thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội đề ra.

Trong phát triển nông nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo ưu tiên tập trung vốn ngân sách và huy động sự đóng góp về sức người, sức của của nhân dân thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân theo Kết luận Hội nghị Trung ương 7 (khóa X); thực hiện quy hoạch phân vùng sản xuất nông nghiệp và tiến hành xây dựng các vùng trọng điểm thâm canh sản xuất nông sản hàng hóa như: phát triển cây thuốc lá ở các xã Đồng Xá, Hảo Nghĩa, Dương Sơn, Hữu Thác, tăng nhanh diện tích trồng cây dong riềng ở Kim Lư, Cường Lợi và các xã phía Nam, mở rộng diện tích cây màu ở các xã Lương Thượng, Vũ Loan, Đồng Xá, Côn Minh, Lam Sơn; xây dựng các công thức luân canh ổn định, có hiệu quả để chỉ đạo thực hiện thống nhất chương trình cánh đồng 70 triệu đồng/ha/năm; cung ứng đầy đủ, kịp thời các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương và thực hiện tốt dịch vụ vật tư nông nghiệp, công tác thú y; tích cực hỗ trợ vốn, chuyển giao các tiến bộ khoa học

kỹ thuật cho nông dân ứng dụng vào trong trồng trọt, chăn nuôi và tìm thị trường tiêu thụ cho các mặt hàng nông nghiệp, chăn nuôi... Nhờ đó, ngành nông nghiệp của huyện tiếp tục đạt được những bước phát triển khá.

Diện tích gieo trồng các loại cây lương thực có hạt và sản lượng lương thực tiếp tục được giữ vững, tăng trưởng qua các năm và so với nhiệm kỳ trước, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực địa phương. Năm 2015, diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 7.590ha, tăng 9,9% so với năm 2010 và trong 5 năm, diện tích gieo trồng tăng 7,6% so với cùng kỳ giai đoạn trước. Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm được 31.580 tấn, tăng 5,3% so với mục tiêu Đại hội đề ra; bình quân lương thực đầu người đạt 817 kg/năm, tăng 9,4% so với năm 2010 và tăng 4,14% so với mục tiêu Đại hội¹. Bên cạnh tập trung các nguồn lực phát triển cây lương thực chính, Huyện ủy tích cực chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tạo ra sản phẩm nông sản có giá trị kinh tế cao đem lại thu nhập thêm cho các hộ nông dân và góp phần vào thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương chuyển hóa dần từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, cây hoa màu tăng nhanh qua các năm, đặc biệt cây dong riềng trở thành cây trồng thế mạnh của huyện. Cùng với sự phát triển diện tích dong riềng thì nghề làm miến cũng

1. Báo cáo số 01/ĐH báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020, ngày 12/8/2015.

được phát triển, miền dong trở thành sản phẩm hàng hóa của huyện và của tỉnh đem lại thu nhập cao cho nhân dân trong vùng. Bình quân trong 5 năm, diện tích trồng cây dong riêng đạt 578 ha/năm. Riêng năm 2013 trồng được 1.133ha, năng suất đạt 620 tạ/ha, sản lượng bình quân đạt 35.836 tấn. Dự án cánh đồng 70 triệu đồng/ha/năm được chú trọng và tăng cường thực hiện bằng các công thức kết hợp cụ thể: Dong riêng, thuốc lá - lúa, ngô - lúa, lúa - lúa xen cá... Toàn huyện thực hiện được 1.519ha, trong đó diện tích nghiệm thu đạt trị giá 70 triệu đồng trở lên là 1.328ha, bằng 87,4% tổng diện tích thực hiện.

Công tác chăn nuôi nhìn chung cũng có sự phát triển song không đồng đều giữa các loại vật nuôi. Chăn nuôi đại gia súc: Trâu, bò, ngựa giảm mạnh so với giai đoạn trước Tuy số lượng đàn đại gia súc thực hiện không đạt được kế hoạch song số lượng các loài vật nuôi khác đều có sự tăng trưởng mạnh và vượt kế hoạch đề ra: Đàn lợn tăng 76,78%, đàn gia cầm tăng 80,2%, diện tích nuôi thủy sản tăng 53,87%¹. Cùng với đó, nhiều mô hình trình diễn, thí điểm về chăn nuôi như: Mô hình nuôi gà thả vườn, đồi; nuôi lợn nái Móng Cái, sử dụng thức ăn ủ chua... mang lại hiệu quả kinh tế và được nhân dân hưởng ứng tích cực. Đặc biệt, tính chất sản xuất hàng hóa của ngành chăn nuôi ngày rõ ràng hơn, hạn chế dần tính chất tự cung tự cấp; chất lượng đàn gia súc được

1. Báo cáo số 01/ĐH báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020, ngày 12/8/2015.

cải thiện; ý thức chăm sóc, phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi của người dân tăng lên; nhờ đó chăn nuôi đã phát huy vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

Tiếp tục phát huy thế mạnh về lâm nghiệp của địa phương, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung lãnh đạo thực hiện song song hoạt động trồng, chăm sóc rừng kết hợp với quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng đang có. Đẩy mạnh công tác trồng và chăm sóc rừng, huyện triển khai thực hiện kết hợp nhiều giải pháp như: giao khoán diện tích trồng, chăm sóc rừng cho các xã, thị trấn; xây dựng vườn ươm cây giống chất lượng cao; tập trung tuyên truyền phổ biến sâu rộng về chính sách và lợi ích của trồng rừng đến mọi tầng lớp nhân dân, vận động nhân dân tích cực tham gia trồng rừng... Nhờ đó, công tác trồng rừng đã đạt được những kết quả tích cực: hầu hết các xã, thị trấn thành lập được Ban Phát triển rừng, trồng rừng trở thành phong trào tại các địa phương, diện tích rừng trồng mới không ngừng tăng cao. Trong nhiệm kỳ, tổng diện tích rừng trồng đạt 7.740ha, bình quân mỗi năm trồng được 1.448ha, nâng độ che phủ rừng của huyện đạt 73%. Đối với hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường; vận động nhân dân ký cam kết bảo vệ rừng; huyện thành lập các tổ công tác, đoàn kiểm tra chốt chặn, truy quét tình trạng khai thác rừng trái phép: phát hiện và xử lý 1.285 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng,

tích thu hơn 585m³ gỗ các loại, nộp Kho bạc Nhà nước trên 5,4 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tuy quy mô còn nhỏ song các lĩnh vực khai thác, sản xuất tương đối đa dạng như: Khai thác cát, sỏi, đá, sản xuất gạch nung, chế biến nông sản, lâm sản, dịch vụ may mặc, sửa chữa cơ khí nhỏ nên cơ bản đáp ứng được nhu cầu của địa phương và giải quyết việc làm ổn định cho hơn 800 lao động địa phương. Lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ tăng trưởng chậm, tổng giá trị bình quân cả nhiệm kỳ đạt hơn 224 tỷ đồng, tăng 26% so với giai đoạn trước. Các doanh nghiệp và hợp tác xã đã tham gia tích cực vào khâu phân phối sản phẩm tại các xã vùng sâu, vùng xa, các mặt hàng chính sách thiết yếu được thực hiện đầy đủ, đúng giá quy định, phục vụ kịp thời đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, các dịch vụ vận tải, mạng lưới bưu chính, viễn thông phát triển khá nhanh, đáp ứng nhu cầu đi lại, thông tin, phục vụ phát triển kinh tế của nhân dân.

Về công tác tài chính, tín dụng, hoạt động thu ngân sách luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên rà soát, khai thác tối đa các nguồn thu trên địa bàn. Trong 5 năm, tổng thu ngân sách đạt 89,625 tỷ đồng, bình quân thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước 10%. Chi ngân sách đảm bảo đúng quy định Nhà nước, cơ bản đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi các chương trình mục

tiêu đảm bảo an sinh xã hội và các nhu cầu thiết yếu khác của huyện. Công tác thanh tra, kiểm tra ngân sách được tăng cường góp phần minh bạch hóa hoạt động thu, chi ngân sách. Hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội góp phần tích cực vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đặc biệt trong công tác xóa đói giảm nghèo; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hoạt động thương mại - dịch vụ. Trong nhiệm kỳ, doanh số cho vay của các ngân hàng đạt 639,11 tỷ đồng, tổng dư nợ ước đạt 410,289 tỷ đồng.

Đẩy mạnh thực hiện chiến lược hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nông dân theo Kết luận của Hội nghị Trung ương 7 (khóa X), Ban Thường vụ Huyện ủy đặc biệt quan tâm lãnh đạo hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, xóa nhà tạm, dột nát, đưa nước sạch về với đồng bào dân tộc thiểu số. Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, nguồn vốn xã hội hóa và sự đóng góp của nhân dân, huyện đầu tư xây dựng thêm được 74 công trình giao thông với 73km đường, 17 công trình thủy lợi với khả năng chủ động nước tưới tiêu 85ha ruộng; 19 công trình trường học, 2 công trình trạm xá, bệnh viện; 6 công trình trụ sở làm việc, 4 công trình nước sinh hoạt, 18 công trình điện lưới; 2 khu tái định cư: Khu tái định cư Khuổi Có xã Lương Thượng cho đồng bào Mông và khu tái định cư Khuổi Sáp, xã Lạng San cho đồng bào Dao. Nhờ đó, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện ngày càng phát triển. Đến năm 2015,

100% các xã có đường ô tô thuận lợi đến trung tâm xã; trên 95% hộ dân được sử dụng điện lưới Quốc gia; 90% hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; các trường học trung tâm cơ bản được xây dựng cấp 4 trở lên; 100% xã, thị trấn có nhà trạm y tế. Nhiều công trình thủy lợi được xây dựng, cơ bản đáp ứng nước tưới cho 1.400ha đất sản xuất lúa 2 vụ.

Cùng với những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, chiến lược hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn, lĩnh vực văn hóa - xã hội của huyện có bước chuyển biến mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào nâng cao và thúc đẩy đời sống tinh thần của nhân dân.

Trong giai đoạn 2010 - 2015, ngành giáo dục huyện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền huyện, chất lượng dạy và học từng bước được nâng cao, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học ngày càng được tăng cường, hoàn thiện, sĩ số học sinh được duy trì và giữ vững. Đến năm 2015, toàn huyện có 62 trường học với 448 lớp và 8.442 học sinh. So với nhiệm kỳ 2005-2010, số lượng học sinh tăng thêm 370 em và chặn đứng được sự suy giảm sĩ số học sinh ở các cấp học. Thực hiện chiến lược phổ cập giáo dục giai đoạn 2011-2015, đến năm 2015, toàn huyện hiện có 13/22 xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi; 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức 1 và phổ cập giáo dục Trung học cơ sở. Chất lượng giáo

dục tiếp tục được nâng cao, hàng năm tỷ lệ tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 99%, tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 91,15%; trong nhiệm kỳ, đến năm 2015 có 10 trường đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục 100% đạt chuẩn về trình độ đào tạo trở lên. Bên cạnh nâng cao chất lượng giáo dục chính quy, hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng được duy trì thường xuyên, tạo điều kiện cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, được cập nhật kiến thức và sáng kiến trong sản xuất góp phần vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Quán triệt sự lãnh đạo, chỉ đạo chung, thống nhất của Đảng bộ, chính quyền huyện, ngành y tế triển khai thực hiện nghiêm túc công tác khám, điều trị bệnh cho nhân dân, đặc biệt là các đối tượng chính sách và các chương trình y tế Quốc gia; tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; tiếp tục hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở... qua đó, thúc đẩy chất lượng hoạt động ngành y tế chuyển biến theo hướng tích cực trên các mặt công tác. Trong 5 năm, ngành y tế huyện đã khám cho 395.671 lượt người ở cả hai tuyến, trong đó điều trị nội trú là 29.299 lượt người, công suất sử dụng giường bệnh đạt 127,5%; thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm y tế toàn dân đạt 99,98%. Công tác đào tạo và đào tạo lại được quan tâm thực hiện để chuẩn hóa chất lượng của đội ngũ y, bác sĩ, đã có 48 y, bác sĩ được cử đi học. Hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được đầu tư xây dựng, hoàn

thiện về cơ sở hạ tầng và tăng cường chất lượng hoạt động. Đến năm 2015, có 16/22 trạm y tế xã, thị trấn được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, 15/22 trạm y tế xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế và 12/22 trạm y tế có bác sĩ. Hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ em được quan tâm thực hiện: Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm từ 19% (năm 2010) xuống 14,48% (năm 2015), tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin đạt 95%¹.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được duy trì và tổ chức thường xuyên nhân dịp các ngày lễ hội truyền thống, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương; các thiết chế văn hóa, hương ước thôn bản được xây dựng; phong trào xây dựng gia đình, cơ quan, thôn bản văn hóa được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tạo ra môi trường văn hóa an toàn, lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và mê tín dị đoan. Trong nhiệm kỳ, toàn huyện có 7.628/9.647 hộ gia đình đạt Gia đình văn hóa, 144 thôn, tổ nhân dân đạt tiêu chí Văn hóa và 131 cơ quan, đơn vị đạt Văn hóa. Công tác phát thanh - truyền hình đảm bảo tiếp, thu và phát sóng các chương trình truyền hình của Trung ương, truyền hình tỉnh; xây dựng các chương trình tuyên truyền các văn bản pháp luật và đưa

1. Báo cáo số 01/ĐH báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020, ngày 12/8/2015.

tin phản ánh kịp thời kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh - quốc phòng và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, chương trình xây dựng nông thôn mới cũng như hoạt động của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể quần chúng. Trong giai đoạn 2010-2015 huyện đã tổ chức thành công các hoạt động lớn như: Hội diễn nghệ thuật quần chúng lần thứ II năm 2011, thu hút đông đảo các ngành, đoàn thể, các xã, thị trấn tham gia; Tổ chức Đại hội thể dục thể thao lần thứ V năm 2013 thành công tốt đẹp với nhiều đoàn vận động viên tham gia ở các môn thi đấu đạt nhiều thành tích cao. Năm 2013, với sự quan tâm của các thể hệ thầy trò, huyện đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập trường cấp III Na Rì (Nay là trường Trung học phổ thông Na Rì) thành công tốt đẹp.

Đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo bền vững, Đảng bộ, chính quyền huyện Na Rì đã thực hiện nhiều chủ trương, chính sách đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho nhân dân như: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; Chương trình 135, Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề, cho vay vốn phát triển sản xuất, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo. Từ năm 2011, thông qua các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, đặc biệt là từ Chương trình 135 và các chính sách dành cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, huyện đã xây dựng trên 200 công trình cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất trên 32.600

lượt hộ gồm máy móc, thiết bị, vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi với tổng kinh phí hơn 114,6 tỷ đồng. Cùng với đó, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được triển khai tại 21/22 xã, thị trấn. Ngoài ra, huyện Na Rì cũng đã thực hiện Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 1592 và Quyết định 755/2013/QĐ-TTg với số hộ được hưởng lợi là 2.587 hộ, trong đó, hỗ trợ đất sản xuất 347 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề 239 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt 1.914 hộ; hỗ trợ đất ở 59 hộ... Nhờ đó, đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 17,98%. Công tác dân tộc tiếp tục được quan tâm. Năm 2014, huyện đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu dân tộc thiểu số lần thứ II với các đại biểu đại diện cho các dân tộc trong huyện tham gia.

Đề tạo sự phát triển đồng bộ về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, chính trị, an ninh - quốc phòng, qua đó thay đổi nhanh chóng diện mạo nông thôn, Ban Thường vụ Huyện ủy tăng cường công tác lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Căn cứ vào Nghị quyết số 06-NQ/TU về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, Huyện ủy chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp gồm: Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp huyện do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân huyện làm Trưởng

ban và Ban Chỉ đạo cấp xã do các đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban. Căn cứ Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 6/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, Ban Chỉ đạo huyện phối hợp với các ban, ngành chức năng lập Đồ án quy hoạch và Đề án nông thôn mới. Năm 2012, đã có 18/21 xã, thị trấn hoàn thành xong dự toán quy hoạch xây dựng nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Bắt tay vào triển khai thực hiện, Ban Chỉ đạo xác định Na Rì là một huyện miền núi còn nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn về cả vật chất và tinh thần... nên trong giai đoạn 2011-2015, huyện chọn trước 5 xã điểm: Kim Lư, Hảo Nghĩa, Ân Tình, Lương Hạ và Cường Lợi thực hiện để rút kinh nghiệm trước khi triển khai ra toàn huyện. Muốn thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Ban Thường vụ Huyện ủy quán triệt cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên các mặt; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng để tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân, qua đó có những đóng góp thiết thực cho chương trình xây dựng nông thôn mới; tiến hành rà soát, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách triển khai xây dựng chương trình nông thôn mới để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn; đẩy mạnh việc chuyển giao tiến bộ khoa

học kỹ thuật cho người dân; triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu phát triển y tế, văn hóa giáo dục - đào tạo, thông tin và truyền thông ở nông thôn.

Sau hơn 4 năm thực hiện, các xã, thị trấn trong huyện thực hiện 35 công trình đường giao thông với chiều dài 23,5km; huy động nhân dân tham gia đóng góp được 28.400 ngày công và hiến được 10.779m² đất, đóng góp tiền mặt 232,433 triệu đồng. Đến đầu năm 2015, xã Cường Lợi đạt được 13 tiêu chí, xã Kim Lư đạt 9 tiêu chí, xã Hảo Nghĩa, Lương Hạ đạt 8 tiêu chí, xã Ân Tĩnh đạt 5 tiêu chí. Bên cạnh những kết quả đạt được ban đầu, phong trào xây dựng nông thôn mới còn gặp rất nhiều khó khăn: Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và sự đóng góp của nhân dân còn nhiều hạn chế; chưa có cán bộ chuyên trách, các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc cấp huyện, xã đều hoạt động kiêm nhiệm nên thời gian dành cho việc nghiên cứu triển khai các văn bản chưa thường xuyên, chưa kịp thời nắm bắt các thông tin.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Lực lượng cơ quan chức năng các cấp thực hiện có hiệu quả chiến lược An ninh Quốc gia, chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu kinh tế, chính trị trọng điểm, các hoạt động chính trị, văn hóa trên địa bàn, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của địa phương, kịp thời phát hiện và giải quyết những mâu thuẫn trong nhân dân không để hình thành điểm

nóng và tình huống phức tạp về an ninh trật tự. Trong nhiệm kỳ, các cơ quan chức năng đã thực hiện có hiệu quả hoạt động trấn áp tội phạm vào các đợt cao điểm, điều tra khám phá án đạt 396 vụ, trong đó các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng là 51 vụ. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại các thôn, bản tổ nhân dân được tổ chức thường xuyên để nâng cao hiểu biết về pháp luật cho người dân.

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được duy trì, củng cố vững chắc và chuyển biến tích cực. Lực lượng dự bị, động viên thường xuyên củng cố tổ chức biên chế theo đúng quy định, nắm chắc quân số để kịp thời điều chỉnh, bổ sung thay thế kịp thời. Công tác huấn luyện lực lượng thường trực, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ theo đúng kế hoạch với tỷ lệ quân số tham gia đạt trên 98%. Hoạt động bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 2, đối tượng 3 theo Thông tư số 176/2011/TT-BQP ngày 15/9/2011 của Bộ Quốc phòng đạt 100% kế hoạch, đối tượng 4a đạt 96%, đối tượng 4b đạt 95%, giáo dục kiến thức quốc phòng an ninh cho các em học sinh đạt 100% chỉ tiêu. Quan tâm chỉ đạo công tác tuyển sinh quân sự tạo nguồn cho các xã, thị trấn, tạo nguồn lực lượng thường trực của địa phương đạt kết quả tốt. Công tác tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu, chất lượng. Công tác diễn tập, chiến đấu trị an, phòng thủ dân sự được chú trọng đã nâng cao khả năng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền

địa phương các cấp và trình độ tham mưu của các ban, ngành, đoàn thể; nâng cao khả năng sẵn sàng xử lý các tình huống phức tạp, bất ngờ... Thực hiện Chỉ thị của Quân khu 1 về xây dựng đơn vị “sáng, xanh, sạch đẹp”, năm 2013, Ban Chỉ huy quân sự huyện Na Rì đạt giải nhì toàn Quân khu... Công tác Quốc phòng, quân sự địa phương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giai đoạn mới.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng có nhiều chuyển biến tích cực. Trong công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ là tăng cường củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Về giáo dục chính trị, tư tưởng, các cấp ủy Đảng đã tổ chức triển khai học tập, nghiên cứu, quán triệt đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị và văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện đến toàn thể cán bộ, đảng viên. Các nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đại hội Đảng bộ huyện đều được các cấp ủy Đảng xây dựng chương trình hành động và kế hoạch lãnh đạo thực hiện. Hoạt động sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc theo kế hoạch chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ổn định, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên

mới, toàn Đảng bộ huyện cử 227 đồng chí đi học sơ cấp - trung cấp và cao cấp lý luận chính trị; mở được 17 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho 691 đảng viên dự bị, 8 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 528 lượt Bí thư chi bộ thôn bản, 6 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho 713 đồng chí, 7 lớp quản lý Nhà nước.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Đảng bộ huyện tổ chức triển khai, quán triệt nghiêm túc đến các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Việc cụ thể hóa 7 chuẩn mực đạo đức theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được đa số các cơ quan, đơn vị, cơ sở cụ thể hóa và tiến hành niêm yết ở nơi làm việc; bên cạnh đó các tổ chức cơ sở Đảng, cơ quan, đơn vị đã sắp xếp thời gian sinh hoạt cho việc kể các câu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; qua đó, tạo ra sự chuyển biến nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đặc biệt, các cấp ủy đã gắn việc thực hiện cuộc vận động với thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương và tích cực triển khai bằng các hành động cụ thể như đổi mới tác phong, lề lối làm việc, nêu cao ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, ý thức tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí... Để nâng cao hiệu quả của cuộc vận động đối với cán bộ, đảng viên, Huyện ủy chỉ đạo các tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị gắn việc thực hiện cuộc vận động với việc thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng thực hiện nghiêm túc theo quy định và xây dựng các kế hoạch, quy định, hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức Đảng các cấp thực hiện theo. Qua kiểm điểm tự phê bình, phê bình ở các cấp, cán bộ, đảng viên nhận ra những khuyết điểm, hạn chế của mình, trên cơ sở đó đề ra phương hướng phấn đấu và giải pháp để sửa chữa, khắc phục. Công tác sửa chữa, khắc phục khuyết điểm được kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động và học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu. Sau 3 năm thực hiện nghị quyết, bước đầu toàn Đảng bộ đã đạt được sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng trong Đảng, đồng thời cho thấy rõ hơn tính cấp bách và sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đảng bộ thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, tuy nhiên kết quả đạt được còn nhiều hạn chế. Bình quân hàng năm số tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt trong sạch vững mạnh là 37,93%; tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 13,67%. Công tác phát triển Đảng luôn được duy trì tốt, đặc biệt chú trọng phát

triển đảng viên ở các cơ sở khó khăn, thôn bản ít đảng viên và trong lực lượng thanh niên chuẩn bị lên đường nhập ngũ. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện mở được 29 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho 1.234 quần chúng ưu tú và kết nạp được 761 đảng viên mới.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng được cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Các quyết định, quy định, hướng dẫn của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm tra Trung ương liên quan đến kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng đều được quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Ngay sau Đại hội Đảng bộ xã và huyện, Ủy ban Kiểm tra các cấp được kiện toàn và xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa. Hàng năm, cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp đều tổ chức kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng và trong nhiệm kỳ đã tiến hành kiểm tra được 807 lượt, giám sát được 689 lượt. Qua kiểm tra, giám sát, các cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật đối với 50 đảng viên vi phạm. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo đúng quy trình, đánh giá đúng thực trạng, kịp thời phát hiện các vi phạm và hiện tượng tiêu cực; thi hành kỷ luật Đảng thực hiện đúng nguyên tắc, phương châm, thủ tục và thẩm quyền, đảm bảo tính răn đe, thuyết phục.

Cùng với thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện cũng thường xuyên quan tâm xây dựng

củng cố chính quyền ngày càng vững mạnh. Ngày 22/5/2011, Huyện ủy lãnh đạo thực hiện tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016. Hội đồng nhân dân huyện khóa XVIII, nhiệm kỳ 2011-2016 được bầu với 30 đại biểu. Ngày 20/6/2011, Hội đồng nhân dân huyện khóa XVIII họp kỳ đầu tiên, các đại biểu bầu ra các chức danh chủ chốt: Đồng chí Lưu Văn Quảng - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Na Rì khoá XVIII; đồng chí Hoàng Thị Dung - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện khóa XVII, tái đắc cử chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện khóa XVIII, đồng chí Nông Văn Kỳ - tái cử Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2010-2015; đồng chí Nông Danh Hiên và đồng chí Phan Thị Xuyên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2005-2010 tiếp tục được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2010-2015.

Hội đồng nhân dân huyện xây dựng và ban hành nghị quyết về các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng hàng năm. Nghị quyết đã kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bám sát tình hình thực tế địa phương và có tính khả thi cao, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Theo định kỳ, Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp để lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của các cử tri và ý kiến trả lời, nhận xét của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn; hoạt động lấy ý kiến nhận xét của cử tri với đại biểu hội đồng được thực hiện nghiêm túc. Hội đồng nhân dân các cấp duy trì chế độ họp định kỳ, chất lượng nội dung các kỳ họp từng bước được nâng cao; công tác giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo luật định, qua hoạt động giám sát đã kịp thời đề nghị các cơ quan chức năng liên quan xem xét, tháo gỡ những vướng mắc còn tồn tại.

Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng và thực hiện đúng quy chế làm việc. Thực hiện các chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện triển khai nhiều giải pháp, biện pháp giải quyết có hiệu quả các vấn đề như: Phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thu ngân sách, giải quyết tranh chấp đất đai, thực hiện xây dựng cơ bản... Đẩy mạnh công tác chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững tình hình an ninh, trật tự, năng lực chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền được nâng lên. Công tác cải cách thủ tục hành chính được coi trọng, trong đó tập trung chỉ đạo các cơ quan, xã, thị trấn xây dựng và thực hiện cơ chế một cửa, giảm bớt thủ tục phiền hà cho người dân.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đổi mới phương thức hoạt động trên cơ sở Kết luận số 62-KL/TW ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị "Về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” để phát huy hơn nữa hiệu quả trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Trong nhiệm kỳ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phối hợp thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và Chỉ thị số 03-CT/TW về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Cùng với đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã triển khai xây dựng được 146 nhà đại đoàn kết với tổng số tiền gần 2 tỷ đồng, phối hợp xây dựng được 463 nhà cho người nghèo theo Chương trình 167 của Chính phủ.

Hội Nông dân huyện và các xã tích cực thực hiện các đề án phát triển nông nghiệp, các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, vận động hội viên tích cực tham gia chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua như: “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; “Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới”. Đặc biệt, đẩy mạnh thực hiện phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, xuất hiện ngày càng nhiều hộ nông dân ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, ngành nghề nông thôn. Trong nhiệm kỳ, Hội xây dựng

được quỹ hội hơn 1,3 tỷ đồng và kết nạp thêm 725 hội viên mới, nâng tổng số hội viên lên 6.497 hội viên, chiếm 79,3% tổng số hộ làm nông nghiệp.

Hội Liên hiệp Phụ nữ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên học tập, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào thi đua của Hội, đặc biệt là Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện chỉ đạo các tổ chức cơ sở hỗ trợ các hội viên phát triển sản xuất, đặc biệt là các hội viên có hoàn cảnh khó khăn để vươn lên thoát nghèo, ổn định đời sống và phát triển tổ chức Hội. Đến đầu năm 2015, tổ chức Hội các cấp đã kết nạp thêm 526 hội viên, nâng tổng số hội viên lên 6.724 người.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thông qua các đợt sinh hoạt: “Tuổi trẻ Việt Nam tiến dưới cờ Đảng”, “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, “Đoàn viên phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam”; đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống thông qua các ngày lễ lớn của đất nước; thường xuyên phối hợp tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong đoàn viên, thanh niên; tích cực chỉ đạo hai phong trào “Năm xung kích phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “Bốn đồng hành với người thanh niên lập thân lập người”; hàng năm Đoàn Thanh niên các cấp còn phát động phong trào “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng”.

Hội Cựu chiến binh huyện tập trung vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tuyên truyền, vận động hội viên nâng cao nghị lực, ý chí phát triển kinh tế, thoát khỏi đói nghèo. Trong nhiệm kỳ, Hội phát động được nhiều phong trào như: “Cựu Chiến binh gương mẫu”; “Phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng”, “Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội”... Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, toàn Hội có hàng chục tổ tiết kiệm và vay vốn để nhận ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện vay vốn giúp các hội viên có điều kiện phát huy tính năng động sáng tạo, vươn lên giảm nghèo bền vững; xây dựng và duy trì được 88 mô hình phát triển kinh tế.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về việc tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và các văn bản hướng dẫn của Trung ương và các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, từ ngày 10-12/8/2015, Đảng bộ huyện Na Rì tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho nhiệm kỳ 2015-2020: “Khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh, phát huy mọi nguồn lực và tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp - lâm nghiệp - công nghiệp và dịch vụ, trong đó tập trung đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tạo sự chuyển dịch nhanh về cơ cấu kinh tế; tích cực chỉ đạo phát triển các cây trồng mà huyện

có lợi thế thành vùng sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, quốc phòng được củng cố. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, đoàn thể các cấp vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Phấn đấu đến năm 2020 trong cơ cấu kinh tế tỉ trọng ngành nông - lâm nghiệp đạt 45%, tiểu thủ công nghiệp đạt 20%, dịch vụ đạt 35%”. Cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra một số mục tiêu cụ thể trên các lĩnh vực:

1. Trong phát triển kinh tế: Tổng diện tích gieo trồng hàng năm đạt 9.600ha, trong đó diện tích trồng cây lương thực là 6.700ha, tổng sản lượng lương thực đạt 32.000 tấn/năm, bình quân lương thực đầu người đạt 780 kg/năm, hoàn thành quy hoạch vùng trồng cây ăn quả và một số loại cây trồng có giá trị cao. Tổng đàn gia súc đạt 12.000 con, tỷ lệ tiêm phòng đạt 65% tổng đàn trở lên. Trồng rừng hàng năm trên 500ha, duy trì tỷ lệ che phủ rừng 73%. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 87,97 tỷ đồng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng hàng năm tăng 25%.

2. Thực hiện nông thôn mới: Mỗi xã đạt thêm 1 tiêu chí/năm trở lên, phấn đấu có 2 xã về đích xây dựng nông thôn mới.

3. Về văn hóa - xã hội: Tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo, lớp 1 và lớp 6 đạt 100%, tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở trên 90%, phấn đấu có thêm 6 trường đạt chuẩn

Quốc gia. Hàng năm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đạt 0,3%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng đầy đủ 8 loại vắc-xin đạt từ 95% trở lên, 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ và đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Mỗi năm giải quyết việc làm cho từ 300-350 lao động, đến năm 2020, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 60%. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 10%, 85% số hộ gia đình được công nhận là Gia đình văn hóa, 72% thôn, tổ được công nhận thôn, tổ Văn hóa, có 95% cơ quan, đơn vị Văn hóa.

4. Thực hiện tốt công tác quốc phòng - an ninh địa phương. Công tác tuyển quân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, huấn luyện lực lượng thường trực, lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên, diễn tập chiến đấu trị an đạt 100% theo kế hoạch. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kiểm chế, từng bước đẩy lùi các loại tội phạm, giảm thiểu các tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông. Tỷ lệ khám phá án hàng năm đạt 90% trở lên, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm Luật Quản lý, bảo vệ rừng và Luật Khai thác khoáng sản.

5. Xây dựng hệ thống chính trị: Kết nạp thêm 500 đảng viên, hàng năm có trên 50% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, 85% chính quyền cơ sở và các đoàn thể đạt vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 gồm 41 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu Ban Thường vụ Huyện

ủy gồm 11 đồng chí: Đồng chí Chung Thị Biền giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nông Đức Chiến giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Hữu Thắng giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; các đồng chí: Lương Văn Hiệu, Mã Thị Hương, Hoàng Đình Nga, Hoàng Văn Nhạn, Trần Mỹ Quân, Hà Văn Tân, Phạm Hồng Thái, Hoàng Văn Vĩnh là Ủy viên Ban Thường vụ.

Bắt tay vào triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XVIII, dù điều kiện của địa phương vẫn còn những khó khăn nhất định nhưng trên cơ sở phát huy những kết quả tích cực đạt được trên các mặt hoạt động trong nhiệm kỳ 2010-2015 cùng sự chủ động trong công tác lãnh đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy và sự chung sức đồng lòng của tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện hứa hẹn sẽ tạo ra được sự đổi thay tích cực cho diện mạo quê hương theo hướng ngày càng văn minh, giàu đẹp hơn.

Trải qua 18 năm xây dựng, phát triển sau thời kỳ tái lập tỉnh Bắc Kạn (1997-2015), Đảng bộ huyện Na Rì đúc rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên các lĩnh vực hoạt động:

1. Phải đảm bảo và phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của các tổ chức Đảng, nhất là tổ chức Đảng ở cơ sở. Thường xuyên quan tâm, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ đảng viên để phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu trong

các phong trào phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa các cấp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương.

2. Đoàn kết, thống nhất trong các cấp ủy Đảng, các chi bộ; thẳng thắn tự phê bình và phê bình để phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ tập thể để xác định chủ trương, ban hành nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, khoa học, phù hợp với điều kiện ở cơ sở. Các cấp ủy Đảng phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình cơ sở, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, sát thực, có phương pháp lãnh đạo, tổ chức thực hiện đường lối, chính sách khoa học, hiệu quả.

3. Trong công tác xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội phải làm tốt công tác dự báo, dự tính, bám sát điều kiện thực tiễn của địa phương. Nắm bắt nhanh những diễn biến mới và nâng cao năng lực phân tích để kịp thời xác định mục tiêu, chính sách, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm.

4. Ưu tiên các nguồn lực để đảm bảo an sinh xã hội, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Chú trọng công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Năng động, sáng tạo, tận dụng tiềm năng, phát huy lợi thế các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nắm chắc tình hình cơ sở là biện pháp căn bản để lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện mọi mặt công tác, nhất là công tác kiểm tra, giám sát, tự kiểm tra, giám sát trong Đảng. Qua đó, nâng cao uy tín, hiệu quả lãnh đạo, đảm bảo cho các chi bộ, Đảng bộ là hạt nhân chính trị ở địa phương, cơ sở đoàn kết toàn dân thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Giải quyết tốt đơn thư, tố cáo, khiếu kiện, khiếu nại của công dân, tránh để phát sinh thành những vụ việc khiếu kiện đông người, vượt cấp.

KẾT LUẬN

Kể từ sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Na Rì đã trải qua chặng đường 40 năm xây dựng và phát triển với nhiều đổi thay trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội. Chặng đường 10 năm cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975-1986), là giai đoạn địa phương tồn tại nhiều khó khăn: Cơ sở hạ tầng lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thiếu thốn; tình hình an ninh, chính trị, tôn giáo có nhiều phức tạp do sự chống phá của các thế lực thù địch; năng lực lãnh đạo của một số tổ chức cơ sở Đảng còn hạn chế... Song dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện và sự chung sức, đồng lòng của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, huyện Na Rì cố gắng hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa: công tác củng cố hợp tác xã đạt kết quả tốt, nhờ đó đảm bảo được nhu cầu tối thiểu của nhân dân và hoàn thành tốt thuế, nghĩa vụ lương thực với Nhà nước; an ninh quốc phòng được giữ vững; toàn huyện hoàn thành nghĩa vụ thiêng liêng

đóng góp sức người, sức của cho 2 cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc, làm nghĩa vụ quốc tế ở hai nước bạn Lào và Campuchia; công tác xây dựng chính quyền từng bước được củng cố, đạt nhiều kết quả khả quan.

Tháng 12/1986, Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng công cuộc đổi mới, chặng đường 10 năm (1987-1996) là giai đoạn Đảng bộ huyện Na Rì lãnh đạo nhân dân bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới: Thay đổi phương thức lãnh đạo, quản lý điều hành nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, từng bước xóa bỏ mô hình kinh tế làm ăn tập thể, chuyển sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư cho văn hóa, giáo dục y tế gắn liền với giữ vững ổn định về an ninh - quốc phòng; thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí. Sau 10 năm thực hiện công cuộc Đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ, nhân dân huyện Na Rì cùng với cả nước cơ bản thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội. Từ năm 1996, cùng với cả nước, Đảng bộ huyện lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Từ đó đến nay, diện mạo quê hương đang đổi thay từng ngày: Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng được nhiều mô hình kinh tế cho hiệu quả tốt; sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ đã có phát triển mạnh mẽ, dần chiếm tỷ trọng

lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện; đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của cán bộ, nhân dân được nâng lên rõ rệt; hệ thống cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm ngày càng được hoàn thiện và khang trang hơn.

Từ thực tiễn sinh động của phong trào cách mạng địa phương, Đảng bộ huyện Na Rì không ngừng lớn mạnh cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Từ 42 Chi, Đảng bộ trực thuộc với 1.030 đảng viên năm 1976, đến năm 2015, toàn Đảng bộ huyện có 45 Chi, Đảng bộ trực thuộc với 2.565 đảng viên. Trên chặng đường 40 năm đã qua, Đảng bộ huyện đã làm tròn vai trò là người tổ chức, lãnh đạo mọi mặt hoạt động thuộc tất cả các lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương. Nhìn chung xuyên suốt chặng đường lãnh đạo qua, Đảng bộ luôn vận dụng linh hoạt đường lối chung vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đưa phong trào của huyện đi lên. Tuy nhiên cũng có những lúc, có nơi, trên một số mặt công tác cụ thể, sự lãnh đạo của Đảng bộ còn gặp phải nhiều khó khăn, trở ngại do cả những yếu tố khách quan và chủ quan.

Chặng đường 40 năm (1975-2015) xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã mang lại bài học kinh nghiệm quý giá cho Đảng bộ và nhân dân huyện Na Rì, không chỉ đối với chặng đường đã qua mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cho chặng đường tới:

Một là, trên cơ sở quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng phải biết vận dụng linh hoạt, đúng đắn vào tình hình cụ thể của địa phương, lựa chọn những vấn đề trọng

tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Đường lối lãnh đạo của Đảng luôn xuất phát từ tình hình thực tiễn của cách mạng cả nước trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể. Đường lối, chủ trương chỉ mang lại hiệu quả thực tế khi được quán triệt đầy đủ, sâu sắc đến từng tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên và nhân dân; đồng thời phải được cụ thể hóa bằng các chính sách, biện pháp cụ thể, sát hợp với tình hình thực tế của địa phương. Nhận thức rõ điều ấy, Đảng bộ huyện thường xuyên tổ chức các đợt học tập quán triệt các nghị quyết, chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, trên cơ sở đó vận dụng linh hoạt vào tình hình thực tiễn của địa phương bằng các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tổ chức thực hiện cụ thể. Trải qua 40 năm (1975-2015), Đảng bộ huyện đã vận dụng linh hoạt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối đổi mới của Đảng, phấn đấu vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, góp phần vào thay đổi diện mạo quê hương từng ngày.

Thứ hai, thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng và khối đại đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc trong địa phương.

Thấm nhuần lợi dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sức mạnh của đoàn kết: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công”, trong công tác lãnh đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu kinh tế, văn hóa - xã hội, Đảng bộ luôn coi trọng vấn đề xây dựng và củng cố sự đoàn kết trong nội bộ tổ chức

Đảng, trước hết trong Ban Chấp hành Đảng bộ và Ban Thường vụ Huyện ủy. Để củng cố khối đoàn kết, Đảng bộ thường xuyên duy trì chế độ sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh công tác tự phê bình, phê bình trong Đảng bộ và các tổ chức cơ sở Đảng. Những biểu hiện của tư tưởng cục bộ, sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân được kịp thời phê phán và loại trừ, các tư tưởng ngại gian khổ, hữu khuynh, tự mãn, trung bình chủ nghĩa cũng từng bước được khắc phục.

Trên cơ sở tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, Đảng bộ đặc biệt quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân. Nhận thức rõ vấn đề xây dựng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân phải gắn với việc phát huy dân chủ, đem lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho đồng bào các dân tộc, Đảng bộ luôn coi trọng củng cố và kiện toàn tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt chức năng giám sát, phản ánh nguyện vọng tâm tư của các tầng lớp nhân dân. Mặt khác, Đảng bộ lãnh đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể thu hút hơn nữa các tầng lớp nhân dân tham gia; thông qua đó, khối đại đoàn kết, gắn bó giữa đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện không ngừng được vun đắp. Đây là một trong những nhân tố quyết định để thực hiện thành công các nhiệm vụ cách mạng.

Ba là, coi dân là gốc của cách mạng, phải gắn bó và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; thường xuyên

làm tốt công tác giáo dục, động viên tư tưởng, nâng cao trình độ nhận thức, từ đó phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý xã hội

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Nước lấy dân làm gốc; Gốc có vững, cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”. Người cũng rất tâm đắc với câu nói dân gian: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu/ Khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm dân là gốc là quan điểm khoa học, toàn diện. Đó là sự kế thừa những tinh hoa dân tộc, là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong tiến trình cách mạng, Đảng là người tổ chức lãnh đạo quần chúng, song phong trào cách mạng được tạo ra lại chính là do các hoạt động của quần chúng. Vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Do đó, muốn làm tốt vai trò lãnh đạo quần chúng, Đảng bộ phải luôn gần bó mật thiết với nhân dân, coi nhân dân là trung tâm, chủ thể của mọi hành động, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân mà làm ra. Cán bộ, đảng viên cần đi sâu, đi sát mới hiểu được tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ý chí của dân, giúp cho Đảng bộ có phương hướng lãnh đạo đúng đắn, từ đó mới xây dựng được phong trào rộng rãi, vượt qua khó khăn, thử thách.

Năm là, xây dựng Đảng bộ xứng tầm yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, không ngừng đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng bộ

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong

sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹. Thành quả ấy có được chính là sự hội tụ tài năng, tính sáng tạo, lòng kiên trung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, cùng sự đồng thuận, ủng hộ, đoàn kết của các tầng lớp nhân dân, của toàn dân tộc. Trong 40 năm qua, để triển khai có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Đảng bộ huyện Na Rì luôn luôn quán triệt nghiêm túc trong toàn hệ thống chính trị của địa phương, để tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nắm, hiểu để thực hiện. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra, Đảng bộ huyện luôn chăm lo đến công tác đào tạo, quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Bởi nếu làm tốt công tác này, địa phương sẽ xây dựng được một đội ngũ giỏi về lãnh đạo, quản lý, vững về chuyên môn, đáp ứng ngày càng tốt hơn với sự thay đổi của tình hình thực tế.

Nhìn lại 40 năm đã qua, trên chặng đường xây dựng, phát triển, Đảng bộ huyện Na Rì đã làm tốt vai trò của người tổ chức, lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần vào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, ngày 28/01/2016.

sự nghiệp cách mạng chung. Với những kết quả đạt được và sự vận dụng bài học kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn cách mạng là cơ sở để Đảng bộ tiếp tục vươn lên, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị địa phương trong những giai đoạn tiếp theo.

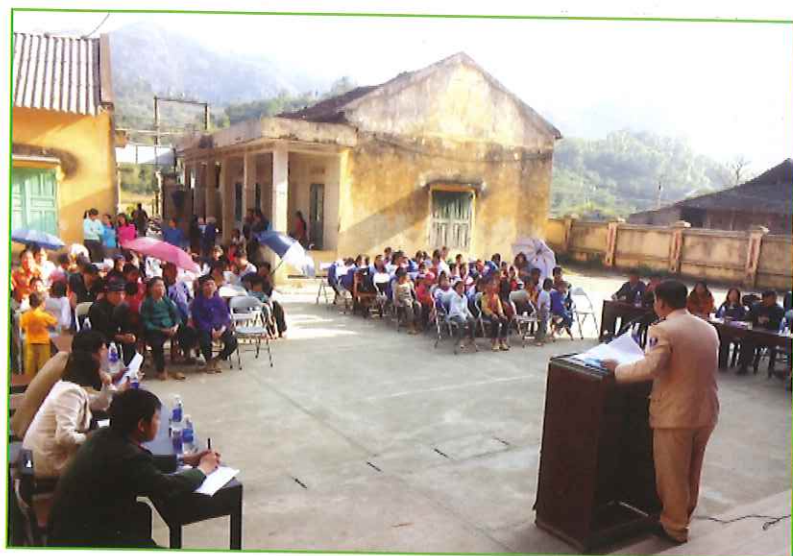
PHỤ LỤC
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ
(1975-2015)

THU BUC

LICH SU BANG BO HUYEN NAM
(1975-1978)



Hội nghị biểu dương Bí thư Chi bộ giỏi (tháng 5/2005)



Công an huyện Na Rì tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật cho các em học sinh năm 2014



Huyện Na Rì giao nhận thanh niên nhập ngũ năm 2015



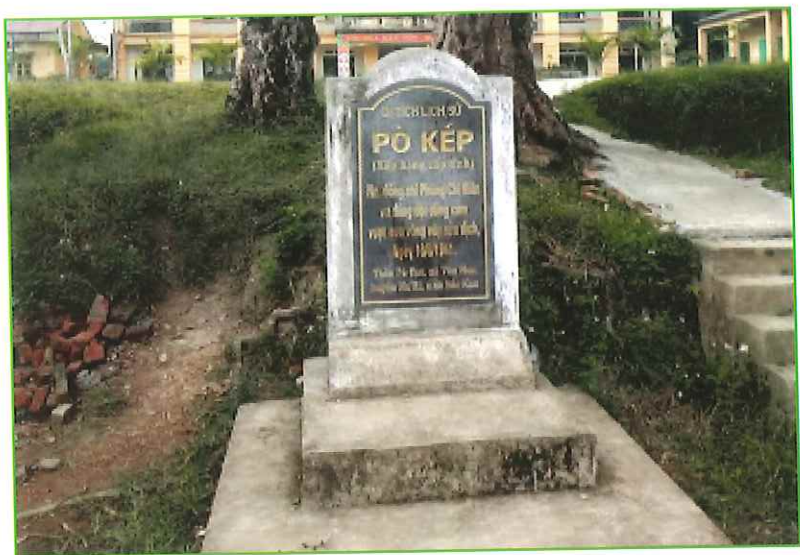
Diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2015



UBMTTQ huyện và các ngành, đoàn thể huyện tặng quà gia đình
hộ nghèo tại thôn Lũng Páng, xã Côn Minh năm 2013



Lễ trao tặng nhà chính sách năm 2013



Di tích lịch sử Pò Kép (xã Văn Học)



Thác Nà Tha (xã Quang Phong)



Động Nàng Tiên (xã Lương Hạ)



Hội khỏe Phù Đổng năm 2014



Lễ khai giảng trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Na Rì năm 2015



Hội chợ truyền thống xã Xuân Dương ngày 25/3 Âm lịch năm 2015



Lễ hội Lồng Tồng xã Lam Sơn ngày mùng 07/01 Âm lịch năm 2015



Hồ Khuổi Khe (xã Kim Lư) được khởi công xây dựng năm 2006



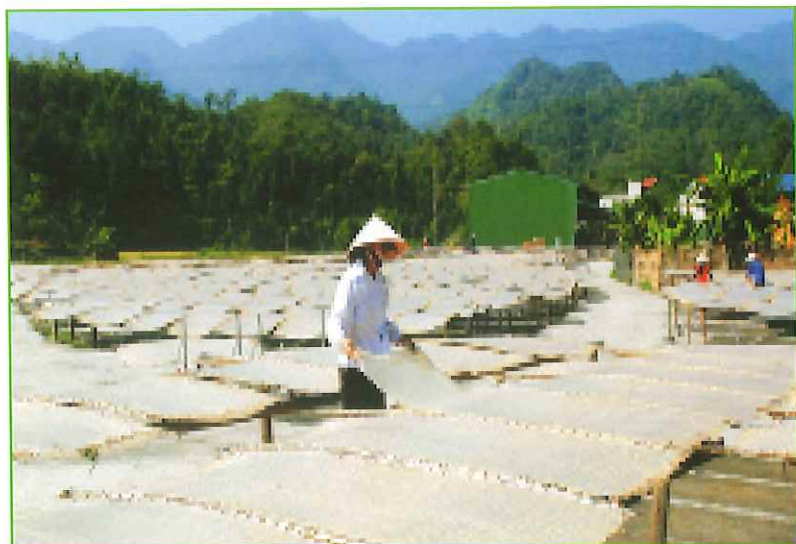
Khe Hát Deng, thị trấn Yên Lạc được khởi công xây dựng năm 2012



Nhân dân xã Dương Sơn tham gia làm đường nông thôn mới năm 2015



Đoàn thanh niên huyện Na Rì phối hợp, hỗ trợ nhân dân xây dựng nông thôn mới năm 2015



Mô hình sản xuất miến dong năm 2014



Giới thiệu sản phẩm miến dong xã Côn Minh - huyện Na Rì
tại hội chợ thương mại tỉnh Bắc Kạn năm 2015



Hội thảo mô hình phát triển lúa xuân 2011



Gieo mạ vụ xuân theo phương pháp phủ ni lông năm 2012



Mô hình trồng cam đường canh đem lại giá trị kinh tế cao



Mô hình chăn nuôi dê mang lại giá trị kinh tế cao



Hội thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì lần thứ nhất năm 2018

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ,
PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY, CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(1975-2015)**



Đồng chí Văn Ngự
Bí thư Huyện ủy
1975-1986



Đồng chí Đình Như Toàn
Phó Bí thư Huyện ủy
Chủ tịch UBND huyện
1975-1977



Đồng chí Lâm Văn Nông
Phó Bí thư Huyện ủy
1975-1982



Đồng chí Nông Văn Thụ
Phó Bí thư Huyện ủy
Chủ tịch UBND huyện
1978-1986

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ,
PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY, CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(1975-2015)**



Đồng chí Lâm Văn Việt
Phó Bí thư Huyện ủy 1982-1989,
Bí thư Huyện ủy 3/1989-8/1997



Đồng chí Nguyễn Văn Việt
Bí thư Huyện ủy
1986 -1988



Đồng chí Nông Văn Lưu
UVBTV, Chủ tịch UBND 1986-1989
Phó Bí thư, Chủ tịch UBND 1989-1991
Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
1991-1994



Đồng chí Hoàng Sương
PBT Thường trực HU 1989-1991,
Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch
UBND huyện 1991-1994

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ,
PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY, CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(1975-2015)**



Đồng chí Triệu Thiêm Cao
Phó Bí thư TT HU 1994-1997,
Bí thư Huyện ủy 9/1997-10/1999



Đồng chí Nông Minh Đồng
UVBTU, Chủ tịch UBND 1995-1996
PBT, Chủ tịch UBND 1996-1997



Đồng chí Hoàng Đức Hoan
Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch
UBND huyện 01/1997-20/8/1997,
Phó Bí thư Huyện ủy 1997-2000



Đồng chí Đàm Văn Thảo
Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch
UBND huyện 1997-1999,
Bí thư Huyện ủy 2000-2002

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ,
PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY, CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(1975-2015)**



Đồng chí Nông Văn Phách
Phó Bí thư Huyện ủy
2000-2005



Đồng chí Nông Minh Xuân
Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch
UBND huyện 2000-2005



Đồng chí Hoàng Duy Chính
Bí thư Huyện ủy 2002-2005



Đồng chí Nông Văn Lung
Bí thư Huyện ủy 2005-2015
Chủ tịch HĐND huyện 2005-2011,

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ,
PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY, CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(1975-2015)**



Đồng chí Vũ Đình Chiêu
Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch
UBND huyện 2005-2007



Đồng chí Nông Văn Kỳ
Phó Bí thư Huyện ủy 2006-2007,
Chủ tịch UBND huyện 2007-2013



Đồng chí Lưu Văn Quảng
Phó Bí thư Huyện ủy
2007-2012



Đồng chí Nông Đức Chiến
Phó Bí thư Huyện ủy
2012-2015

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ,
PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY, CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
(1975-2015)**



Nguyễn Hữu Thắng
Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch
UBND huyện 2013-2015



Đồng chí Đồng Văn Lưu
Phó Bí thư Huyện ủy
2014-2015



Đồng chí Chung Thị Biển
Bí thư Huyện ủy từ 2015



Đồng chí Dương Hữu Bường
Phó Bí thư Huyện ủy 2015

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA VII
(NHIỆM KỲ 1975-1977)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nông Văn Ngự	Bí thư Huyện ủy
2	Lâm Văn Nông	Phó Bí thư Thường trực
3	Đinh Như Toàn	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính
4	Nông Văn Thụ	UVBTV, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính
5	Vũ Huy Đê	UVBTV, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính
6	Hoàng Sương	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo
7	Nông Văn Hàm	UVBTV, Trưởng Ban Tổ chức
8	Mã Thiêm Đành	HUV, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính
9	Hà Văn Noọng	HUV, Trưởng ban Kiểm tra
10	Đinh Duy Hợp	HUV, Bí thư Huyện đoàn
11	Nông Văn Giàu	HUV, Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự huyện
12	Phùng Văn Huyền	HUV, Trưởng Công an huyện
13	Bế Công Hồ	HUV, Phó Chủ nhiệm UBNN
14	Vi Văn Hưng	HUV, Trưởng phòng Văn hóa-Thông tin
15	Hoàng Lâm	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Côn Minh
16	Ma Thị Thập	HUV, Phó Chủ tịch xã Hữu Thác
17	Bế Chi	HUV, Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện

18	Nguyễn Duy Hợp	HUV, Trưởng phòng tổ chức Chính quyền
19	Đình Duy Hiền	HUV, Trưởng phòng Kế hoạch
20	Nông Thị Nhị	HUV, Chánh án Tòa án huyện
21	Nguyễn Duy Thảo	HUV, Hạt trưởng Kiểm lâm
22	Nông Lê Vượng	HUV, Giám đốc Ngân hàng huyện
23	Nông Đình Phương	HUV, Trưởng Phòng Y tế

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA VIII
(NHIỆM KỲ 1977-1979)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nông Văn Ngự	Bí thư Huyện ủy
2	Lâm Văn Nông	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nông Văn Thụ	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
4	Nguyễn Duy Hợp	UVBTV, Trưởng phòng TCCQ
5	Đặng Minh Sơn	UVBTV, Trưởng phòng Lao động
6	Mã Thiêm Đành	HUV, Phó Chủ tịch UBND
7	Nông Văn Giàu	HUV, Chính trị viên phó Huyện đội
8	Nông Văn Hàm	HUV, Phó Chủ tịch UBND
9	Lâm Thị Bjoóc	HUV, Phó Chủ tịch UBND
10	Phùng Văn Huyện	HUV, Trưởng Công an huyện
11	Đinh Duy Hiền	HUV, Trưởng phòng Kế hoạch
12	Vi Văn Hưng	HUV, Trưởng Phòng Văn hóa
13	Nông Văn Lưu	HUV, Trưởng Phòng Giao thông
14	Lý Nguyên Lăng	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Lương Hạ
15	Hà Văn Noọng	HUV, Trưởng ban Kiểm tra
16	Hà Phùng	HUV, Phó Chủ nhiệm UBNN
17	Hà Văn Quý	HUV, Trưởng Phòng Giáo dục
18	Hoàng Hà Quảng	HUV, Chủ nhiệm HTX nông nghiệp xã Côn Minh
19	Hoàng Sương	HUV, Trưởng Ban Tuyên giáo, Chủ tịch Công đoàn huyện
20	Đinh Như Toàn	HUV, Chủ tịch UBMTTQ

21	Nguyễn Văn Tường	HUV, Chủ nhiệm UBND
22	Đàm Văn Thảo	HUV, Bí thư Huyện đoàn
23	Hoàng Thờ	HUV, Trưởng phòng Thủy lợi
24	Nông Lê Vượng	HUV, Trưởng chi điểm ngân hàng huyện
25	Nguyễn Duy Thảo	HUV, Hạt phó hạt kiểm lâm huyện

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA IX
(NHIỆM KỲ 1980-1982)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nông Văn Ngự	Bí thư Huyện ủy
2	Lâm Văn Nông	Phó Bí thư Thường trực
3	Nông Văn Thụ	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND
4	Lâm Văn Việt	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức
5	Hoàng Sương	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo
6	Nguyễn Duy Hợp	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT
7	Hoàng Ngô	UVBTV, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện
8	Nông Văn Thương	HUV, Trưởng Công an huyện
9	Đặng Minh Sơn	HUV, Phó Chủ tịch UBND
10	Nguyễn Văn Tường	HUV, Phó Chủ tịch UBND
11	Lâm Thị Bjóoc	HUV, Phó Chủ tịch UBND
12	Nông Thị Bền	HUV, Chủ tịch Hội phụ nữ
13	Đinh Duy Hiền	HUV, Trưởng Phòng Kế hoạch
14	Nông Văn Hàm	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cư Lễ
15	Nông Văn Lưu	HUV, Trưởng Phòng Giao thông
16	Đinh Duy Nghệ	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Hảo Nghĩa
17	Nguyễn Chí Nguyên	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Đồng Xá
18	Bàn Sinh Nhị	HUV, Bí thư Huyện đoàn
19	Hà Phùng	HUV, Chủ nhiệm UBNN
20	Hoàng Hà Quảng	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Côn Minh
21	Đinh Như Toàn	HUV, Chủ tịch UBMTTQ

22	Hoàng Khải Tinh	HUV, Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện
23	Hoàng Thờ	HUV, Chủ tịch Hội Nông dân
24	Hoàng Tương	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy
25	Hoàng Tô	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Kim Lư
26	Lâm Ngọc Vui	HUV, Giám đốc Lâm trường
27	Nguyễn Duy Nấp	HUV, Giám đốc Công ty thương nghiệp
28	Mã Thiêm Đành	UVĐK, Phó Chủ tịch UBND huyện
29	Nông Minh Đồng	UVĐK, Chủ nhiệm HTX Cường Lợi.

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA X
(NHIỆM KỲ 1983-1986)**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nông Văn Ngự	Bí thư Huyện ủy	Tháng 8/1989, đồng chí Nông Văn Ngự nghỉ hưu
2	Nguyễn Văn Việt	Bí thư Huyện ủy	Tháng 9/1986, được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH, BTV, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy
3	Lâm Văn Việt	Phó Bí thư Thường trực	
4	Nông Văn Thụ	UVBTV, Chủ tịch UBND	
5	Hoàng Sương	UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo	
6	Nông Văn Lưu	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND	
7	Đàm Văn Thảo	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy	
8	Đặng Minh Sơn	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND	
9	Nguyễn Văn Tường	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND	
10	Nguyễn Cam Lộ	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	
11	Hoàng Tô	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Kim Lư	

12	Nông Văn Tàu	HUV, Chánh văn phòng Huyện ủy	
13	Nông Văn Thượng	HUV, Trưởng Công an huyện	
14	Đinh Duy Nghệ	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Hảo Nghĩa	
15	Sầm Thị Đễ	HUV, Trưởng Phòng Tài chính	
16	Nông Minh Đồng	HUV, Chủ nhiệm HTX Cường Lợi	
17	Đinh Duy Hiền	HUV, Trưởng Phòng Kế hoạch	
18	Chu Văn Nguyên	HUV, Trưởng Ban Kiểm tra	
19	Lâm Thị Quyên	HUV, Chủ tịch Hội Phụ nữ	
20	Lâm Ngọc Vui	HUV, Giám đốc Ngân hàng	
21	Hoàng An Vị	HUV, Trưởng phòng Giáo dục	
22	Trịnh Ngọc Lương	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Liêm Thủy	
23	Hà Phùng	HUV, Chủ nhiệm UB xí nghiệp	
24	Lâm Ngọc Sơn	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi	
25	Hoàng Thờ	HUV, Chủ tịch UBMTTQ	
26	Lý Ngọc Đường	HUV, Ủy viên thư ký UBND	

27	Chung Văn Đệ	HUV, Trưởng phòng Giao thông	
28	Nguyễn Duy Nấp	HUV, Giám đốc Công ty Thương nghiệp	
29	Nông Khải Tinh	UVĐK, Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện	
30	Đàm Vịnh	UVĐK, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy	

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA XI
(NHIỆM KỲ 1986 -1988)**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Việt	Bí thư Huyện ủy
2	Lâm Văn Việt	Phó Bí thư Thường trực
3	Nông Minh Đồng	UVBTV, Chủ tịch HĐND
4	Nông Văn Lưu	UVBTV, Chủ tịch UBND
5	Hoàng Sương	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo
6	Nguyễn Cam Lộ	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự
7	Nông Thái Sơn	UVBTV, Trưởng Công an huyện
8	Đàm Văn Thảo	UVBTV, Trưởng Ban Tổ chức
9	Nông Văn Tàu	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT
10	Nông Văn Phách	HUV, Phó Chủ tịch UBND
11	Nguyễn Trung Thuyết	HUV, Giám đốc Trung tâm Y tế
12	Nguyễn Văn Long	HUV, Trưởng Phòng Giáo dục
13	Nông Quốc Hoan	HUV, Phó Chủ tịch UBND
14	Chung Văn Đệ	HUV, Trưởng Phòng Giao thông
15	Sầm Thị Đẻ	HUV, Trưởng Phòng Tài chính
16	Hoàng Thanh Tâm	HUV, Hạt trưởng Kiểm lâm

17	Hoàng Thờ	HUV, Chủ tịch UBMTTQ
18	Đinh Duy Thụ	HUV, Giám đốc Công ty Văn hóa
19	Nông Văn Cư	HUV, Chánh án Tòa án huyện
20	Đinh Duy Hiền	HUV, Trưởng Phòng Kế hoạch
21	Đinh Như Phẩm	HUV, Bí thư Huyện đoàn
22	Triệu Ngọc Long	HUV, Trưởng Phòng Xây dựng
23	Triệu Thiêm Cao	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy
24	Lâm Thị Quyên	HUV, Chủ tịch Hội phụ nữ
25	Nguyễn Duy Nấp	HUV, Giám đốc Công ty Thương nghiệp
26	Hà Phùng	HUV, Trưởng phòng Nông nghiệp
27	Lâm Thị Kim Thoi	HUV, Chánh Văn phòng UBND
28	Nông Quang Đạo	HUV, Chủ tịch UBND xã Côn Minh
29	Nông Văn Cao	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Văn Minh
30	Đinh Duy Nghệ	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Hảo Nghĩa
31	Hoàng Tô	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Kim Lư
32	Lâm Ngọc Sơn	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi

33	Nguyễn Thị Toàn	HUV, Phó Chủ tịch UBND
34	Bàn Sinh Nhị	UVDK, Hiệu trưởng trường Phổ thông cơ sở xã Côn Minh
35	Đinh Ngọc Quyên	UVDK, Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện
36	Đàm Vịnh	UVDK, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy
37	Phan Văn Luyến	UVDK, Chủ tịch UBND xã Lạng Sơn
38	Lăng Duy Đôi	UVDK, Phó Ban Tuyên giáo
39	Nông Duy Ngoạn	UVDK, Viện trưởng Viện Kiểm sát

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA XII
(NHIỆM KỲ 1989-1991)**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lâm Văn Việt	Bí thư Huyện ủy	
2	Hoàng Sương	Phó Bí thư Thường trực	
3	Nông Văn Lưu	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND	
4	Nông Thái Sơn	UVBTV, Trưởng Công an huyện	Tháng 6/1990 nghỉ hưu
5	Nguyễn Cam Lộ	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	Tháng 6/1990 nghỉ hưu
6	Nông Minh Đồng	UVBTV, Chủ tịch HĐND	
7	Nông Quang Đạo	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND	
8	Nông Văn Phách	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND	
9	Chung Văn Đệ	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT	
10	Triệu Thiêm Cao	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
11	Nông Văn Cao	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Văn Minh	
12	Nông Văn Cư	HUV, Chánh án Tòa án huyện	
13	Mã Thiêm Cát	HUV, Trưởng Ban định canh định cư	
14	Sầm Thị Đẻ	HUV, Trưởng phòng TC-KH	

15	Lăng Duy Đôi	HUV, Chủ tịch UBM-TTQ	
16	Nông Quốc Hoan	HUV, Phó Chủ tịch	
17	Hoàng Đức Hoan	HUV, Trưởng Ban Tuyên giáo	
18	Phan Văn Long	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Lạng Sơn	
19	Chung Văn Ngộ	HUV, Phó Chủ nhiệm UBKT	
20	Nông Duy Ngoạn	HUV, Viện trưởng Viện Kiểm sát	
21	Bàn Sinh Nhị	HUV, Bí thư Huyện đoàn	
22	Đinh Ngọc Quyến	HUV, Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện	
23	Lâm Thị Quyên	HUV, Chủ tịch Hội Phụ nữ	Tháng 6/1990 nghỉ hưu
24	Lâm Ngọc Sơn	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi	
25	Hoàng Thờ	HUV, Chủ tịch UBM-TTQ	
26	Nguyễn Thị Toàn	HUV, Phó Chủ tịch UBND	
27	Lâm Thị Kim Thoi	HUV, Chánh Văn phòng UBND	Tháng 6/1990 nghỉ hưu
28	Nguyễn Trung Thuyết	HUV, Giám đốc Trung tâm Y tế	
29	Đàm Vịnh	HUV, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy	

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA XIII
(NHIỆM KỲ 1991-1995)**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lâm Văn Việt	Bí thư Huyện ủy	
2	Nông Văn Lưu	Phó Bí thư Thường trực	Đến năm 1994
3	Hoàng Sương	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND	Tháng 11/1994 nghỉ hưu
4	Chung Văn Ngộ	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT	
5	Hoàng Đức Hoan	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND	
6	Bàn Xuân Thắng	UVBTV, Trưởng Công an huyện	
7	Nông Minh Đồng	HUV, Chủ tịch HĐND	Tháng 4/1995 được bổ sung vào BTV
8	Nguyễn Thị Toàn	HUV, Phó Chủ tịch UBND	
9	Nông Quốc Hoan	HUV, Phó Chủ tịch UBND	
10	Nguyễn Lâm Tới	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
11	Lăng Duy Đôi	HUV, Trưởng Ban Tuyên giáo	Tháng 11/1993 làm Chủ tịch UBMTTQ
12	Đàm Văn Thảo	HUV, Trưởng Ban Tổ chức	Tháng 4/1994 được bổ sung vào BTV
13	Bàn Sinh Nhị	HUV, Chủ tịch Hội nông dân	

14	Hứa Như Tiệp	HUV, Chỉ huy trưởng BCH quân sự	
15	Nông Duy Ngoạn	HUV, Viện trưởng Viện Kiểm sát	
16	Nông Văn Cư	HUV, Chánh án Tòa án nhân dân	
17	Sầm Thị Đề	HUV, Trưởng Phòng TC - KH	
18	Nông Thị Loan	HUV, Phó Giám đốc Trung tâm Y tế	
19	Đinh Ngọc Quyến	HUV, Giám đốc Xí nghiệp Cơ điện	Tháng 4/1994 xin rút khỏi BCH
20	Nguyễn Thị Èn	HUV, Chủ tịch Hội Phụ nữ	
21	Lý Quang Vịnh	HUV, Bí thư Huyện đoàn	
22	Phan Văn Long	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Lạng Sơn	
23	Lý Văn Vịnh	HUV, Bí thư Đảng ủy thị trấn Yên Lạc	
24	Lâm Ngọc Sơn	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi	
25	Nông Văn Tuyên	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Hảo Nghĩa	
26	Nông Quang Đạo	HUV, Chủ tịch UBND xã Côn Minh	
27	Nông Vệ Hùng	HUV, Trưởng phòng Giáo dục	Tháng 5/1994 được bổ sung vào BCH
28	Nông Văn Tàu	HUV, Trưởng phòng Văn hóa	Tháng 5/1994 được bổ sung vào BCH

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA XIV
(NHIỆM KỲ 1996-2000)**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lâm Văn Việt	Bí thư, Chủ tịch HĐND huyện	Tháng 8/1997 chuyển công tác
2	Triệu Thiêm Cao	Phó Bí thư Thường trực	Tháng 9/1997 được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Tháng 9/1999 chuyển công tác.
3	Nông Minh Đồng	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND	Tháng 1/1997 chuyển công tác
4	Hoàng Đức Hoan	UVBT, Trưởng ban Tuyên giáo	Tháng 01/1997 được phân công đảm nhiệm quyền Chủ tịch UBND huyện. Tháng 8/1997 được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.
5	Đàm Văn Thảo	UVBT, Trưởng Ban Tổ chức	Tháng 8/1997 được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện. Tháng 10/1999, được chỉ định quyền Bí thư Huyện ủy. Tháng 3/2000 được bầu giữ vụ Bí thư Huyện ủy.
6	Chung Văn Ngộ	UVBT, Chủ nhiệm UBKT	

7	Nông Văn Phách	UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo	Tháng 4/2000 được phân công công tác Thường trực Huyện ủy, kiêm Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
8	Nông Văn Lung	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND	Tháng 10/1997, được bầu bổ sung vào BCH Huyện ủy. Tháng 3/2000 được bầu bổ sung vào BTV Huyện ủy.
9	Bàn Xuân Thắng	UVBTV, Trưởng Công an huyện	Tháng 12/1996 lâm bệnh qua đời
10	Nguyễn Mạnh Cầm	UVBTV, Trưởng Công an huyện	Tháng 10/1997 được bầu bổ sung vào BCH Huyện ủy. Tháng 1/1998 được bầu bổ sung vào BTV Huyện ủy. Tháng 11/1998 chuyển công tác.
11	Hoàng Đức Chính	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự	
12	Ma Quang Tuấn	Trưởng Công an huyện	Tháng 02/2000 được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH Đảng bộ.
13	Nông Văn Tàu	HUV, Trưởng phòng Văn hóa	Tháng 8/1997, được bầu giữ chức Trưởng ban Tổ chức

14	Đinh Duy Cao	HUV, Giám đốc Kho bạc	
15	Nông Văn Cư	HUV, Chánh án Tòa án nhân dân	
16	Nông Quang Đạo	HUV, Chủ tịch UBND xã Côn Minh	
17	Sầm Thị Đề	HUV, Trưởng Phòng TC-KH	
18	Lăng Duy Đôi	HUV, Chủ tịch UBM-TTQ	
19	Nguyễn Thị Èn	HUV, Chủ tịch Hội Phụ nữ	
20	Nông Quốc Hoan	HUV, Phó Chủ tịch HĐND	
21	Lý Hoàng Huyền	HUV, Chủ tịch UBND xã Lương Hạ	
22	Nông Vệ Hùng	HUV, Trưởng Phòng Giáo dục	
23	Hoàng Văn Luận	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Lạng San	
24	Lý Trường Nam	HUV, Trưởng Phòng LĐTBXH	
25	Nông Duy Ngoạn	HUV, Viện trưởng Viện kiểm sát	
26	Bàn Sinh Nhị	HUV,	
27	Đào Xuân Sơn	HUV, Giám đốc Công ty Vật tư	
28	Lâm Ngọc Sơn	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi	

33	Lý Văn Vịnh	HUV, Bí thư Đảng ủy thị trấn Yên Lạc	Tháng 11/2003, bị thi hành kỷ luật Đảng không tham gia BCH Đảng bộ huyện
34	Nguyễn Văn Chu	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Ân Tĩnh	
35	Lê Thanh Tùng	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Lương Hạ	
36	Lục Văn Dung	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Văn Minh	
37	Lâm Ngọc Sơn	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi	
38	Hoàng Danh Thắng	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Kim Lư	

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA XVI
(NHIỆM KỲ 2005-2010)**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nông Văn Lung	Bí thư Huyện ủy	
2	Nông Văn Phách	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy	Đến tháng 2/2006
3	Nông Văn Kỳ	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy	Tháng 3/2006 đồng chí Nông Văn Kỳ, Phó Chủ tịch UBND huyện được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy. Tháng 11/2007 được HĐND huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND huyện
4	Lưu Văn Quảng	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy	Tháng 11/2007 được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH Đảng bộ huyện, phân công giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực.
5	Vũ Đình Chiểu	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện	Tháng 9/2007 chuyển công tác.
6	Nông Đức Chiến	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy	

7	Nguyễn Thị Biên	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy	
8	Dương Quý Vương	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy	Tháng 9/2008, chuyển công tác đi tỉnh
9	Đàm Văn Nghị	UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy	Tháng 8/2009 chuyển công tác đi tỉnh
10	Hoàng Đức Chính	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH quân sự huyện	Tháng 6/2010 nghỉ hưu
11	Trần Mỹ Quân	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện	Tháng 6/2010
12	Ma Quang Tuấn	UVBTV, Trưởng Công an huyện	Tháng 6/2010 chuyển công tác đi tỉnh.
13	Nguyễn Văn Dương	UVBTV, Trưởng Công an huyện	Tháng 7/2009 được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH, BTV Huyện ủy
14	Hoàng Văn Giáp	UVBTV, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch	Tháng 4/2006 được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện. Tháng 10/2008 chuyển công tác đi tỉnh
15	Nông Văn Hoan	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	Tháng 6/2010 chuyển công tác đi tỉnh.

16	Mã Văn Thịnh	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	Tháng 3/2009 được chỉ định vào BCH, được HĐND huyện bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện.
17	Nông Danh Hiến	HUV, Chánh Văn phòng HĐND, UBND	
18	Vy Văn Thái	HUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy	
19	Hoàng Đình Nga	HUV, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy	
20	Hoàng Văn Nhạn	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
21	Nông Văn Dũng	HUV, Phó Văn phòng Huyện ủy	
22	Bế Mạnh Quốc	HUV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	
23	Phan Thị Xuyên	HUV, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	Tháng 6/2010 được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện
24	Hoàng Thị Dung	HUV, Bí thư Huyện đoàn	Tháng 11/2008 được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐND huyện
25	Hoàng Văn Vĩnh	HUV, Bí thư Huyện đoàn	Tháng 3/2009 được chỉ định tham gia BCH

26	Hoàng Văn Vịnh	HUV, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện	
27	Trương Văn Cường	HUV, Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện	
28	Trần Thị Lan	HUV, Viện trưởng VKS nhân dân huyện	
29	Nông Tư Khoa	HUV, Trưởng phòng Nội vụ, LĐTĐ&XH	
30	Nông Thị Định	HUV, Phó Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT	
31	Hoàng Đức Mạnh	HUV, Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế	
32	Nông Thị Nguyên	Huyện ủy viên, Trưởng phòng TN&MT	
33	Lương Văn Hiệu	Huyện ủy viên, Trưởng phòng VH-TT	
34	Nông Văn Dũng	HUV, Trưởng phòng Nông, lâm nghiệp	
35	Hoàng Văn Vân	HUV, Chánh án Tòa án nhân dân huyện	
36	Nông Văn Dũng	HUV, Phó chánh Thanh tra	
37	Nông Văn Tuyên	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Hào Nghĩa	
38	Đàm Thị Thơi	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Văn Minh	
39	Nông Văn Oánh	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cư Lễ	

40	Nông Ngọc Tinh	HUV, Chủ tịch UBND xã Lam Sơn	
41	Lý Doanh Hằng	HUV, Chủ tịch UBND xã Lương Hạ	
42	Nông Thanh Nghệ	HUV, Chủ tịch UBND xã Cường Lợi	
43	Triệu Thị Len	HUV, Chủ tịch UBND xã Côn Minh	

**DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA XVII
(NHIỆM KỲ 2010-2015)**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nông Văn Lung	Bí thư Huyện ủy	Tháng 6/2015 chuyển công tác
2	Chung Thị Biển	Bí thư Huyện ủy	Tháng 6/2015 được Tỉnh ủy điều động, phân công tham gia BCH, BTV, giữ chức Bí thư Huyện ủy
3	Lưu Văn Quảng	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy	Tháng 4/2012 chuyển công tác
4	Nông Văn Kỳ	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND	Tháng 8/2013 chuyển công tác
5	Nguyễn Hữu Thắng	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện	Tháng 8/2013 được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH, BTV, được HĐND huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND huyện.
6	Đồng Văn Lưu	Phó Bí thư Huyện ủy	Tháng 7/2014 được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH, BTV, giữ chức vụ Phó Bí thư phụ trách tổ chức cơ sở Đảng. Tháng 5/2015 chuyển công tác
7	Nông Đức Chiến	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy	Tháng 4/2012 được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy

8	Hoàng Văn Nhạn	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy	
9	Hoàng Thị Dung	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy - Phó Chủ tịch HĐND huyện.	Tháng 12/2014 chuyển công tác đi tỉnh.
10	Hoàng Đình Nga	UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy	
11	Nông Danh Hiền	UVBTV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện	
12	Nguyễn Văn Dương	UVBTV, Trưởng Công an huyện	Tháng 4/2014 chuyển công tác
13	Hà Văn Tân	UVBTV, Trưởng Công an huyện	Tháng 6/2014 được bầu bổ sung vào BCH, BTV Huyện ủy
14	Trần Mỹ Quân	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH quân sự huyện	
15	Mã Thị Hương	HUV, Chủ tịch Hội LH phụ nữ huyện	
16	Phan Thị Xuyến	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
17	Bế Văn Huế	HUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy	
18	Hoàng Văn Vĩnh	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	

19	Lương Thanh Luyện	HUV, Bí thư Huyện đoàn	
20	Vi Văn Thái	HUV, Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	
21	Lý Văn Sinh	HUV, Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện	
22	Nông Văn Dũng	HUV, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch	
23	Nông Văn Dũng	HUV, Chánh Thanh tra huyện	
24	Nông Văn Dũng	HUV, Trưởng phòng NN&PTNT	
25	Trương Văn Cường	HUV, Trưởng phòng Công thương huyện	Tháng 02/2012 chuyển công tác, thôi tham gia BCH
26	Nông Thị Định	HUV, Phó Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT	
27	Lương Văn Hiệu	HUV, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin	Tháng 3/2012, bầu bổ sung BTV, giữ chức vụ Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
28	Lương Thị Nga	HUV, Phó trưởng Đài Phát thanh và Truyền hình huyện	
29	Hà Thanh Oai	HUV, Chi cục phó Chi cục thuế	

30	Phạm Hồng Thái	HUV, Trưởng phòng GD&ĐT huyện	Tháng 9/2012 chuyển công tác. Tháng 3/2013 bầu bổ sung BTV, giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy.
31	Nông Thị Giáp	HUV, Trưởng phòng GD&ĐT huyện	Tháng 12/2012 được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH Đảng bộ huyện.
32	Trương Xuân Dũng	HUV, Hiệu trưởng trường THPT Na Rì	
33	Ngô Xuân Thắng	HUV, Phó Chánh án Tòa án nhân dân	
34	Nông Quang Kế	HUV, Trưởng phòng Nội vụ	
35	Trần Thị Lan	HUV, Viện trưởng VKS nhân dân huyện	
36	Hoàng Văn Vịnh	HUV, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện	
37	Nguyễn Đình Lai	HUV, Trưởng phòng TNMT	Tháng 12/2012 được Tỉnh ủy chỉ định tham gia BCH Đảng bộ huyện
38	Nông Thanh Nghệ	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi	

39	Nông Văn Oánh	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cư Lễ	
40	Triệu Thị Len	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Côn Minh	
41	Đàm Thị Thơi	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Văn Minh	
42	Nông Văn Tuyên	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Hảo Nghĩa	
43	Lý Xuân Trường	HUV, Chủ tịch UBND thị trấn Yên Lạc	
44	Lý Doanh Hằng	HUV, Chủ tịch UBND xã Lương Hạ	
45	Nông Ngọc Tinh	HUV, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Lam Sơn	

DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ KHÓA XVIII
(NHIỆM KỲ 2015-2020)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Chung Thị Biển	Bí thư Huyện ủy
2	Nông Đức Chiến	Phó Bí thư Thường trực - Chủ tịch HĐND
3	Nguyễn Hữu Thắng	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện
4	Dương Hữu Bường	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
5	Phạm Hồng Thái	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy
6	Hoàng Văn Nhạn	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
7	Lương Văn Hiệu	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
8	Hoàng Đình Nga	UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy
9	Mã Thị Hường	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện
10	Trần Mỹ Quân	UVBTV, Chỉ huy trưởng BCH quân sự huyện
11	Hà Văn Tân	UVBTV, Trưởng Công an huyện
12	Hoàng Văn Vĩnh	UVBTV, Chánh Văn phòng Huyện ủy
13	Nông Văn Hội	HUV, Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện.
14	Nông Danh Hiền	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện
15	Bé Văn Huế	HUV, Phó Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy

16	Nông Văn Dũng	HUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
17	Nông Văn Dũng	HUV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
18	Chung Thị Anh	HUV, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
19	Lương Thanh Luyện	HUV, Bí thư Huyện đoàn
20	Nông Văn Dũng	HUV, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
21	Trương Xuân Dũng	HUV, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
22	Nông Văn Hoạch	HUV, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng
23	Nông Quang Kế	HUV, Trưởng phòng Nội vụ huyện
24	Nguyễn Đình Lai	HUV, Trưởng phòng TN&MT
25	Trần Thị Lan	HUV, Viện trưởng VKS nhân dân huyện
26	Lương Thanh Lộc	HUV, Chánh Văn phòng HĐND, UBND
27	Hà Thanh Oai	HUV, Chi Cục trưởng Chi cục thuế
28	Lý Văn Sinh	HUV, Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện
29	Ngô Xuân Thắng	HUV, Chánh án Tòa án Nhân dân huyện
30	Hoàng Văn Trường	HUV, Phó Thanh tra huyện
31	Nông Văn Thiết	HUV, Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT
32	Phạm Ngọc Thịnh	HUV, Trưởng phòng NN&PTNT

33	Đàm Đình Trường	HUV, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin
34	Hoàng Văn Vịnh	HUV, Giám đốc Trung tâm Y tế
35	Hoàng Đình Trọng	HUV, Trưởng phòng LĐ Thương binh và xã hội
36	Lý Xuân Trường	HUV, Bí thư Đảng ủy thị trấn Yên Lạc
37	Lô Minh Chuyên	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Xuân Dương
38	Nông Văn Thịnh	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Côn Minh
39	Nông Thanh Nghệ	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Cường Lợi
40	Triệu Tiến Hồng	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Lương Hạ
41	Phan Văn Phùng	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Lạng San
42	Nông Ngọc Tinh	HUV, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Lam Sơn

DANH SÁCH BÍ THƯ HUYỆN ỦY

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nông Văn Ngự	8/1975 - 8/1986	
2	Nguyễn Văn Việt	9/1986 - 2/1989	Từ tháng 5 đến 9/1986 quyền Bí thư
3	Lâm Văn Việt	3/1989 - 9/1997	
4	Triệu Thiêm Cao	9/1997 - 10/1999	
5	Đàm Văn Thảo	11/1999 - 9/2002	Từ tháng 11/1999 - 2/2000 quyền Bí thư
6	Hoàng Duy Chính	10/2002 - 10/2005	
7	Nông Văn Lung	10/2005 - 6/2015	
8	Chung Thị Biển	6/2015	

DANH SÁCH PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Lâm Văn Nông	8/1975 - 12/1982	
2	Đinh Như Toàn	8/1975 - 10/1977	
3	Nông Văn Thụ	10/1977 - 12/1982	
4	Lâm Văn Việt	12/1982 - 3/1989	
5	Hoàng Sương	1989-11/1994	
6	Nông Văn Lưu	1989-1994	
7	Triệu Thiêm Cao	4/1994 - 8/1997	
8	Nông Minh Đồng	5/1996 - 01/1997	
9	Hoàng Đức Hoan	8/1997- 3/2000	
10	Đàm Văn Thảo	8/1997 - 3/2000	
11	Nông Văn Phách	10/2000 - 4/2005	
12	Nông Minh Xuân	3/2000 - 6/2005	
13	Nông Văn Lung	6/2005 - 10/2005	
14	Vũ Đình Chiêu	6/2005 - 9/2007	
15	Lưu Văn Quảng	12/2007 - 4/2012	
16	Nông Văn Kỳ	3/2006 - 8/2013	
17	Nguyễn Hữu Thắng	8/2013 - 12/2015	
18	Đồng Văn Lưu	7/2014 - 5/2015	
19	Nông Đức Chiến	4/2012	
20	Dương Hữu Bường	12/2015	

DANH SÁCH CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Đinh Như Toàn	1975 - 1977	Chủ tịch UBHC
2	Nông Văn Thụ	1978 - 1986	
3	Nông Văn Lưu	1987 - 12/1989	
4	Hoàng Sương	01/1990 - 11/1994	
5	Nông Minh Đồng	4/1995 - 12/1996	
6	Hoàng Đức Hoan	01/1997 - 8/1997	Quyền Chủ tịch UBND
7	Đàm Văn Thảo	8/1997 - 3/2000	
8	Nông Minh Xuân	3/2000 - 6/2005	
9	Vũ Đình Chiêu	6/2005 - 9/2007	
10	Nông Văn Kỳ	11/2007 - 8/2013	
11	Nguyễn Hữu Thắng	8/2013 - 12/2015	

DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nông Minh Đồng	1986-1995	
2	Lâm Văn Việt	1996-1997	
3	Triệu Thiêm Cao	1997-1999	
4	Đàm Văn Thảo	2000-2002	
5	Nông Văn Lung	4/2003-2011	
6	Lưu Văn Quảng	2011-3/2012	
7	Nông Đức Chiến	4/2012-2015	

DANH SÁCH TRƯỞNG BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Hoàng Sương	1975 - 1977 1980 - 1989	
2	Lâm Văn Việt	1978 - 1980	
3	Nông Văn Phách	1989 - 1991; 1/1995 - 10/2000	
4	Lăng Duy Đôi	4/1989 - 12/1993	Tháng 8/1989
5	Hoàng Đức Hoan	7/1994 - 12/1994	
6	Vi Văn Thái	11/2000-2005	
7	Dương Quý Vượng	2006-2008	Phó Chủ tịch HĐHD huyện kiêm
8	Hoàng Đình Nga	2008 - 2010	
9	Hoàng Thị Dung	2010-2011	Phó Chủ tịch HĐND huyện kiêm
10	Lương Văn Hiệu	2011 - 2015	

DANH SÁCH TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HUYỆN ỦY

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Mã Thiêm Đành	1975 - 1977	
2	Nông Văn Hàm	1977-1999	
3	Lâm Văn Việt	1980 - 1982	
4	Đàm Văn Thảo	1982 - 1988; 1991 - 1997	
5	Nông Văn Phách	4/1989 - 12/1989	
6	Nông Văn Lưu	01/1990-1991	Phó Bí thư Thường trực kiêm
7	Nông Văn Tàu	9/1997 - 7/2004	
8	Bàn Sinh Nhị	9/2004 - 2005	
9	Nông Đức Chiến	2005 - 8/2012	
10	Phạm Hồng Thái	Từ 9/2012	

DANH SÁCH TRƯỞNG BAN DÂN VẬN HUYỆN

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Bàn Sinh Nhị	1997 - 7/2004	
2	Nông Văn Tàu	8/2004 - 11/2005	Tháng 9/2005 kiêm trưởng đài PT-TH
3	Đàm Văn Nghị	12/2005 - 2008	
4	Lưu Văn Quảng	2008 - 2010	Phó Bí thư Huyện ủy kiêm
5	Hoàng Đình Nga	2010 - 2015	

DANH SÁCH CHỦ NHIỆM ỦY BAN KIỂM TRA HUYỆN ỦY

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Hà Văn Noọng	1975 - 1977	
2	Nguyễn Duy Hợp	1977 - 12/1982	
3	Chu Văn Nguyên	2/1983 - 1985	
4	Nông Văn Tàu	1986 - 1989	
5	Chung Văn Đệ	1989 - 1991	
6	Chung Văn Ngộ	1991 - 2005	
7	Nguyễn Thị Biên	2005 - 2010	
8	Hoàng Văn Nhạn	2010 - 2015	

DANH SÁCH CHÁNH VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY

*

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Hoàng Trương	1975 - 4/1982	
2	Đàm Văn Thảo	5/1982 - 01/1983	
3	Lăng Duy Đới	02/1983 - 9/1984	
4	Đàm Xuân Thu	10/1984 - 3/1985	
5	Nông Văn Tàu	4/1985 - 1986	
6	Triệu Thiêm Cao	1986 - 1991	
7	Nguyễn Lâm Tới	1991 - 3/1997	
8	Hoàng Văn Nhạn	3/1997 - 2010	Từ tháng 3 - 11/1997, quyền Chánh VP
9	Hoàng Văn Vĩnh	2010 - 2015	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THPT
1	Nguyễn Văn A	1998 - 10-10	THPT Nguyễn Huệ
2	Trần Văn B	1999 - 05-05	THPT Trần Hưng Đạo
3	Phạm Văn C	2000 - 03-03	THPT Phạm Văn Đồng
4	Nguyễn Văn D	2001 - 08-08	THPT Nguyễn Văn Trỗi
5	Trần Văn E	2002 - 12-12	THPT Trần Văn Ơn
6	Phạm Văn F	2003 - 07-07	THPT Phạm Văn Đồng
7	Nguyễn Văn G	2004 - 01-01	THPT Nguyễn Văn Trỗi
8	Trần Văn H	2005 - 06-06	THPT Trần Văn Ơn

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2017

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THPT
1	Nguyễn Văn A	1998 - 10-10	THPT Nguyễn Huệ
2	Trần Văn B	1999 - 05-05	THPT Trần Hưng Đạo
3	Phạm Văn C	2000 - 03-03	THPT Phạm Văn Đồng
4	Nguyễn Văn D	2001 - 08-08	THPT Nguyễn Văn Trỗi
5	Trần Văn E	2002 - 12-12	THPT Trần Văn Ơn
6	Phạm Văn F	2003 - 07-07	THPT Phạm Văn Đồng
7	Nguyễn Văn G	2004 - 01-01	THPT Nguyễn Văn Trỗi
8	Trần Văn H	2005 - 06-06	THPT Trần Văn Ơn

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

7

Chương I

ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, BẢO VỆ TỔ QUỐC, BƯỚC ĐẦU TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-1996)

- I. Lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc (1975-1980) 9
- II. Lãnh đạo nhân dân ổn định tình hình kinh tế - xã hội, thực hiện chỉ thị khoán 100 trong sản xuất nông nghiệp (1981-1985) 38
- III. Lãnh đạo nhân dân bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986-1990) 62
- IV. Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đưa địa phương thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1991-1996) 94

Chương II
**ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI,
XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG PHÁT TRIỂN,
(1997-2015)**

I. Đảng bộ huyện Na Rì lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo thế và lực bước sang thế kỷ XXI (1997-2000)	125
II. Phát huy nguồn lực địa phương, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên trong thế kỷ mới (2000-2005)	145
III. Bước đầu thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn (2005-2010)	167
IV. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bước đầu triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới (2010-2015)	191
KẾT LUẬN	223
PHỤ LỤC	231

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ĐẢNG BỘ HUYỆN NA RÌ (1975-2015)

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập nội dung

Văn Trường - Thanh Tùng

Thiết kế mỹ thuật

Văn Đoàn

Đọc soát bản in

Văn Trường

In 450 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Công ty Cổ phần In Sao Việt

Địa chỉ: 9/40 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, Hà Nội

Quyết định in số: 164/QĐ-NXBLLCT, cấp ngày 22/09/2019

Mã số sách theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 979-604-904-395-5

In xong và nộp lưu chiểu: Năm 2019.

Đơn vị phối hợp thực hiện

Trung tâm nghiên cứu Lịch sử

Công ty Cổ phần Đầu tư TVHT

Số 51, Phan Bá Vành, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tell: (024) 33.993.993, Fax: (024) 2221.4455

Email: lienhe@tvht.vn

Website: www.tvht.vn